

HỌC HÀNH PHẬT PHÁP - CHÚ TRỌNG THỰC HÀNH

Đàm Thoại Cùng Nữ Tu Sĩ Thiên Chúa Giáo

Người đàm thoại: Hòa Thượng Tuyên Hóa, nữ tu sĩ người Mỹ, người Hoa và các sư cô Hằng Trì, Hằng Đạo, và Hằng Giai ở Vạn Phật Thành.

Thời gian: Ngày 31 tháng 10 năm 1985

Địa điểm: Chùa Kim Sơn, San Francisco, California, Hoa Kỳ

Sư cô Hằng Đạo: Chúng ta vừa cùng các Sơ nghiên cứu về cách sáng lập hệ thống học đường rất thành công trong quá khứ của Thiên Chúa giáo, cùng chế độ nghiêm cẩn của những vị Linh mục và các Sơ tịnh tu. Căn cứ theo hai mươi năm gần đây, nhiều vị Linh mục và các Nữ tu sĩ đã rời khỏi truyền thống của chế độ tu nhà dòng, và hiện nay có rất nhiều Sơ ở một mình.

Hòa Thượng: Tôi vốn rất khâm phục về cách tổ chức và chế độ giáo dục của đạo Thiên Chúa, là có thể bổ túc phần chánh khí trong trời đất. Nếu truyền thống của chế độ Tu Viện bị suy đồi, sa sút thì đây không những là điều bất hạnh cho Thiên Chúa Giáo, mà cũng là niềm bất hạnh cho toàn thế giới. Việc chủ yếu nhất của những vị Linh mục và các Sơ là thanh khiết thân tâm, giữ gìn giới luật. Nếu ở riêng một mình thì khó mà đứng vững, vì họ rất có thể sẽ không giữ giới luật và làm trái ngược với các giáo điều.

Sư người Mỹ: Không phải là các Sơ thích sống một mình, mà vì trong đoàn thể Giáo hội đang có xu hướng biến đổi. Chúng tôi chỉ là những thành phần của cả đoàn thể này, vì muốn bảo trì sự tự tôn nên chúng tôi mới phải xin độc lập, chứ không phải vì chúng tôi muốn được ở riêng mà thoát ly tu viện.

Hòa Thượng: Phàm việc gì có tốt thì cũng có xấu, có thành tức có bại. Có khi nói rất hay, nhưng khi làm lại rất dở; và lý tưởng vốn rất tốt, nhưng kết quả thực hành thì thường trái ngược với nhau. Tôi không biết phẩm cách của các Linh mục và các Sơ như thế nào? Nhưng tôi biết trong Phật giáo, nếu các Thầy Tỳ Kheo hoặc Tỳ Kheo Ni mà ở độc cư thì nhất định là rất dễ phạm giới. Và giới dâm là giới dễ bị phạm nhất. Ngoài ra họ còn có thể phạm những giới khác như: trộm cướp, vọng ngữ, uống rượu, thậm chí đến giới sát, họ cũng có thể phạm luôn nên rất dễ bị đọa lạc. Trừ phi những người có tâm định kiên cố, bất di bất dịch như Kim Cang thì là chuyện khác. Nhưng trên thế gian, người tu hành chứng đắc được Định Kim Cang, rốt cuộc là có mấy ai? Người vẫn là người, đa số đều bị ngũ dục sai khiến để đi vào con đường lầm lạc. Cho nên người tu sống độc cư mà không phạm giới dâm thì thật là quý hiếm như lông phụng, sừng lân

đấy! Thậm chí trong tập thể đồng cư chung sống mà vẫn có người không giữ quy củ, hà huống chi là kẻ sống riêng rẽ một mình! Điều đó chúng ta có thể suy ra mà biết!

Sư cô Hằng Trì: Các Sư vừa giải thích nguyên nhân họ muốn sống độc cư là bởi không cảm phục cấp lãnh đạo và những vị trưởng bối.

Hòa Thượng: Nếu không tín phục các hàng trưởng bối, vậy họ nên tìm người đáng kính phục để y chỉ nương theo. Nếu không lo bảo trì truyền thống và thanh quy, e rằng hai mươi năm sau sẽ không còn người tin theo đạo Thiên Chúa nữa.

Sư người Mỹ: Đề nghị của Ngài là tìm một vị trưởng bối đáng để chúng tôi khâm phục. Ý Ngài nói là chỉ tìm người trong Giáo hội hay là ngoài phạm vi Giáo hội – tức là kiếm một vị lãnh đạo mà toàn chúng đều nể phục phải không? Nhưng bởi vì căn cứ theo tổ chức giai cấp của Thiên Chúa Giáo, tất cả các trưởng bối đều là người “thọ mệnh của Thiên Chúa” đến lãnh đạo tín chúng. Cho đến tại các trường, học sinh cũng xem thầy giáo giảng dạy là người “nhận Thiên mệnh.” Như đức Cha Pope John có nói qua: “Chúa Trời hiện đang sống ở trong chúng ta.” Nhưng tổ chức cấp bậc thuộc về truyền thống thì đã dần dần tan rã.

Sư cô Hằng Trì: Chúng ta phải làm thế thế nào để bảo trì cho chế độ Phật giáo được cường mạnh đây? Hiện có nhiều người Tây phương đã chuyển niềm tin qua Phật Giáo. Bởi vì chế độ tu viện của tôn giáo Tây phương ngày càng sụp đổ, như đạo Thiên Chúa chẳng hạn, cho nên mới có những người chuyển niềm tin.

Hòa Thượng: Có chỗ không giống nhau, là Phật Giáo căn cứ vào đức hạnh mà cảm hóa con người, là vị phải có sự tu hành thật sự và trí huệ chân thật. Tự đem bản thân mình ra để làm nguyên tắc thì mới có thể làm người lãnh đạo, khiến đại chúng tâm vui ý phục, chứ không phải dùng thủ đoạn quyền lực hay mệnh lệnh để thống trị con người. Do đó, tuy trong chùa Phật giáo đều có vị trụ trì điều khiển cả về hành chánh và những công việc quan trọng, nhưng Phật Giáo không lập ra Giáo Hoàng. Ai có đủ chân đức hạnh thì mọi người tin phục và cung kính, ai không có đức hạnh thì không có người tin tưởng.

Ở đây chúng ta đề xướng Lục Đại Tông Chỉ: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Ai mà hợp được với Lục Đại Tông Chỉ này, thì có thể làm vị thầy tiêu biểu cho người. Nếu ai làm trái với sáu tông chỉ này, hay nói mà không hay làm thì tức là gạt người. Bởi con mắt sáng suốt của đại chúng nên lâu dần y cũng bị lộ chân tướng, rồi ai nấy cũng sẽ mất lòng tin đối với người đó. Cho nên trong Phật Giáo không nói đến quyền lực địa vị, mà chỉ căn cứ vào đức hạnh tự nhiên để cảm hóa con người, chứ không dùng thủ đoạn áp bức hay lợi dụng.

Bởi đâu có phải như “Phò thiên tử để sai khiến chư hầu,” mà cũng không phải là nhận lãnh “Thiên mệnh” gì cả. Đó là chỗ không đồng nhau.

Còn một điểm nữa là trong Phật giáo, người tu hành chân chánh không tích trữ của cải riêng tư.

Sơ người Mỹ: Những đạo lý mà Ngài nói thì rất giống với đạo Thiên Chúa trong thời kỳ đầu mới phát triển tại Hoa Kỳ. Lúc gia nhập Giáo Hội, chúng tôi tràn đầy nhiệt huyết và có hoài bão cao cả. (vừa mới đây, Sơ có bày tỏ cảm nghĩ rằng: hiện nay các vị Tỳ-kheo-ni người Mỹ chú trọng về việc giữ giới, họ sống trong kỷ luật nghiêm ngặt với lòng nhiệt thành tràn đầy, điều đó tượng trưng cho một tôn giáo mới đang hưng thịnh. Sơ cảm thấy vài chục năm trước đây, đạo Thiên Chúa tại Mỹ cũng đã từng hưng thịnh một thời, nhưng hiện nay thì đang bị suy sụp.)

Sư cô Hằng Trì: Sơ vừa nói là mỗi tôn giáo đều trải qua những giai đoạn như: thành, trụ, hoại, không. Nhưng Phật Giáo đã có gần ba nghìn năm lịch sử, vậy đây không phải là một tôn giáo mới đang hưng thịnh đâu.

Sơ người Mỹ: Bên đạo Thiên Chúa vẫn còn một số ít người sống trong tu viện, họ vẫn theo cách thức truyền thống ngày xưa và chuyên chú trọng về việc tu tâm dưỡng tánh. Nhưng đối với tình cảnh trước mắt mà nói, phần lớn các Linh mục và các Nữ tu sĩ đã rời khỏi tổ chức truyền thống của Giáo hội rồi.

Sư cô Hằng Giai: Có phải vì nguyên nhân đó mà Thiên Chúa Giáo mất đi sức mạnh chẳng? Ví như một cây cổ thụ to lớn, nếu gốc rễ nó bị chặt đứt thì nhánh lá cuối cùng rồi cũng khô héo. Các vị Linh mục và các Sơ là gốc rễ của Thiên Chúa Giáo, nếu họ đều rời bỏ nhà thờ thì đạo Chúa làm sao đứng vững đây?

Hòa Thượng: Quý vị nên biết rằng, gốc rễ của họ không phải là Linh mục và các bà Sơ, mà căn gốc của họ là Chúa Trời. Do đó, Linh mục và các Sơ nên bắt chước theo tinh thần đại công vô tư của Thượng Đế, là vô nhân, vô ngã mới đúng.

Họ không nên cứ viện cớ để nói: "Cái này là Chúa cho tôi, cái kia cũng là Chúa ban cho tôi, đi đường cũng là Chúa bảo, nói chuyện cũng là vì Chúa muốn, ăn cơm cũng là do Chúa ban cho tôi. Thậm chí đi nhà vệ sinh cũng là do Chúa chỉ huy tôi đi." Con người đâu có phải là nô lệ của Chúa. Tại sao tự bản thân chúng ta không có đến một chút năng lực nào? Giả sử như tất cả cái gì cũng đều do Chúa ban cho, thế thì ai ban cho Chúa đây? Nếu ai có tâm ý lại như vậy, thời chẳng có triển vọng gì đâu! Các Sơ vừa nói là rời khỏi tu viện để có thể ra ngoài sống độc lập, giả như thật sự quý vị đứng vững được thời tốt, nhưng e rằng không đứng vững nổi đó thôi. Tuy là vậy, quý vị vẫn không thể nói rằng: tất cả cái gì chung quy cũng do Chúa làm chủ tể, thậm chí đến một hơi thở cũng cho là Chúa cai quản. Như đó, phàm người nào mà nói cái gì cũng do Chúa ban cho, thì chúng ta không thể tin tưởng người đó được. Vì đó là thủ đoạn "cây quyền Thiên Tử để sai khiến chư Hầu," mượn danh nghĩa Chúa để lừa dối người. Quý vị nên hiểu cho rõ rằng: "Chúa Trời không phải là người máy của chúng ta, mà chúng ta cũng không phải là người máy của Chúa Trời."

Sơ người Mỹ: Đạo lý mà Ngài vừa giảng tương tự với tư tưởng của những giáo sĩ đi truyền Đạo ở Á Châu vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Nếu Ngài muốn biết hiện nay tín đồ đạo Thiên Chúa quán tưởng như thế nào về Chúa, Ngài có thể tham khảo những tác phẩm của Thomas Merton. Bởi ông ta quan niệm về Chúa có vẻ cởi mở và có nhiều phát minh mới lạ hơn. Vừa rồi Ngài nói Chúa không phải là căn bản...

Sư cô Hằng Trì: (Ngắt lời đính chánh) Không phải vậy. Vừa rồi Hòa Thượng nói Chúa là căn bản...

Sơ người Mỹ: Nhưng chúng tôi không thể làm cho người ta hiểu Chúa là gì, ngoại trừ là dùng một ví dụ như: Hít thở, khi quý vị hít vào một hơi thật sâu, và cảm giác này chỉ quý vị cảm nhận biết, chứ không thể diễn tả được. Lại nữa, quý vị nói rằng Phật Giáo không công nhận Chúa Trời...

Sư cô Hằng Trì: (Lại ngắt lời đính chánh) Không phải vậy! Phật giáo tất nhiên là công nhận Chúa Trời, vì Phật Giáo bao gồm tất cả, không có sự vật gì là ở ngoài phạm vi Phật Giáo.

Sơ người Mỹ: Đó không phải giống như những gì chúng tôi đã nói sao? Tất cả đều ở trong vòng của Chúa, không một vật gì ở là ngoài vòng của Chúa." Tôi vẫn thường cân nhắc và suy ngẫm về điều này. Và cuộc thảo luận với các vị đây đã đánh thức và thúc giục tôi truy tầm lẽ thật trong thâm tâm tôi.

Hòa Thượng: Có người nói Thượng Đế bao hàm hết tất cả. Giả sử điều đó là đúng thật thì tôi cũng sẵn sàng thừa nhận. Nhưng Thượng Đế có phải thật là như thế không? Đó là một vấn đề đấy. Khi đức Phật ngộ đạo, Ngài kinh ngạc than lên điều mình mới phát hiện: "Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh." Tất cả chúng sanh, bao gồm người và không phải người, cho đến các loại côn trùng nhỏ nhất như muỗi, kiến cũng đều gồm trong đó. "Tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật." Ai có thể nói ra những lời quảng đại và đại công vô tư như thế?

Bởi vậy, Phật Giáo rất cực kỳ quảng đại và hết sức tinh vi, không gì là không bao quát, không chỗ nào là không bao dung. Tất cả các tôn giáo đều bao gồm trong Phật Giáo.

Người và ta cùng là một thể. Xem như trước mắt thì tín ngưỡng là bất đồng, đó cũng chỉ là tánh phân biệt tạm thời. Nhưng trên căn bản thì người người đều có đầy đủ Phật tánh, mỗi chúng sanh đều có thể thành Phật. Tôi xin hỏi quý vị rằng: Mỗi chúng sanh đều có thể làm Chúa Trời hết, phải không? Quý vị có dám nói như vậy không?

Sơ người Hoa: Chúng tôi cũng có quan niệm tương tự như thế. Chẳng qua trong tâm chúng tôi thường suy ngẫm rằng: Cứu cánh là Chúa ở trong chúng tôi hay ở ngoài chúng tôi?

Hòa Thượng: Sơ nên dùng trí huệ để trả lời câu hỏi của tôi, chứ đừng mập mờ, đừng nói quanh co, đừng ngụy biện. Những lời nói của chúng ta cần phải phù hợp với lôgic luận lý và có thể vượt qua mọi thử thách.

Sơ người Hoa: Một chút trí huệ tôi cũng không có, ý tôi chỉ là muốn đem giáo lý ra để tham khảo vậy thôi.

Hòa Thượng: Vì sao Sơ không có trí huệ? Sơ học theo Chúa thì nên học trí huệ của Chúa. Chúa đáng lẽ phải ban trí huệ cho Sơ chứ! Tại sao Chúa thiên vị mà không ban trí huệ cho Sơ?

Sơ người Hoa: (Cười) Xin đừng bàn đến chuyện tôi có trí huệ hay không...

Hòa Thượng: Chân lý là tánh tuyệt đối, dù tranh biện như thế nào, quý vị cũng không thể lật đổ được chân lý. Quý vị nghĩ kỹ lại đi! Hôm nay tôi đã thảo luận với quý vị nhiều quá rồi. Lần sau chúng ta sẽ bàn luận tiếp!

Thảo luận ngày 31 tháng 10 năm 1985

Sao Gọi Là Định Kiên Cố?

Sao gọi là định kiên cố? Thì là tâm hằng thường không thay đổi, cũng tức là tâm Bồ Đề không thối chuyển. Ai có thể thường tinh tấn thì là người ở trong định. Sao gọi là Kim Cang Định? Tức là cái khả năng không bị cảnh giới xoay chuyển và có thể chuyển được cảnh giới. Khả năng này cũng có thể tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, đó là Kim Cang Định. Kim Cang Định không có một hình tướng nào cả, nó chỉ là tâm Bồ Đề bất hoại thôi.

Chúng ta là người tu đạo, khi đạt đến trình độ tương đương, phù hợp thì chúng ta sẽ không còn vọng tưởng, không còn dục niệm, cũng không bị thất tình lục dục sai khiến, cũng sẽ không tùy tiện khóc, tùy tiện cười. Vì sao? Bởi vì chúng ta đã có Kim Cang Định. Hơn nữa, chúng ta sẽ không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Vì sao thế? Vì chúng ta đã có định kiên cố rồi.

Cho nên nói: "Na Già thường trong định, không lúc nào là không định," (Na Già là Rỗng, nhưng đây ý chỉ cho tánh định kiên cố của đức Phật.) lúc nào nơi đâu cũng đều ở trong Định. Về Định này, nếu mức thượng thì thông suốt vạn cổ, còn mức hạ thì đạt đến vạn kiếp, không sau không trước, thời thời đều nhập định. Người tu đạo mà đạt được tâm định như thế, đó tức là họ đang đi đến con đường Vô Thượng Chánh Đẳng

Chánh Giác. Họ cần phải tiếp tục bước tới, đã tinh thông còn muốn tinh thông hơn nữa và dũng mãnh tinh tấn cho đến khi thành Phật.

Quý vị đừng tưởng rằng Kim Cang Định là có hình tướng. Thật ra, nó chính là tâm kiên cố bất động. Quý vị nghĩ thử xem! Nếu không phải là như thế, vậy rốt cuộc đến trình độ nào mới là Kim Cang Định đây? Có người nói: "Tổ sư Ca Diếp nhập Kim Cang Định và không xuất định. Ngay cả khi Phật nhập Niết Bàn, Tổ cũng không hay biết." Tổ sư Ca Diếp không phải là nhập Kim Cang Định mà là nhập lão định. Bởi Ngài già rồi, thành thử Ngài ngồi mà không động đậy. Mãi cho đến nay, tổ sư Ca Diếp vẫn còn nhập định tại núi Kê Túc ở Vân Nam, chứ Ngài không có nhập Niết Bàn. Tổ chờ Phật Di Lặc giáng thế đấy. Rồi phụng mạng lời di chúc của đức Phật Thích Ca, Tổ sẽ đem y cà sa truyền trao lại cho đức Phật Di Lặc, là vị Phật thứ năm của thời Hiền Kiếp. Khi hoàn thành sứ mạng, Tổ mới nhập Niết Bàn.

Giảng ngày 5 tháng 11 năm 1985

Nguy Cơ To Lớn ở Thời Mạt Pháp

Chúng ta đều sanh ra trong thời đại Mạt pháp, gọi là Mạt pháp, tức là pháp đã đến điểm chót ngọn, nghĩa là sắp đến thời kỳ diệt vong. Đó là lúc ma mạnh pháp yếu, tà thắng chánh suy, cho nên khởi sanh tà thuyết khắp nơi. Loại tà thuyết này nói thì nghe như rất có đạo lý, nhưng nếu đem ra thực hiện thì có thể dẫn đến chuyện vong quốc diệt chủng, khiến cho nhân loại cùng bị diệt tận.

Ai ai cũng biết cái đạo lý thiên nhiên trong trời đất là sanh sanh không ngừng, biến hóa chẳng cùng tận, hễ có âm thì có dương, có tà thì có chánh. Nếu chúng ta làm trái đạo lý âm dương, chánh tà, thì tiền đồ nhất định sẽ đi đến chỗ diệt vong. Hiện nay toàn thế giới đều sợ chứng bệnh AIDS, Trung Hoa gọi là Ái Tử Bệnh. Từ cái danh từ này, mình cũng nên biết bệnh nhân làm sao mà chết. Là vì họ yêu đương loạn xạ, không giữ nề nếp chánh đáng và làm trái với việc sinh lý.

Hễ đi đến đâu là họ đề xướng, tuyên truyền đồng tính luyện ái, làm nhân tánh mê muội, khiến con người không phân biệt được chánh tà, chẳng biết rõ thế nào là đúng, cái gì là sai. Họ lại còn muốn yêu cầu cho đồng tính luyện ái được hợp pháp hóa nữa. Nếu điều đó thật sự được hợp pháp hóa, vậy thế giới quả là không còn chân lý gì để nói nữa! Bệnh Aids cũng là do đồng tính luyện ái mà dẫn đến.

Kinh Dịch có nói: "*Nhất âm nhất dương chi vị đạo, thiên âm thiên dương chi vị tật,*" tức một âm một dương gọi là đạo, còn nghiêng về âm hoặc nghiêng về dương thì gọi là bệnh.

Có ngày ắt có đêm, có thiện tức có ác, có nghịch thời có hiếu, có thiên tức có địa, đó là hiện tượng rất bình thường, cũng là cái đạo lý tương đối của vạn vật. Cho nên các bậc Thánh nhân đời xưa lập định ra lễ nhạc là dựa theo căn bản việc: "*Nam nữ cư thất, nhân chi đại luân,*" tức nam nữ chung sống là đạo luân thường to tát của nhân loại, như nói: Trai ba mươi cưới vợ, gái hai mươi gả chồng" là vậy. Đó là đạo luân thường rất chánh đáng trong đời đất. Luân thường là: quân thần, phụ tử, phu phụ, trưởng ấu, bằng hữu. Bát đức là: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm và si. Chúng ta nên dựa theo bát đức để làm người. Nam không thể ở chung với nam, nữ không thể ở chung với nữ. Nếu không, như vậy là trái với luân thường đạo lý con người.

Nhưng trong thời Mạt Pháp, yêu ma quỷ quái xuất hiện khắp nơi trên thế gian. Chúng công khai để xướng những thứ lý luận sẽ làm cho nhân loại bị tiêu diệt, khiến cho quốc vong, diệt chủng. Nếu ai nấy cũng trở thành đồng tính luyến ái thì quốc gia sẽ không có con người. Khi quốc gia không có người thì thế giới cũng không có nhân loại. Nhưng trời đất chờ không nổi chuyện đó nên đã bảo nhân loại tự đầu độc mình cho chết đi, để diệt hết nhân chủng loài người và quốc gia cũng không còn nữa. Thế là có bệnh Aids xuất hiện, cho đến ngày nay vẫn chưa nghiên cứu ra được thuốc chữa trị. Bệnh này khiến thân thể người bệnh mất đi sức đề kháng, một khi nhiễm phải bất cứ bệnh gì vào thân là chết ngay. Bệnh này là do đồng tính luyến ái lấy độc công độc, bởi vậy việc chế tạo ra bệnh này so với bom nguyên tử nó còn tệ hại hơn nhiều. Tôi nói cho quý vị biết vấn đề này, dù cho bọn yêu ma quỷ quái nghe rồi không vui, tôi vẫn cứ nói. Đây là một đại tai kiếp, là thời kỳ rất nguy hiểm, chúng ta không thể không nói cho rõ ràng. Mọi người nên đồng tâm hiệp lực niệm danh hiệu Quán Âm Bồ Tát, ngõ hầu cứu vãn tai kiếp lớn lao này.

Cho nên nói là:

*"Phấn nộ sanh hoan hỷ,
Người chết biến thành sống,
Mình tưởng đó là lời dối,
Nhưng chư Phật không có vọng thuyết."*

Bồ Tát Quán Âm có đại oai thần lực, Ngài có thể khiến kẻ sân hận sanh tâm hoan hỷ; và người đáng lẽ sẽ chết thì có cơ hội được sanh tồn trở lại. Hoặc như quý vị không tin mà bảo đó là giả dối, nhưng quý vị nên biết sự thần thông diệu dụng của Ngài Quán Âm Bồ Tát và chư Phật thời quá khứ là không nói dối hay đặt điều. Cho nên mọi người nên quy mạng đức Quán Âm Bồ Tát, mong Ngài cứu hộ cho nhân loại khỏi nạn diệt vong này.

Giảng ngày 7 tháng 11 năm 1985

Vì Sao Trước Khi Nhập Niết Bàn, Phật Không Nhận Cúng Dường?

Khi Phật sắp nhập Niết Bàn, vì sao Ngài không nhận cúng dường? Bởi Phật đã đạt thành thân kim cương bất hoại, cho nên Ngài không ăn uống. Việc ăn hay không ăn đối với Ngài chẳng có quan hệ chi, tức là ăn cũng được, không ăn cũng được. Đâu có giống như chúng ta, nếu thiếu ăn một bữa thì khổ sở như là thiếu hụt dữ lắm vậy. Thậm chí nếu không ăn no, mình cảm thấy như bị lỗi vốn một cách nặng nề.

Thiền tông có câu danh ngôn:

"Trộn ngày ăn cơm, nhưng chưa ăn một hạt gạo. Cả ngày mặc áo, mà chưa mặc một sợi tơ."

Câu nói này có phải là vọng ngữ không? Nếu phân tích kỹ càng, chúng ta sẽ thấy rất có đạo lý. Vị đó tuy có ăn cơm, mặc áo, nhưng tâm ông ấy không có ở đấy. Thế thì tâm ông ấy ở đâu? Tâm ông ấy đang niệm niệm, nhất tâm nhất ý tham cứu thiền thoại đầu. Chưa đến lúc "nước cạn đá lộ" thì ông chưa buông lỏng. Như thế mà ông khắc ghi kỳ hạn thủ chứng để làm mục tiêu.

Đức Phật Thích Ca nói: *"Sau khi ta nhận dùng bát cháo sữa của nữ mục đồng, ta bèn đến gốc cây Bồ-đề tu hành và thành Chánh Giác."* Uống xong bát cháo sữa, thân thể Ngài được khôi phục, mạnh khỏe trở lại. Nhưng nếu Ngài không ăn thì cũng được thôi. Khi Phật ở Tuyết Sơn tu khổ hạnh sáu năm, nơi đó không phải tại Hy Mã Lạp Sơn, mà là vùng phía nam sông Hằng. Mỗi ngày Phật chỉ ăn một hạt mè, một hạt lúa mạch mà cũng không chết đói. Tuy ốm như que củi, nhưng tinh thần Ngài vẫn rất khỏe mạnh. Bởi thế mới nói là đức Phật ăn cũng được, không ăn cũng được, không có vấn đề gì.

Do bởi Phật có ăn hay không thì cũng được, cho nên trước khi nhập diệt, Ngài mới thọ nhận sự cúng dường cuối cùng của ông Thuần Đà. Mục đích của Ngài là vì nghĩ đến đại chúng. Thế nào là vì đại chúng? Làm sao mà Ngài có thể thay mặt đại chúng để ăn? Như có câu: *"Tự mình ăn thì tự mình no, tự mình sanh tử thì tự mình dứt."* Nói cách khác, Phật vì đại chúng trong pháp hội nên đã nhận lần cúng dường sau cùng của ông Thuần Đà. Ngài nhận cúng dường cũng vì chúng tôi, vì quý vị và tất cả chúng sanh hiện nay.

Vì sao lại nói như thế? Bởi vì Phật từ bi giúp duyên cho chúng sanh gieo trồng chút ít phước căn. Nếu Phật không ăn uống, chúng sanh chúng ta sẽ không có nơi để gieo phước báu. Phật vì cho chúng sanh trồng phước điền, cho nên Ngài không ăn mà ăn, ăn mà không ăn. Nếu như Phật không ăn thì chúng sanh sẽ không có nơi để trồng phước điền, mà đệ tử Phật cũng chẳng có cơm để ăn.

Phật hoàn toàn vì đệ tử mà nhận của cúng dường, gọi là: *"Né long tuy bất năng giáng vũ, kỳ vũ tất giả long; Phạm tăng tuy bất năng chủng phước, cầu phước tất giả tăng,"*

nghĩa là rỗng đất tuy không thể làm mưa, nhưng muốn cầu mưa tất phải dùng rỗng giả. Phàm tăng tuy không thể trồng phước, nhưng muốn cầu phước tất phải nhờ phàm tăng. Đây là có sự hỗ tương lẫn nhau chứ không phải mê tín. Vì ứng theo cơ duyên của chúng sanh mà Phật miễn cưỡng tiếp nhận sự cúng dường, chứ không phải cho rằng Phật sao mâu thuẫn, ăn rồi lại nói không ăn. Chúng ta phải hiểu rõ điều này, vì đây cũng là để phá tan sự chấp trước của con người.

Cư sĩ Thuần Đà tuy là người làm công, nhưng ông đã cúng dường với tấm lòng thành khẩn, thiết tha, không có chút ý đồ gì. Vì thế Phật mới nhận sự cúng dường của ông. Ông tự bảo rằng mình có căn gốc nghèo cùng (không có Tam Bảo), cho nên ông hy vọng đức Phật sẽ bạt trừ cái cùng căn đó đi. Bởi vì mục đích duy nhất của ông là muốn gieo căn lành cho chúng sanh, chứ không phải cho chính mình. Đó là tinh thần của Bồ Tát vậy.

Con người chúng ta không nên sợ cái căn nghèo cùng. Vì căn nghèo không thể chướng ngại được con đường đạo, mà chỉ sợ có căn ma thôi. Căn ma tức là tà tri tà kiến. Nếu người có tà tri tà kiến, bất luận tu pháp môn nào, họ tuyệt đối sẽ không bao giờ có được sự tương ứng. Dù cho họ có bản lãnh gì đi nữa thì cũng như là nói về thức ăn mà không được ăn, là đếm tiền dùm cho người, bận rộn vì người khác mà tự mình không được sự lợi ích gì cả.

Cư sĩ Thuần Đà làm những việc mà người khác không thể làm, nhường được cái mà người ta không thể nhường, cho nên ông đã không tranh giành với một ai. Khi mọi người đã cúng dường xong hết, ông mới cúng dường. Tuyệt đối là ông không có giành trước với ai. Tôi tin rằng thời gian ông ta chờ đợi rất là lâu. Hơn nữa ông ăn những thứ người khác không thể ăn, chịu đựng những gì người khác không thể chịu đựng. Do đó ông mới là bậc long tượng trong giữa muôn người. Bởi vì ông Thuần Đà có đầy đủ hai chữ "chân thành," cho nên đức Phật mới tiếp nhận sự cúng dường của ông. Vì sao ông Thuần Đà có được cái nhân duyên đó? Bởi kiếp xa xưa kia ông đã tu phước, tu huệ, tu đạo và tu đức. Do nhiều công đức tu hành đó, cho nên đời này ông mới có thể làm được một vị bồ thí viên mãn.

Giảng ngày 8 tháng 11 năm 1985

Muốn Thành Phật Tất Bị Ma Phá

Vạn Phật Thành là nơi các Thánh nhân tu đạo, cho nên ma vương đến nhiều loạn tâm người tu đạo thanh tịnh. Vì muốn chiến thắng Thánh nhân và chiếm độc bá một phương, cho nên Ma vương mới gây phiền phức khắp nơi để Thánh nhân phải đầu hàng và quỳ gối xưng thần. Quý vị nên kiên nhẫn, đừng thối chí và tuyệt đối không

được dựng cờ trắng đầu hàng. Quý vị phải phấn đấu cho đến cùng và thắng lợi sau cuối sẽ thuộc về quý vị. Cho nên nói: "Muốn thành Phật ắt bị ma phá, muốn làm người tốt thời oan nghiệt tìm." Kẻ không có đủ đức hạnh sẽ tùy theo gió thổi bập bênh nổi trôi rồi đọa lạc. Người có đủ đức hạnh sẽ không bị ma vương làm dao động. Tại sao vậy? Bởi đời đời kiếp kiếp họ đã có căn tu hành thâm hậu, thành thử bất cứ ma gì họ cũng không sợ.

Tật xấu mà chúng ta thường hay phạm là thích được người ta tán thán và ưa được tặng bốc. Như khi được người khen một câu thôi là mình đã thấy lâng lâng mê mẩn tinh thần rồi. Vậy làm sao thành được Phật đây? Tự chính mình cũng không biết, không rõ. Nếu có thể giữ giới và tu định, chúng ta sẽ có trí huệ. Khi đã có trí huệ rồi, chúng ta sẽ không động tâm bởi những lời khen chê, phỉ báng. Nếu ai phỉ báng mình, trong lòng mình cũng không chút gì bức bối; nếu có người khen mình, lòng mình cũng không chút gì mừng vui.

Thực ra, sự khen chê hoặc phỉ báng chỉ là những thứ gió của thế gian, gọi là "*Tám gió thổi không động.*" Sao gọi là bát phong, tám gió? Đó là xung, cơ, khổ, lạc, lợi, suy, hủy, dự; tức là: khen ngợi, chê bai, khổ sở, vui vẻ, lợi lộc, suy yếu, hủy báng và danh dự. Nếu bị tám gió này thổi đến mà tâm bị dao động, thế tức là quý vị không có nền tảng vững vàng.

Cái gì gọi là nền tảng? Đó là đức hạnh. Người không đủ đức hạnh thì tánh tình rất nóng nảy, vô minh cũng rất nặng nề. Người có đức hạnh sẽ không nóng giận, và có thể biến hóa vô minh thành trí tuệ. Cho nên, chúng ta tu hành là phải lo bồi dưỡng đức hạnh.

Người học Phật phải chú trọng đến đức hạnh và không được làm những chuyện thất đức, vì đó là chân đế của sự tu hành. Muốn tiêu trừ nghiệp chướng, chúng ta phải cúng dường. Vì cúng dường có thể bồi phước, bồi huệ, cho nên chúng ta phải tu đạo, tu đức. Bằng không, dù chúng ta có tu Lục Độ cũng chẳng có tác dụng đâu. Lục độ được lập ra là để cho chúng ta chuyên tu đạo, tu đức. Người tu hành nếu không chú trọng đến đạo đức thì sẽ tạo nghiệp!

Giảng ngày 9 tháng 11 năm 1985

Tư Tưởng Của Bồ Tát

Vì sao đại chúng khen ngợi ông Thuần Đà? Bởi vì ông làm việc chân thật, chứ không tránh việc để cầu an. Bất luận làm việc gì, ông đều thật lòng làm, không dối gạt người. Do bởi ông làm việc gì cũng đều viên mãn và chu đáo, cho nên mọi người mới tán thán ông.

Cư sĩ Thuần Đà là người làm công, đến đâu ông cũng làm công cho người. Người ta mượn ông làm giá một đồng, nhưng công ông làm bằng gấp đôi tiền họ mượn. Như thế gọi là viên mãn. Ví như đa số công nhân đến sở làm việc lúc tám giờ sáng, còn ông thì sáu giờ sáng đã đến nơi làm việc. Vậy là ông làm việc nhiều hơn người ta hai giờ. Năm giờ chiều thì ngừng làm việc, nhưng bảy giờ ông mới rời xưởng, tức là ông lại làm trội thêm hai giờ nữa. Tôi tin rằng tình hình làm việc của ông là giống như thế, nếu chẳng phải vậy thì ông làm sao mà được người ta khen tụng?

Thuần Đà là người làm công thật thà, ông chỉ sợ mình có lỗi với người, chứ không sợ người ta chẳng biết điều với mình. Ông luôn luôn hồi quang phản chiếu, tự trách mình và tìm khuyết điểm của bản thân chứ không quay ra oán trời trách người. Bao giờ ông cũng nghĩ người ta là đúng, còn mình là không đúng. Vì có tư tưởng như vậy nên ông mới được người ta tuyên dương.

Vì sao ông Thuần Đà thanh tịnh? Bởi ông không có ba độc tham, sân, si, cho nên lâu dần ông trở nên hoàn toàn thanh tịnh. Hơn nữa, chuyên cần tu Giới, Định, Huệ và ngừng dứt tham sân si, cũng chính là bí quyết của người tu hành. Trong mỗi chúng ta ai cũng có ưu điểm và khuyết điểm, vậy chúng ta nên lấy cái ưu điểm để bổ túc cho chỗ khuyết điểm của mình. Có thể mới hợp với trung đạo.

Cư sĩ Thuần Đà nhất định là đã hết lòng tận lực làm việc cho người, đúng như câu nói "vì dân phục vụ." Thái độ phục vụ của ông rất tốt, rất hăng hái và không giả dối. Ông làm việc gì cũng mau lẹ, lại tính tiền công với giá rẻ, khiến cho mọi người đều vừa ý. Nếu lúc đó trong tâm ông có dụng ý không chánh đáng, thì ông đâu được thanh tịnh. Nói cách khác, hễ có ý đồ, có tham lam tức là không thanh tịnh.

Riêng ông Thuần Đà thì không có những thứ tư tưởng như thế. Ông luôn tận lòng làm nghĩa vụ, tình nguyện phục vụ cho người mà không cần ai biết đến. Đó là tư tưởng của Bồ Tát. Vì Bồ Tát cũng có khi thị hiện trong giai cấp công nhân như thế. Ông Thuần Đà có công đức vì ông không để người khác biết, không để người ta thấy những việc ông làm, do vậy ông mới được thanh tịnh một cách viên mãn. Mọi người hãy suy ngẫm lại một chút đi. Nếu đúng thì quý vị nên ghi chép và lưu giữ làm tài liệu tham khảo, còn không thì hãy bỏ qua, xem như không có chuyện đó vậy.

Giảng ngày 15 tháng 11 năm 1985

Nhận Giả Mà Không Nhận Thật

Người thế gian nói lời giả dối thì nhiều, nói lời chân thật thì ít. Cũng như có nhiều người nói dối, và ít có người nói thật. Quý vị thử nghiên cứu xem, tại sao lại có tình trạng như vậy? Tại sao người ta học tách không thật thà? Tại sao ở đâu họ cũng muốn nói dối? Tại sao người ta thích nói láo, mà không thích nói thật? Bởi trên đời này, ít người chân thật, lại nhiều kẻ giả dối; kẻ đạo đức giả thì nhiều, người thành thật thì rất ít. Nếu quý vị thuận theo thể thái nhân tình nói lời tốt đẹp thì ai nấy cũng đều ưa thích, còn nếu quý vị nói câu chân thật thì không ai ưa. Tại sao vậy? Bởi người đời thường thích giả dối chứ không thích chân thật. Cho nên gọi là: *Nhận giả bất nhận chân*. Đó là tâm lý của một số người, tuy biết rõ là giả dối nhưng họ vẫn tham luyện không chịu buông bỏ.

Cư sĩ Thuần Đà là người thật thà. Tuy gia cảnh rất nghèo khổ, nhưng ông luôn nói lời chân thật. Ông không giống như ma vương Ba-tuần, chuyên nói lời tốt đẹp và bảo rằng thần chú của mình có thể cứu sống người. Đó là những lời đường mật, hồ đồ, khiến người nghe toàn thân muốn phát lãnh nổi da gà. Ông Thuần Đà rất là thành thật. Ông không khoe khoang là mình đã cúng dường thực phẩm với đầy đủ hương sắc vật liệu phong phú như thế nào, hay mùi vị ra sao. Lời nói của ông rất khiêm tốn như: "*Nguyện Thế Tôn từ bi, thương nhận cho lần cúng dường cuối cùng của chúng con!*" Giống như người Trung Hoa đãi khách, tuy rượu chè và thức ăn đầy bàn, nhưng họ vẫn khiêm tốn nói với khách: "Hôm nay xin đãi sơ sài, chẳng có món chi đặc sắc!"

Nói đến đây, tôi lại nhớ tới một câu chuyện. Ngày xưa có vị phú ông, vì sanh được con trai nên ông bèn mở đại tiệc ăn mừng. Ông mời rất đông khách, thành thử 'bạn bè cao sang đầy bàn, khách quý đông đảo như mây hội.' Ông lại thỉnh ba vị Hòa Thượng đến tụng thần chú kiết tường và nói vài lời kiết tường để ca tụng chúc mừng vậy. Có người trong đám khách nói: "Con trai của ông nhất định sẽ được vinh hoa phú quý, sống trường thọ đến trăm tuổi." Người khác lại nói: "Cháu bé sẽ có phước, có lộc, có thọ và nó sẽ ít bệnh, ít tai, ít họa." Chủ nhân nghe những lời kiết tường này thì mặt mày hớn hở, thích thú không thể tả, bèn dâng rượu mời khách.

Còn về phía ba vị Hòa Thượng, có vị tụng chú kiết tường, có vị nói lời kiết tường, nhưng trong đó lại có vị nói lên lời chân thật rằng: "Trong tương lai con trai của ông nhất định sẽ phải chết." Chủ nhân vừa nghe liền nổi trận lôi đình. - Không thể nào! Sao Thầy lại trù nó chết hả? Thế là ông đem Hòa Thượng ra đánh cho một trận. Vị Hòa Thượng đã dày công tu nhẫn nhục, thành thử lòng không oán giận. Trái lại, nét mặt ông vẫn hòa nhã mà nói với chủ nhân: "Cư sĩ! Ông đã không nhận ra chân lý, mà lại còn ưa thích nịnh hót. Thật ra, họ có thật biết tương lai con của ông là sẽ được giàu có, hay trường thọ không? Đó chẳng qua chỉ là những từ ngữ tán thán, khen tặng mà thôi. Nay ta nói tương lai con ông sẽ chết, đó là lời chân thật. Không những chỉ có con ông

sẽ chết, mà tất cả con người trên thế giới này, ai ai cũng đều phải chết. Có ai là không chết đâu? Tự ông đã không giác ngộ chân lý này, mà lại còn đánh ta, ông quả là người quá ngu si!”

Vị chủ nhân sau khi nghe xong, ông cảm thấy có đạo lý và sanh tâm sám hối. Từ đó về sau, ông kính tin Tam Bảo và ủng hộ đạo tràng. Nếu vị Hòa Thượng đó cũng nói những lời tốt lành giống như bao người khác, thì không có cách gì khiến cho phú ông cảm động mà tin nơi Phật, và tin vào đạo lý cho được.

Chúng ta chớ có thích nghe những lời tán tụng, và cũng đừng mẫn nguyện say đắm về tự ngã, hay tự khoe khoang, khoác lác về mình. Chúng ta nhất định phải nên khiêm tốn và hòa ái. Đối với người, ta không kiêu ngạo, không ngã mạn và cần có tinh thần từ bi hỉ xả, phổ độ chúng sanh. Quý vị thử nhìn xem! Tại sao Ấn Độ có bốn loại giai cấp? Bởi có hạng người vì lúc xa xưa đã khinh khi kẻ bần cùng, cho nên kiếp này họ mới sanh làm người hạ tiện. Đó chính là tiền nhân hậu quả, thật không sai sót!

Chúng ta nên hiểu rõ về nhân quả, và tin cái đạo lý - nhân nào thời quả đó. Và dù có ở đâu đi nữa chúng ta cũng phải chân thật làm việc, không thể giả dối chút nào. Vì nếu chỉ dối trá một chút thôi, chúng ta cũng phải lãnh chịu quả báo. Cho nên nói: "*Nhân địa bất chân, quả chiêu vu khúc,*" tức là nhân không ngay thì quả cong queo.

Quý vị! Trồng đậu được đậu, trồng dưa được dưa, trồng lúa có lúa, gieo nếp được nếp. Đạo lý này quyết không sai chạy một mảy may. Quý vị mà làm những chuyện điên điên đảo đảo, rốt cuộc cũng là tự mình gạt mình, chứ không gạt được mọi người đâu.

Giảng ngày 20 tháng 11 năm 1985

Từ Bi Hỉ Xả Đồi Trại Tam Độc

Tâm độc con người là do ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo thành. Đó là vì người ta không có tâm từ bi hỉ xả. Cho nên con người bị đọa lạc đời này sang đời khác và tạo nghiệp ác ngày càng nhiều thêm. Các nghiệp đó tích tập lại từ ít thành nhiều, vì thế độc tố trên thân thể người ta mỗi ngày một thêm sâu đậm. Loại độc này không có thuốc chữa trị, rồi lâu dần sẽ biến thành rắn, rết, bò cạp v.v... Những loài động vật này: miệng có độc, đuôi có độc, chân có độc, thân cũng có độc. Tóm lại, có các loại độc hại như vậy, hễ nhẹ thì làm người hôn mê, còn nặng sẽ khiến cho người ta mất mạng. Quả thật đáng sợ vô cùng.

Con người nên có lòng từ bi. Đối với người hay đối với sự việc gì, chúng ta cũng nên chung sống trong cảnh hòa bình và đối đãi với nhau bằng tấm lòng chân thật. Tất cả

đều là nghĩ đến người khác, chúng ta không được dùng thủ đoạn cay độc để áp bức người. Người học Phật không được bác bỏ nhân quả, mà phải hết sức chú ý đối với chuyện nhân quả báo ứng! Giả như có người công kích quý vị một cách vô lý, hoặc họ dùng lời lẽ phỉ báng, hoặc dùng hành động hãm hại quý vị, quý vị nên xử lý với họ bằng thái độ điềm tĩnh, không chống đối. Quý vị nên dùng tâm từ bi mà cảm hóa người, gọi là: "*Lấy đức báo oán,*" khiến họ hồi tâm chuyển ý, biết ăn năn sám hối. Chúng ta nên học theo tinh thần của Bồ Tát Di Lặc, tức là Nhẫn! Nhẫn! Nhẫn! Như vậy thì đao thương tự nhiên sẽ biến thành gấm vóc; mưa sẽ tạnh, trời lại trong, sóng cũng yên, gió cũng lặng. Bằng không, nếu mình không có đủ định lực, không có tánh điềm đạm, chuyện nhỏ thì chửi bới, chuyện lớn thì đánh nhau. Kết quả là hai bên đều bị tổn thương, để rồi cũng như con trai, con cò tranh nhau, rốt cuộc ông câu được lợi, và bọn chúng lại trở thành sản phẩm hy sinh.

Lúc xưa có vị Phật Sống của chùa Kim Sơn vì có định lực nên chẳng sợ bất cứ loại độc hại nào. Bởi Ngài dùng lòng đại bi cảm hóa tất cả những loài động vật có độc, cho nên chúng trở thành bạn thân và tuyệt đối không phá hại Ngài. Trong phẩm Phổ Môn có nói: "Phàm hễ ai niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì có thể cảm hóa", khiến loài vật có độc cải ác hướng thiện và sẽ không nhiều hại con người. Khi nghiên cứu Phật Pháp, chúng ta nên thông suốt các ý nghĩa và hiểu rõ lý lẽ bên trong, có vậy mới được xem là người chân chánh học tập Phật Pháp.

Nhiều người có tư tưởng ham thích những chuyện cao xa, những cái kỳ lạ, diệu huyền. Họ chuyên dụng công vào mấy thứ cảnh giới như thế. Đó là có tư tưởng sai lầm! Chúng ta nên ở tại nơi Từ, Bi, Hỷ, Xả mà dụng công phu. Vậy dụng công phu như thế nào? Trước hết là chúng ta nên dụng công ở chỗ không tranh, không cầu, không tham, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Đạo lý này tuy nông cạn, nhưng trước tiên chúng ta phải nắm chắc chỗ nông cạn đó, vì từ gần sẽ đến xa và từ cạn mới đến sâu. Chúng ta không nên bàn tán đến những chuyện huyền diệu xa xa, hay lý luận tràng giang đại hải, để rồi không ai hiểu nổi, vậy chẳng ích lợi chút nào.

Cho nên nói: "Nên quán tánh pháp giới, tất cả do tâm tạo." Tâm có thể tạo thiên đường, tâm có thể tạo địa ngục. Mười Pháp Giới không ra ngoài một tâm niệm, do đây chúng ta có thể biết rằng: *Tâm niệm nhất động, nghiệp ảnh tùy chi*, tức là tâm niệm vừa khởi, bóng nghiệp liền theo. Người xưa có nói:

*Ba chấm như chòm sao
Lưỡi câu như trăng khuyết
Mang lông từ đây ra
Thành Phật cũng từ đây.*

Đó là diễn tả về cách cấu tạo của chữ TÂM, do vậy chúng ta có thể hiểu rõ được tâm tánh của mình. Nếu đã hiểu rõ được tâm mình rồi, thì giận hờn gì cũng không còn nữa. Tất cả những tranh giành, tham lam, tìm cầu, nhất nhất sẽ không có nữa. Lúc bấy giờ

chúng ta mới tự tại thật sự, mới giải thoát thật sự, mới hiểu rõ thật sự về ý nghĩa làm người.

Con người vốn sẵn có Phật tánh, mỗi mỗi chúng ta đều có đầy đủ hết. Tuy nhiên, chúng ta lại vứt đi Phật tánh của mình, bỏ cái gần để tìm cái xa và bám níu vào cái bên ngoài. Chúng ta tìm kiếm những thứ rác rưởi, rồi cho là vật quý giá và xem như bảo bối. Đó thật là vừa tức cười, lại vừa đáng thương hại thay! Tôi hy vọng mọi người đều biết nhận thức ra điều này mà hạ thủ công phu, giữ lòng trong sạch, bớt ham muốn và đừng cạnh tranh với đời.

Có người nói: "Tất cả những gì trên thế giới, từ sơn hà đại địa, phòng xá nhà cửa, cho đến cây gai cỏ độc và đất, cây, cát, đá đều là do tâm tạo thành." Nếu đã biết tất cả đều do tâm tạo, vậy tại sao chúng ta không quét sạch hết rác rến trong tâm để trang nghiêm cho thế giới ở vị lai? Thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà được tạo thành, là do lúc xa xưa Ngài vì muốn cho chúng sanh thoát khổ được vui. Do Ngài đã siêng năng tu Lục Độ Vạn Hạnh, và hồi hướng công đức mà tạo ra thế giới Cực Lạc.

Chúng ta cũng nên tạo cho được một thế giới Cực Lạc. Vậy phải tạo như thế nào? Trước hết là chúng ta phải không có thất tình. Thất tình là gì? Đó là hỷ, nộ, ái, ố, dục; tức là vui, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, ham muốn. Khi chúng ta điều phục được bảy thứ tình cảm đó, thì chúng sẽ không thể nào tạo phản dấy loạn nữa. Lúc bấy giờ tâm chúng ta sẽ thái bình vô sự, chuyện khổ sở gì cũng không còn. Vì sao có khổ sở? Vì tâm không được bình yên. Và nếu không có những chuyện khổ, chỉ toàn thọ hưởng các điều vui, như vậy là thế giới Cực Lạc của nhân gian rồi.

Một khi chưa hàng phục được thất tình, đó có thể vì chúng mạnh mẽ thái quá hay là yếu ớt bất cập, không phù hợp với trung đạo, cho nên chúng ta mới điên điên, đảo đảo. Nếu chúng ta hiểu rõ thất tình và có thể hàng phục được chúng, khiến chúng đừng gây sóng gió, tức là chúng ta đã hàng phục được tâm. Bởi thất tình từ trong tâm sanh ra, cho nên khi trong lòng hoan hỷ hay bức tức, đó đều là vì tâm đang bị xoay chuyển theo cảnh giới. Bây giờ chúng ta đã tìm ra căn gốc, vậy chúng ta sẽ không còn mê hoặc và cũng sẽ làm cho bọn thiên ma ngoại đạo phải hàng phục. Tại sao thiên ma ngoại đạo đến quấy nhiễu tâm mình? Bởi chúng ta đã dùng tâm tình cảm của mình một cách quá độ. Một khi hướng cầu bên ngoài, tâm chúng ta sẽ không an tĩnh. Do đó chúng ta đã dẫn dắt ma mị vào trong tâm mình để làm chủ nhân ông. Nếu chúng ta nghe theo mệnh lệnh và chịu sự chỉ huy của nó, vậy là chúng ta không còn quyền tự chủ và sẽ làm nô lệ cho nó thôi.

Giảng ngày 29 tháng 11 năm 1985

Tu Đạo Thì Không Cầu Bên Ngoài

Ai có thể hàng phục được mười tám giới: sáu căn, sáu trần, và sáu thức, khiến chúng đừng tạo phản thì người đó chính là Bồ Tát. Ai có thể dọn sạch tình cảm của mình để không còn ôi thối nữa thì người đó chính là Bồ Tát. Bồ Tát thì không cười, cũng không khóc. Dù bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, Bồ Tát cũng đều tự tại, không cầu thúc, không quái ngại, không phiền không nã, không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm. Người học Phật nên phải dụng công phu ngay tại chỗ này.

Thiền Tông không lấy văn tự làm tông chỉ. Tại vì sao? Vì sợ rằng người sơ học chấp trước vào thể tướng của văn tự, rồi sanh ra pháp chấp. Phàm hễ có ngã chấp, pháp chấp thì đều không thể đạt đến tự tại. Con người vì bị phiền não, vọng tưởng áp bức thân tâm, cho nên phải nổi trôi trong dòng sanh tử, trôi lên hụp xuống trong bể khổ, vĩnh viễn không bao giờ ngưng dứt.

Quý vị nên tỉnh táo để hiểu rằng, đời người vô thường, quý vô thường sẽ đến tìm ta bất cứ lúc nào. Đến lúc bấy giờ thì "*Vạn bang đái bất khứ, chỉ hữu nghiệp tùy hình,*" tất cả đem không được, chỉ có nghiệp theo mình. Chúng ta nên biết rằng đức Phật Thích Ca cũng phải nhập Niết Bàn, chớ đâu phải là Ngài ở đời vĩnh viễn. Huống chi phàm phu tục tử như chúng ta, lại càng phải đề cao cảnh giác! Thời gian không còn nhiều nữa, chúng ta nên mau mau nỗ lực tinh tấn, học tập Phật Pháp, như thế mới có thể thoát khỏi vòng sanh tử. Nếu như chúng ta không cố gắng dụng công, vậy chờ đến đại kiếp nào mới được thành tựu đây?

Mình nên hiểu được chút nào thì làm chút đó, đừng ham làm những chuyện xa rời thực tế. Chúng ta phải biết rằng: bánh vẽ không thể làm cho đỡ đói. Chúng ta hãy trở về bản địa để chăm sóc ngôi nhà, kho báu vốn có của mình. Hà tất gì phải tìm kiếm ở bên ngoài? Tất cả đều là ở trong tự tánh. Nếu không phải là mất nó, thì là được nó! Không được không mất tức là tự tại. Không tăng không giảm, không đến không đi, ngay đây chính là nó. Bởi vậy chúng ta không cần phải tìm cầu ở đâu xa. Như Đại sư Vĩnh Gia đã nói trong Chứng Đạo Ca:

*Tồn pháp tài, diệt công đức
Mạc bất do tư tâm ý thức
Thị dĩ thiên môn liễu khước tâm
Đốn nhập vô sanh tri kiến lực.*

Nghĩa là:

Tồn pháp tài, dứt công đức
Không gì hơn chỉ vì vọng thức

Do vậy pháp thiên không dùng tâm
Thoắt chứng vô sanh sáng trí huệ.

Khi chúng ta không dùng tâm ý thức, tức là chúng ta đã hòa hợp với đạo thành một.
Vậy còn cái gì để mà phiền phức, hãy còn vấn đề gì nữa đây!

Giảng ngày 1 tháng 12 năm 1985

Tốt hay Xấu - Không Động Tâm

Người học Phật chớ nên vừa nghe người ta khen mình một câu thì liền vui sướng quá mức, còn hễ nghe ai nói một câu không tốt về mình thì bèn phiền não đến cực độ. Qua sự biểu hiện đó, chứng tỏ là mình không có định lực. Nếu có công phu về định lực, thời mình sẽ không bị các cảnh giới của bát phong làm lay động. Nói mình tốt thì cũng vậy, nói mình không tốt thì cũng thế thôi. Bất kể là tốt hay không tốt, tất cả cũng đều giống như nhau. Thế thì mình không phải là ngu ngốc hay sao? Không phải đâu! Chẳng qua là vì mình không phân biệt nó là tốt hay không tốt, cũng không phân biệt thị phi, phải trái. Có người nói: "Vậy đó không phải là hồ đồ hay sao?" Thế thì quý vị không có hồ đồ, vậy quý vị thật đã hiểu rõ chẳng? Cũng chưa chắc đâu! Nếu quý vị có thể đem cái bất biến ứng phó với cái vạn biến, lấy cái bất động đối phó với cái muôn động, lúc nào hay ở đâu cũng đều ở trong định, như thế quý vị mới thật là đã hiểu rõ.

Người thật sự có công phu sẽ không sợ bất cứ gì. Thậm chí có người đến giết mình, mình cũng không sợ. Ta dùng cái tâm quang minh chánh đại để làm công việc chung, không sợ kẻ bàng quan phê phán là mình không đúng. Cho nên nói: "Vàng thật không sợ lửa, tâm chánh không sợ bóng nghiêng" là vậy. Hiện nay có số người thích xía vào chuyện của người khác, chứ chẳng chịu lo chuyện nhà mình. Những hành vi này thật không thể chấp nhận được. Quý vị hãy tự xét lại, coi mình có những thứ tư tưởng như thế không?

Giảng ngày 5 tháng 12 năm 1985

Thật Thà Niệm Phật

*Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp,
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ.
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.*

“Trong thời đại Mạt Pháp, ức người tu hành, hiếm lắm mới có một người đắc đạo, duy chỉ nhờ niệm Phật mà được độ.” Trong thời đại Mạt Pháp, dù có trăm triệu người tu hành cũng chưa chắc có được một người đắc đạo. May nhờ có pháp môn Niệm Phật, mà chúng ta có thể thoát khỏi vòng sanh tử, ly khổ đăc lạc và vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta bất hạnh sanh vào thời ma cường pháp nhược, nhằm vào thời Mạt Pháp xa cách Phật quá lâu. Tuy nhiên, trong cảnh bất hạnh, chúng ta lại may mắn gặp được pháp môn Niệm Phật. Pháp môn Niệm Phật là vừa tiết kiệm tiền, lại không tốn phí tinh thần, vừa dễ dàng, lại còn thuận tiện. Nhân vì niệm Phật, chúng ta sẽ thành Phật.

Vì sao niệm Phật sẽ thành Phật? Bởi từ vô lượng kiếp trước, đức Phật A Di Đà đã phát bốn mươi tám đại nguyện. Và trong bốn mươi tám nguyện đó, có một nguyện bảo rằng: “Nếu có chúng sanh nào niệm danh hiệu ta, mà không sanh về cõi Cực Lạc, ta thề sẽ không thành Chánh Giác.” Đức Phật A Di Đà phát ra những nguyện lực này, nguyện nguyện đều là nhiếp thọ chúng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc, nhưng chỉ với điều kiện là chúng sanh phải có lòng tin. Tin là thật có đức Phật A Di Đà đang ngự tại cõi Tây phương Cực Lạc, mà phát nguyện sẽ sanh về cõi Cực Lạc để làm đệ tử của Ngài, và thật lòng tha thiết xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Chúng ta phải có tín, nguyện và hành, một khi đầy đủ ba thứ tư lương này, tất sẽ sanh về Tây Phương.

Thế giới Cực Lạc không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui và không có ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Mặc dù nơi đó có bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá lợi, ca lăng tần già, chim cọng mạng; nhưng những giống chim đó đều do đức A Di Đà vì muốn làm cho tiếng pháp được tuyên lưu mà biến hóa ra. Đây là do cảnh giới biến hóa ra, chứ không phải thật có súc sanh. Cực Lạc thế giới không có vạn khổ nung nấu, cùng muôn điều ác, ngập tràn phiền não như cõi Ta-bà.

Cõi Cực Lạc ngày đêm sáu thời đều diễn thuyết diệu pháp, niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng. Nhưng nếu muốn sanh về cõi Cực Lạc thì chúng ta phải niệm Phật một cách thành thật. Chúng ta không thể không thật thà niệm. Thật thà niệm là mình nhất tâm niệm Phật, và không màng đến chuyện mình sẽ thành Phật hay không thành Phật, cũng không màng về việc mình sẽ vãng sanh hay không vãng sanh, mà chỉ dụng công niệm Phật ngay tại lúc này. Niệm Phật, niệm cho được chuyên nhất thành thực và nhất tâm bất loạn. Đến lúc sắp lâm chung, Phật A Di Đà nhất định sẽ tiếp dẫn chúng ta về cõi Ngài.

Tại sao đức Phật Di Đà lại đến tiếp đón những người bình thường như chúng ta? Điều này rất là khó tin. Không sai! Đây chính là pháp khó tin. Cho nên không người thưa hỏi mà đức Phật Thích Ca lại tự nói ra Kinh A Di Đà. Bởi vì không ai biết, cũng không ai tin pháp này, cho nên đức Phật Thích Ca với tấm lòng từ bi, tha thiết đã nói cho chúng sanh thời Mạt pháp chúng ta biết tu hành theo con đường tắt ở thời Mạt pháp đây.

Thật thà niệm Phật là miệng niệm Phật, tâm cũng niệm Phật. Đi, đứng, nằm, ngồi chúng ta cũng đều niệm A Di Đà Phật. Khẩu niệm danh hiệu Phật A Di Đà, thân hành trì theo hạnh của Phật A Di Đà. Sao gọi là hạnh? Giống như hiện nay chúng ta đang dự Phật Thất. Bất luận là bận như thế nào, chúng ta cũng phải buông bỏ để tham gia Phật Thất, và phải niệm cho được nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn tức là niệm này tiếp theo niệm kia, niệm niệm tương tục. Không phải là mình niệm được một lúc rồi thấy mệt mỏi, lại muốn bỏ đi nghỉ. Người mà lười biếng như thế thì không thể nào đắc được Niệm Phật Tam Muội. Đó gọi là không thật thà niệm Phật.

Thật thà niệm Phật tức là nhất tâm, nhất ý niệm Phật. Lúc niệm Phật, những chuyện như ăn uống, mặc áo, đi ngủ mình đều quên hết. Ăn cơm, mặc áo, ngủ nghỉ vốn là chuyện thường tình, đời sống con người không thể rời bỏ được; mỗi con người ngày ngày đều không thể thiếu những điều đó. Nhưng khi niệm Phật mà có thể quên được ba chuyện đó, thế thì chúng ta không biết là mình ăn uống, mặc áo hay ngủ nghỉ gì cả, đó mới chính là thật thà niệm Phật. Nếu chúng ta biết lúc nào mình phải đi ăn cơm, đó không phải là thật thà niệm Phật. Hoặc biết là mình muốn mặc thêm áo khi trời lạnh, đó không phải là thật thà niệm Phật. Hoặc khi ngủ không đủ giấc thì mình muốn đi nghỉ, đó không phải là thật thà niệm Phật.

Thật thà niệm Phật là bất luận đi đứng nằm ngồi gì, mình cũng chỉ biết có sáu chữ hồng danh "Nam Mô A Di Đà Phật." Quý vị niệm thành một chuỗi liên miên không đứt đoạn; cho đến tiếng nước chảy cũng là niệm "Nam Mô A Di Đà Phật," tiếng gió thổi cũng là niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", tiếng chim kêu cũng là niệm "Nam Mô A Di Đà Phật." Phải niệm cho đến khi Nam Mô A Di Đà Phật và tự chính mình không thể tách rời nhau. Niệm cho đến ngoài "Nam Mô A Di Đà Phật" không còn cái tôi, ngoài cái tôi lại cũng không còn "Nam Mô A Di Đà Phật". Tiếng niệm "Nam Mô A Di Đà Phật" của tôi và tôi hợp thành một. Bây giờ, gió thổi cũng không thấu qua, mưa rơi cũng không lọt vào, thế là chúng ta đạt được Niệm Phật Tam Muội. Nước chảy, gió động đều là diễn thuyết diệu pháp, niệm "Nam Mô A Di Đà Phật," đó chính là Thật Thà Niệm Phật.

Giả như nước chảy biết là nước chảy, gió động biết là gió động, hoặc nhìn ngang ngó dọc, xem các nơi có động tĩnh gì, đó tức là mình không thật thà niệm Phật. Nếu vừa niệm Phật, vừa nhìn trước ngó sau như muốn ăn trộm đồ, đó chính là mình không thật thà niệm Phật.

Thật thà niệm Phật là niệm nào đều biết niệm đó, niệm tư tại tư, không có vọng tưởng gì, cũng không nghĩ ngợi gì đến ăn ngon hoặc uống trà, chuyện gì cũng quên hết. Đây không có bí quyết gì, chỉ cần quán chế tâm mình trụ lại và đừng vọng tưởng thì đó là

thật thà niệm Phật. Nếu quý vị không khống chế được tâm mà cứ lo vọng tưởng, thế thì không phải là thật thà niệm Phật. Khi quý vị đề khởi chánh niệm, đó tức là thật thà niệm Phật. Nếu quý vị cứ nghĩ ngợi lung tung và khởi tà niệm, thế là không thật thà niệm Phật.

Cho nên niệm Phật một cách thật thà là điều vi diệu không thể nói. Nếu quý vị thật biết niệm Phật thời sẽ đạt được đại Tự Tại, không người, không ta, không chúng sanh, không thọ giả, và chỉ có tiếng Nam Mô A Di Đà Phật mà thôi!

Nói là Pháp, hành là Đạo. Chỉ nói mà không hành là như đếm tiền của người, mình không được lợi ích chút nào. Hôm nay tôi nói đạo lý này, nếu quý vị hiểu rõ rồi thì phải thật thà niệm Phật, thật thà dự Phật Thất. Đây là thời gian quý báu nhất trong cuộc đời chúng ta, vậy đừng để nó trôi qua một cách luống uổng. Tôi hy vọng quý vị sẽ nỗ lực niệm Phật, đem cả ba tâm: kiên trì, chí thành, và thường hằng của mình ra để niệm Phật và dự Phật Thất.

Giảng ngày 16 tháng 12 năm 1985

Sanh Tử Như: Ngủ, Thức – Nhưng Vẫn Niệm A Di Đà

Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta sanh ra rồi tử, tử rồi lại sanh, giống như con người thức rồi lại ngủ, ngủ rồi lại thức. Tối đến đi ngủ thì giống như người chết. Đến sáng thức dậy, giống như người mới sanh ra. Chẳng qua chuyện sanh tử này thì ngắn ngủi, còn cuộc đời thọ mạng của chúng ta, so ra thì dài hơn một chút.

Song, sanh tử thì cũng giống như chuyện ngủ, thức mà thôi. Vì sao? Bởi chúng ta có lúc hồ đồ mê muội, có lúc minh bạch sáng suốt. Minh bạch tức là sanh, hồ đồ tức là tử. Cho nên, nếu chúng ta có một niệm sáng suốt, và với niệm đó là mình đang sống; hễ có một niệm mê muội, với niệm đó là mình như đã chết. Đó là thời gian ngắn ngủi tạm bợ của cuộc sanh tử. Bất luận thời gian sanh tử dù ngắn thì cũng vậy, dài cũng vậy, cũng đều là luân chuyển trong vòng sanh tử luân hồi, nổi trôi chìm hụp chẳng yên. Có lúc chúng ta được sanh vào nhà giàu sang phú quý, có lúc lại sanh vào nhà nghèo hèn bần tiện. Có lúc chúng ta sanh làm trâu, làm ngựa, làm súc sanh, có lúc làm ngựa quý, hoặc xuống địa ngục. Đây đều là những kiếp luân hồi, nổi trôi bất định trong biển khổ sanh tử, vì sự sanh tử tuần hoàn này không chấm dứt, không khi nào hết được.

Đức Phật Thích Ca vì quá tội nghiệp chúng sanh, cho nên Ngài chờ không nổi nữa mà “bất vấn tự thuyết,” không ai hỏi mà Ngài tự nói ra Pháp Môn Tịnh Độ này. Pháp Môn Tịnh Độ là pháp môn phương tiện rất dễ dụng công. Đường đi rất ngay thẳng, chỉ cần

chúng ta niệm Nam Mô A Di Đà Phật với lòng tin, lòng phát nguyện và tâm thực hành là đủ rồi.

Cho nên tín, nguyện, hành là ba món tư lương, là ba thứ lộ phí cần thiết để chúng ta vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc.

Thứ nhất, chúng ta phải tin Đức Phật A Di Đà, tin Thế Giới Cực Lạc, tin pháp môn niệm Phật có thể đưa chúng ta đến cõi Cực Lạc để diện kiến đức Phật A Di Đà. Chúng ta phải có lòng tin. Chớ nên nói: Tôi chưa thấy điều đó, mà cũng không có chứng cứ gì nên tôi không thể nào tin được. Chúng ta chỉ cần có lòng tin, còn ngoài ra không cần gì khác cả. Kể đến là sự phát nguyện gặp đức Phật A Di Đà, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, nguyện tu pháp môn niệm Phật. Sau khi đã phát nguyện, chúng ta phải y chiếu theo pháp môn Tịnh độ, niệm Phật mà tu hành. Chúng ta phải lão thật niệm Phật, tức là phải niệm Phật một cách thật thà. Niệm thật nhiều rồi, chúng ta mới có thể trở thành một khối, nhất tâm bất loạn và đạt được Niệm Phật Tam Muội. Như thế chúng ta nhất định sẽ được sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thế giới Ta Bà là cõi muôn cảnh khổ nung nấu vây quanh, đầy dẫy vạn điều dữ ác, cùng những mưu tính hãm hại lẫn nhau, không có lúc nào bình an. Ở cõi Tây Phương Cực Lạc thì chẳng hề xảy ra những chuyện phiền não hay có vấn đề gì. Bởi vậy chúng ta phải mong cầu được sanh về cõi Cực Lạc, được diện kiến đức Phật A Di Đà, được hóa sanh tử liên hoa và đạt được quả vị bất thoái chuyển. Bất thoái chuyển là: vị bất thoái, niệm bất thoái và hành bất thoái. Vị bất thoái là chúng được quả vị không thoái đọa. Niệm bất thoái chuyển là tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, thời khắc nào tâm cũng không thoái chuyển. Hành bất thoái tức tu hành theo pháp môn này mình cũng không thoái chuyển.

Khi quý vị chúng đắc được tam bất thối này, tương lai nhất định sẽ thành Phật. Một khi chúng ta có được ba món tư lương: tín, nguyện, hành rồi, thời rất dễ cho ta đi trên con đường diện kiến đức Phật A Di Đà ở cõi Cực Lạc, bởi vì đó là nguyện lực của đức Phật A Di Đà. Trong mười phương thế giới, nếu có chúng sanh nào thành tâm niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, thời người đó lúc lâm chung sẽ được đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn về cõi Phật.

Khi niệm Phật cũng như là mình đánh điện tín đến Thế Giới Cực Lạc vậy. Chúng ta niệm Phật một câu là đánh một cái điện tín, niệm Phật hai câu là đánh hai cái điện tín. Mỗi ngày chúng ta đều đánh điện đến đức Phật A Di Đà, đức Phật A Di Đà ở cõi Cực Lạc cũng có ra-đa, cũng có máy nhận điện tín. Vậy máy ra-đa, máy nhận điện tín là cái gì? Thì là ao sen thất bảo đó. Quý vị niệm Phật một câu, hoa sen lớn lên một chút. Nếu quý vị niệm niệm đều là A Di Đà Phật, như vậy hoa sen sẽ to lớn dần như bánh xe. Chờ đến lúc quý vị sanh về cõi Cực Lạc, nhất linh Phật tánh của quý vị và nhất linh chân tánh của quý vị sẽ đến hoa sen này mà hóa sanh. Khi hoa sen nở, Phật tánh của quý vị cũng sẽ xuất hiện. Cho nên nói:

*Nguyện sanh Tây Phương Tịnh độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,*

*Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất thoái Bồ Tát vi bạn hữu.*

Chúng ta mong muốn sẽ được hoa sen thượng phẩm thượng sanh làm cha mẹ. Khi hoa sen nở là chúng ta thấy được đức Phật A Di Đà và ngộ nhập được vô sanh pháp nhẫn. Lúc bấy giờ chúng ta chứng được bất sanh bất diệt, thoát khỏi sanh tử, được cùng làm bạn với chư vị Bồ Tát bất thoái. Khi chúng ta đến Thế Giới Cực Lạc, bằng hữu và quyến thuộc của chúng ta đều là bạn với các vị Đại Bồ Tát. Cho nên chúng ta ngày ngày cùng nhau giảng kinh thuyết pháp, đều cùng hướng về phía trước mà tiến tới.

Giảng ngày 17 tháng 12 năm 1985

Thất Tình Lục Dục và Động Đất

Kinh Phật thường giảng đến các trận đại địa chấn động, tức là động đất. Vậy động đất là từ đâu đến? Động đất cũng có thể nói là động người, bởi vì nhân và địa chấn có sự tương thông. Người động thì đất cũng động, người không động thì đất cũng không động. Khi Phật nhập Niết Bàn, vì sao có sáu loại chấn động? Vì lòng người khủng hoảng quá sợ hãi, nên thất tình lục dục đều phun ra, đó là động đất. Cho nên, quý vị hoan hỷ là động đất, quý vị nổi nóng, bực dọc cũng là động đất. Quý vị buồn rầu bi ai, sợ sệt cũng là động đất. Quý vị sanh lòng yêu thương cũng là động đất. Quý vị sanh tâm chán ghét thì cũng vẫn là động đất. Quý vị sanh dục niệm ham muốn, thì lại càng gây ra trận động đất lớn.

Bởi vì thất tình lục dục trong tâm sôi động, cho nên đất sẽ chấn động. Tại sao thế giới có động đất? Bởi hằng ngày người người đều tạo ra động đất, chỉ là tự mình không biết mà thôi. Đặc biệt là tình tình ái ái, thời lại càng tạo ra động đất lớn hơn. Khi ai nấy, mỗi mỗi đều không được bình an, đây chính là đang phát động trận động đất lớn. Núi rừng, cây cối, sông biển là bản thân của chúng ta. Đầu tóc là núi rừng; mắt, lông mày, râu ria là cây cối; sông biển là các dục niệm mà ta không thể khống chế được. Bởi vậy mà gây ra động đất lớn.

Lúc Phật sắp nhập Niết Bàn, mọi người đều chấn động. Lúc bình thời không khóc, giờ cũng phải khóc. Đất hữu hình chấn động, đất vô hình cũng chấn động. Vì bên trong

chấn nên bên ngoài mới chấn và bên trong động nên bên ngoài mới động. Bên trong có cái gì, thì bên ngoài có cái ấy. Cho nên trong ngoài gắn bó tương thông, liên quan mật thiết với nhau.

Con người chúng ta ngày ngày tình tình ái ái, cho nên ngày ngày tạo ra động đất. Đây là điều rất nguy hiểm, là vấn đề của sự sanh tử, nhưng người ta vẫn cứ tạo ra động đất mà nào có biết. Phải chờ đến khi thật sự có trận động đất hữu hình xảy ra, lúc đó họ mới biết sợ. Trong giai đoạn vô hình, đang chế tạo động đất thì họ chẳng sợ. Một khi đã gieo nhân động đất tức sẽ có quả động đất. Người ta lúc gieo nhân không biết sợ, nhưng đến lúc kết thành quả rồi mới sợ điếng người.

Hôm nay tôi nói điều này, chắc quý vị không ai tin đâu!

Giảng ngày 3 tháng 6 năm 1986

Vạn Sóng Nổi Lên Muốn Đoạt Hồn

Lúc trẻ tôi chuyên môn trị bệnh cho người ta. Hễ có người bệnh là tôi nhất định phải trị cho lành mạnh, hầu giải quyết nỗi đau đớn của họ. Bởi vậy tôi đã đắc tội với rất nhiều thiên ma ngoại đạo và ngưi quỷ xà thần. Bọn chúng đều có đại thần thông và đợi chờ cơ hội tấn công, hễ quý vị mở cửa là chúng xông vào công kích ngay, gọi là: "Khai môn" tức là tự mở cửa để yêu ma hay phi tinh nhập vào người mình – (Kinh Lăng Nghiêm, đoạn nói về Ngũ Âm Ma). Hoặc giả là chúng xông vào đoạt khiếu, đuổi linh hồn quý vị đi mất, rồi bám trụ vào thân thể quý vị để nói những chuyện lếu láo, xằng bậy. Lúc bấy giờ, tôi đã đắc tội với rất nhiều yêu ma quỷ quái, vì tôi đã thu nhận một chú đệ tử nhỏ. Pháp danh của chú là Quả Quốc, ý nói quả vị của chú nhất định là sẽ sanh về Cực Lạc Quốc. Chú bé này theo tôi xuất gia là cũng có nhân duyên.

Vào một ngày kia, trong lúc ngồi thiền, tôi biết sẽ có một đứa bé muốn đến xuất gia. Đứa bé này bụ bẫm, mập mạp, trông có vẻ rất kháu khỉnh. Sáng sớm hôm sau, tôi bảo chú đệ tử lớn: "Con hãy để ý, hôm nay sẽ có một chú bé đến xin xuất gia đây. Khi nó đến, con phải báo cho ta biết ngay!" Đến khoảng một giờ trưa, chú đệ tử lớn của tôi vừa thở hổn hển, vừa nói với giọng Sơn Đông rằng; "Thưa Sư Phụ, hồi sáng Sư Phụ nói là có chú bé đến xin xuất gia, quả thật là bây giờ nó đã tới."

- Thật đã đến rồi à! Ở đâu?
- Nó đang ở phía trước nhà bếp.

Tôi bước ra xem. Đó là đứa bé ăn mặc rách rưới, đang thụt cổ, trở mắt nhìn tôi. Về sau nó xuất gia với tôi, thường ngày nó cầm cây quạt trông giống như Hòa Thượng Tế Công vậy. Chú bé này lúc lên năm tuổi đã có thể trị bệnh cho người. Ai giúp nó làm được như thế? Thì là hồ ly tinh và xà tinh. Kiếp trước thằng bé là thầy đồng cốt trị bệnh (ở miền bắc Trung Hoa gọi là Khiêu Thần, Đài Loan gọi là Chiêm Đồng). Các loại nguời quỷ xà thần này đã tìm đến lúc thằng bé năm tuổi, chúng khiến cho nó có được bản lãnh trị bệnh. Có những bệnh thằng bé trị lành, song có những bệnh, nó trị không khỏi. Có một số người gọi nó là "Tiểu Ma Chưởng," bởi vì trong người nó có khí ma, chứ chẳng có một chút phép tắc chữa bệnh gì.

Khi lên mười hai, mười ba tuổi, chính nó cũng bị bệnh. Bệnh gì vậy? Bệnh bao tử, nhưng tự nó cũng không trị được bệnh này. Một ngày kia, nó nằm mộng thấy một vị Hòa Thượng mập đến nhà và nói với nó: "Nếu con muốn hết bệnh thì phải đến chùa Tam Duyên, ở Hợp Nhĩ Tân, xin xuất gia và bái Pháp sư An Từ làm thầy. Như vậy con sẽ hết bệnh ngay." Nằm mộng liên tiếp ba lần đều giống y như thế, thành thử chú bé mới tin. Chú bé ở cách xa chùa tôi hơn cả ngàn dặm. Lúc bấy giờ, Nhật Bản vừa mới đầu hàng, vậy mà một mình chú đi đến Hợp Nhĩ Tân. Trên đường đi, chú thấy có một số vũ khí của quân Nhật sau khi đầu hàng vẫn còn bỏ lại trong kho nhà binh. Chú bèn đến đó nhặt lấy hai quả lựu đạn, rồi vừa đi vừa nghịch ngợm lựu đạn. Đến tối, chú ngủ ngoài trời. Lúc đó có cả chục con chó sói đến bao vây chú và tấn công bốn phía. Chú bé chẳng hề sợ hãi mà bảo chúng: "Các bạn thân! Các bạn đã đến rồi, vậy để ta cho các bạn ăn đỡ vài quả trứng nhé!" Đám chó sói đâu có muốn ăn trứng (lựu đạn), thế là chúng bỏ chạy mất.

Thấy chú bé như thế, tôi bèn hỏi: "Tại sao con đến đây?"

Nó đáp: "Con đến để xin xuất gia."

- Tại sao?

- Có một ông Hòa Thượng mập, tức là vị ngài trong đền thờ tại cổng tam quan, ông ta báo mộng bảo con đến đây tìm Pháp sư An Từ để xin xuất gia, như vậy con mới lành bệnh.

- Con không có cơm ăn, không áo mặc, không nhà ở mới đến đây xin xuất gia, phải không?

- Không phải vậy! Bởi vì ông Hòa Thượng mập đã ba lần chỉ dạy con, cho nên con mới đến đây.

Lúc bấy giờ trong tay tôi có cái bánh bao. Tôi bèn cắn một miếng và nhai nhừ rồi phun ra cả bánh lẫn nước miếng xuống đất nói:

- Muốn xuất gia, trước là con phải ăn hết những đồ này đi!

Nó ngóng cổ nhìn tôi, rồi nằm sấp xuống đất mà lượm lên ăn. Tôi thấy thằng bé còn có thể đào tạo được, cho nên cho nó ở lại. Quả nhiên, sau khi xuất gia, nó cũng hết bệnh.

Trải qua hơn nửa năm, chú bé thật đặc được ngũ nhãn lục thông, thật là cái gì nó cũng thấy được. Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông chú đều có cả. Tôi đưa chú đi khắp nơi để chữa bệnh cho người. Lúc trị bệnh, người ta dựa vào chú bé này để tìm hiểu nguồn gốc tôi. Họ hỏi: Bây giờ Thầy có được đại bản lãnh như vậy, chúng tôi đã nghe qua khá lâu, nhưng không biết Sư Phụ của Thầy có thần thông hay không? Mọi người đều biết là ổng tu hành, nhưng không biết là ổng có được thần thông như Thầy không? Chú chớp chớp mắt, rồi nói trong không trung: Đại khái là không có! Lạ quá, khi nói xong câu đó, thần thông của chú cũng không còn. Không còn thần thông nữa thì cũng chẳng sao, nhưng bọn quyến thuộc của ngưư quý xà thần lại nhập vào, khiến chú trở thành ma dựa ma khí như trước. Thấy thế nên tôi nghĩ: "Há có chuyện như vậy à! Chú bé đã theo tôi xuất gia, bọn quý bây còn dám đến đây quấy rầy ư!" Thế là tôi và chúng nó đấu pháp. Đấu đến hai mươi một ngày, trong thời gian này, tôi không ăn, cũng không ngủ. Đấu đến cuối cùng, tôi hàng phục được bọn yêu ma đó. Hàng phục chúng rồi, tôi nghĩ là sẽ không có chuyện gì xảy ra nữa.

Sau đó tôi đến Đông Tỉnh, làng này bốn bề là núi, trong làng chỉ có một cái giếng duy nhất. Căn nhà mà tôi dừng chân tạm trú, bên ngoài chỉ là bờ rào bằng cây rừng, thành thử nó không cản nổi gió, cũng không ngăn được nước mưa, cái gì nó cũng không ngăn cản nổi. Ngày nọ, tôi dắt theo bốn chú đệ tử nhỏ đến đó trú ngụ, mọi người trong nhà đó đều quy y tôi. Bởi vì khi ở Đông Bắc, tức Mãn Châu, tôi thường lo công việc chùa chiền nên phải bôn ba đây đó. Khi trú ngụ ở đây, các quái vật dưới nước bèn tìm cơ hội nhận chìm tôi. Trên trời thì mưa xuống, dưới thì nước giếng tự dâng cao lên ba trượng. Như thế tức là thượng hạ đánh giáp công. Ở phương bắc, Mãn Châu, người ta ngủ trên giường lò gạch, tức là nằm trên nắp lò sưởi. Khi nước dâng lên quá nhanh, người ta không cách nào chạy thoát; có người đứng trên giường lò gạch cũng bị chìm chết. Lần đó có hơn ba mươi người chết chìm, và hơn tám trăm căn nhà bị cuốn trôi. Nhưng ngôi nhà bằng bờ rào, phen tre mà tôi đang trú ngụ, tuy nó không ngăn nổi gió mưa, nhưng trong sân nước chỉ cao một hai trượng, trong khi bên ngoài thì nước cao mười trượng, Tôi cũng nói thật với quý vị là bốn chú đệ tử nhỏ của tôi đều có ngũ nhãn lục thông, cho nên khi thấy mưa lớn như thế, chúng tôi bèn "kiết giới," vì vậy nước lũ không vào được. Tình trạng đó so với cảnh nước ngập ở chùa Kim Sơn cũng không khác nhau mấy. Đó là lần đầu tôi bị ngập nước qua, nhưng không có cảnh chết chìm. Lần thứ hai kinh nghiệm về nước ngập, là khi tôi từ Thiên Tân đáp thuyền đến Thượng Hải. Thời gian cho chuyến hải trình bình thường thì khoảng bốn hay năm ngày, nhưng lần đó, chiếc thuyền cứ quay vòng vòng một chỗ trên vùng biển đen kịt, không lui tới gì được. Bởi vậy thuyền phải dừng lại ở đó hơn mười ngày.

Trên thuyền có mười bốn vị xuất gia mà gạo, mì đều bị ăn hết sạch nên mọi người gần như chết đói. Lúc ấy tôi cũng không niệm chú gì. Những gì trong bụng, thậm chí đến nước mật vàng, tôi cũng mưa ra hết. Tôi nằm dài trên boong tàu thầm nghĩ: "Con sanh ra là muốn hiến thân cho Phật giáo, nếu như Phật giáo không cần con, vậy một mình con sẽ nhảy xuống biển, chứ đừng liên lụy đến những người này. Nếu như Phật giáo hãy còn cần dùng đến con, con hy vọng đức Bồ Tát Quán Âm hiển linh, khiến thuyền

này bình yên đến Thượng Hải." Tôi nghĩ nếu sau năm phút, như quả gió không dừng thì tôi sẽ nhảy xuống biển. Tôi vừa nói xong, gió liền lặng, mưa cũng dừng, cuối cùng thuyền đến Thượng Hải bình an.

Mười mấy người trên thuyền cũng khỏi làm mồi cho cá mập, khỏi biến thành ma da. Đó là tai họa mà tôi đã gây ra, cho nên sau khi đến Hồng Kông, tôi cũng không dám xen vào những chuyện của người khác. Nhưng nếu tình cờ ngẫu nhiên gặp phải, tôi cũng còn xen vào chút chút.

Đến Hoa Kỳ thì tôi treo bảng miễn chiến. Thiên ma ngoại đạo mà có đến khiêu chiến, tôi cũng khẫu đầu đánh lễ và sám hối. Chúng thấy bây giờ tôi đã không còn chút bản lĩnh gì và tôi cũng chuẩn bị cho chúng đến lấy mạng mình bất cứ lúc nào. Tôi ở Vạn Phật Thánh Thành đã mười năm, nay thoái vị về hưu, nếu chúng lại muốn đến tìm tôi thì cũng không sao. Hơn nữa tôi cũng chẳng có chuyện gì để làm!

Giảng ngày 1 tháng 7 năm 1986

Pháp Môn Long Tượng Đại Trượng Phu - Quyết Giữ Ba Đại Tông Chỉ

Các vị Thiện tri thức! Ngày mai là ngày 4 tháng 7, là ngày Quốc Khánh của nước Hoa Kỳ và cũng là ngày thầy Phương Trượng thực tập lên nhậm chức. Vị tân Phương Trượng này rất nghiêm khắc, chưa nhậm chức mà đã muốn giết vài người để tế Pháp rồi. Giết ai vậy? Giết giặc! Những kẻ trước đây từng làm giặc, hoặc sẽ làm kẻ giặc trong tương lai, đồng loạt đều phải bị chặt đầu đem bêu trước công chúng. Khi thầy tân Phương Trượng nhậm chức, thì thầy muốn định đặt phép tắc.

Tại sao từ trước đến nay, tôi không đặt ra phép tắc gì cả? Bởi tôi là kẻ nô lệ của Pháp, cho nên đối với tôi thì "everything is OK, no problem!" (mọi chuyện đều OK, chẳng có vấn đề gì). Nhưng vị Phương Trượng mới này chuyên chế hơn, vì vậy ông ta muốn giết giặc, giết càng nhiều càng tốt, đó gọi là: "Trảm hết bọn giặc trong Phật Giáo, chỉ để lại Đại Đức Cao Tăng." A La Hán cũng được dịch là kẻ "giết giặc." Cho nên nói: "Trừ bạo khả dĩ an lương," nghĩa là trừ kẻ ác cho lương dân được an lành.

Các vị cư sĩ hãy chú ý! Đừng nghĩ rằng nịnh hót ông tân Phương Trượng là người hộ pháp tốt. Kỳ thật, đó là quý vị cản trở, gây chướng ngại cho sự phát triển của Phật pháp. Vị Phương Trượng cũng không được tùy tiện khen, chê người khác, và cũng đừng bị dao động trước sự khen tặng hoặc phỉ báng. Nếu muốn có người khen mình, vậy nhất định sẽ có người chê mình. Đó là đạo lý tự nhiên thôi.

Lúc trước chuyện gì tôi cũng cho qua hết, như có người mắng tôi thì tôi cũng bỏ qua, có người khen tôi, tôi cũng quên nốt. Vì vậy bây giờ quý vị tập làm Phương Trượng, tức

là quý vị phải bảo trì tông chỉ không khen, không chê. Nếu quý vị không muốn người ta khen mình, thì quý vị không nên khen người ta trước; quý vị không muốn người ta chê mình, thì trước tiên quý vị không nên chê người ta, đó gọi là: "Việc gì mình không muốn, chớ đùn đẩy cho người khác." Hãy nhớ đây, đừng gieo những hạt giống không trong sạch!

Các cư sĩ tại gia thấy thầy Phương Trượng mới, bèn muốn cúng dường thầy những thực phẩm đặc biệt—thật ra, đó là hành vi làm bại hoại Phật Pháp. Nếu không muốn làm cho Phật Pháp suy sụp thì họ sẽ không "thêu hoa trên gấm," bày vẽ này nọ. Ông Phương Trượng sẽ không chết đói đâu! Dù ông ta có chết đói thì cũng không sao, ai bảo ông ta không lo tu hành? Và lại, nếu có thể vì Phật Pháp mà chết đói, thì thật vinh hạnh và là một công thần trong Phật Giáo. Cho nên tông chỉ nhất quán của chúng ta là:

*Lạnh chết, không phan duyên.
Đói chết, không hóa duyên.
Nghèo chết, không cầu duyên.
Tùy duyên nhưng không đổi;
Không đổi mà tùy duyên.
Giữ vững ba đại tông chỉ của chúng ta.*

*Xả mạng vì Phật sự.
Tạo mạng là bốn phận.
Sửa mình là việc Tăng.
Gặp sự gì thấu lý ấy,
Hiểu lý gì hành sự ấy.
Tiếp nối nhất mạch tâm truyền của Tổ Sư.*

[Nói với vị tân Phương Trượng:] Ai muốn đơn độc cúng dường riêng cho ông, đó là phan duyên với ông để được ông chú ý, ông có biết điều này không? Nhất là ông còn trẻ, nên đối với điểm này, ông cần phải nhận thức hết sức rõ ràng. Tôi đã già rồi, như người ta thường nói "lão nhi vô năng," già cả thì vô dụng. Nhưng những người trẻ đừng để mấy thứ bản thiêu vây bám quanh mình. Hãy nên: "*Dù chết cóng vẫn đứng nghênh đầu gió, dù chết đói vẫn ưỡn ngực mà đi.*" Hãy làm ngọn đuốc sáng trong cơn gió mạnh, là vàng ròng trong lò lửa lớn, cái gì cũng không sợ cả!

"*Lạnh chết, không phan duyên.*" Đây là sự diễn tả về cuộc đời của tôi. Khi tôi ở Mãn Châu, mùa đông cũng như mùa hạ tôi đều mặc ba lớp áo vải như nhau - một lớp áo vải mặc bên trong và ngoài thì khoác một lớp áo với những mảnh vá, từng miếng, từng miếng vá đắp lên trên. Bấy giờ tôi có thấy lạnh không? Lạnh chứ! Thế sao tôi phải kiên trì chịu đựng như thế? Bởi vì tôi muốn "lạnh chết, không phan duyên" đây!

"*Đói chết, không hóa duyên.*" Khi tôi ở trong động Quán Âm, trên núi Phù Dung tại Hồng Kông, cả hai tuần lễ liền tôi không có lương thực. Tôi bèn tọa thiền trong động để chờ chết. Lúc bấy giờ, dưới núi có vị cư sĩ tên là Lao Khoan Thánh, biệt hiệu là "Pháp

Sư Bồn Địa” của vùng đó. Và ông được Bồ Tát Vi Đà báo mộng liên tiếp ba lần rằng: “Trong động Quán Âm có vị Pháp sư tên An Từ, ông nên lên đó cúng dường cho ông ta.” Thế là ngày hôm sau, vị cư sĩ này vác hơn ba mươi cân gạo và mang theo hơn 70 đồng đến hang động cúng dường tôi. Ba bốn tháng trước khi chuyện này xảy ra, ông cư sĩ này bị chó cắn ở chân. Các bác sĩ đông y và tây y chữa trị cho ông cả mấy tháng, nhưng trị không khỏi; họ đành bó tay chịu thua. Bồ Tát Vi Đà thích lo chuyện của người khác nên mới báo ông: “Ông đi cúng dường cho vị Pháp sư ở động Quán Âm thì chân sẽ lành ngay.”

Thế là ông ta tin tưởng mà đem gạo và tiền đến cúng dường. Lúc bấy giờ trong động, tôi chuẩn bị chờ chết đói, song xưa nay tôi chưa hề nói với bất cứ người nào rằng: “Xin ông thương xót tôi, đã qua nhiều ngày rồi mà tôi không có gì ăn hết!” Đó gọi là *“đói chết, không hóa duyên.”*

“Nghèo chết, không cầu duyên.” Lúc tôi mới đến chùa Nam Hoa ở Quảng Đông, được thân cận Đại Lão Hòa Thượng Hư Vân, trên mình tôi chẳng có một đồng một chữ. Cả đến tiền gửi thơ tôi cũng không có, nhưng tôi chưa từng đến các vị cư sĩ để hóa duyên. Bởi vậy ba đại tông chỉ này của tôi đều có căn nguyên, chứ không phải vô căn cứ đâu. Bây giờ thầy tân Phương Trượng lên nhậm chức, mọi người chớ nên đơn độc kết giao cảm tình với thầy, muốn thầy có thiện cảm đặc biệt với mình. Nếu quý vị có lòng cúng dường thì hãy cúng dường cho đại chúng, đừng nên cúng dường riêng lẻ cho một ai; bằng không thì chỉ là hại người và phá hoại sự hòa hợp trong Phật Giáo mà thôi!

Người xuất gia chớ nên nhụt chí mà hãy nên giữ vững ba tông chỉ trên. Chúng ta nên làm vị thầy tiêu biểu cho trời và người, và chiến đấu với bọn ma quân ở mười phương.

Có người thắc mắc: “Không phải là thầy dạy đồ đệ nên dùng lòng từ bi hỷ xả hay sao? Vậy, tại sao thầy lại dạy họ đấu tranh? Như thế phải chăng là đừng sửa đổi lòng sân hận của mình? Nếu vậy thì làm sao làm vị thầy tiêu biểu cho trời, người được?” Thì bởi muốn làm vị thầy tiêu biểu cho trời và người, thành thử chúng ta mới phải giáo hóa bọn ma quân!

Giảng ngày 3 tháng 7 năm 1986

Chân Đế Của Sanh Mạng

Sanh mạng không phải là tiền mà là báu vật vô giá. Chúng ta cũng không thể dùng tiền để mua bán sanh mạng. Thế nhưng đã có nhiều người bán rẻ sanh mạng đời mình. Vì tiền mà họ cam tâm hy sinh cả tánh mạng. Trong xã hội: tam giáo cửu lưu, ngũ hành bát tác, đủ loại ngành nghề, không ai là không vì tiền mà đành bán cả linh hồn, bán đứt sanh mạng mình.

Đức Khổng Tử nói: "Thiên mạng gọi là Tánh, tuân theo Tánh gọi là Đạo, tu Đạo là vì Giáo và không thể xa rời, dù trong tích tắc." Nếu đạo có thể xa rời thì không phải là Đạo. Theo khuynh hướng của thời đại hiện nay, chúng ta có thể sửa lại như thế này: "Thiên mạng gọi là Tiền, tuân theo Tiền gọi là Đạo, tu Đạo là vì Tiền. Tiền thì không thể xa rời, dù trong tích tắc." Cho nên "mở rộng cửa sau, nhưng đóng kín cửa trước" là thế đấy.

Hiện nay học sinh và thầy giáo đều vì tiền. Giáo sư nếu cảm thấy tiền lương không đủ, họ bèn đình công không dạy. Điều này đau đớn học sinh, khiến chúng cũng y rập theo khuôn tư tưởng như vậy, đến nỗi làm cho xã hội đi đến chỗ bại hoại luôn. Xã hội bại hoại là trách nhiệm của giáo viên và giáo sư! Hiện nay có nhiều trường rất hoang đàng, quái gở, như khuyến khích học sinh hút xách, tánh tình phóng đảng và tạo biết bao nhiêu chuyện phi pháp. Thời đại này so với thời Xuân Thu Chiến Quốc ở Trung Hoa còn bại hoại hơn nhiều. Thật vậy, phong cách nề nếp đời nay mỗi ngày một suy đồi, lòng người chẳng còn như xưa nữa. Giới giáo sư lại công nhiên phê bình: Vị Thánh nhân này không đúng, vị anh hùng nọ không tốt, ông tể tướng đó cũng không phải. Tóm lại, mọi người đều không đúng, duy chỉ có mình họ là đúng thôi. Vì sao như thế? Còn không phải là vì tiền ư! Giả như là họ đúng, thế thì bao nhiêu tiền tài cũng đều nên quy nạp về cho họ.

Người đời đều mê tài, mê sắc, mê danh, mê ăn, mê ngủ mà không biết đó là năm căn gốc đọa lạc của địa ngục.

Thứ nhất là tham tài, xem của cải như mạng sống. Điều này chúng ta vừa mới nói qua rồi.

Thứ nhì là háo sắc. Trong nhiều gia đình, ông chồng có nhiều bạn gái, bà vợ cũng kết giao với nhiều bạn trai. Kết quả là họ náo loạn cả lên mà ly dị, rồi bỏ bê con cái, khiến chúng trở thành trẻ cô nhi. Con cái thấy cha mẹ bại hoại như thế, chúng bèn học y theo, rồi hậu quả lại càng không thể tưởng tượng nổi.

Thứ ba là háo danh. Có số người cảm thấy danh phận mình chưa có đủ tiếng tăm, bèn cố ý tạo cho tên tuổi mình được lừng lẫy. Nhưng đến khi làm cho tên tuổi mình vơ vang xong, thoáng một cái là đã chết. Kể ra như Mao Trạch Đông chẳng hạn, tên tuổi ông ta vơ vang dội một thời. Quyền lực của ông so ra còn hơn cả thánh thần. Toàn dân Trung Hoa đều vờ vẩy cuốn sách Tiểu Hồng Sắc của ông. Ngay cả bùa chú của ngài Đạt Lai Lạt Ma cũng không bằng như ông. Đức Đạt Lai Lạt Ma tuy biết niệm chú, nhưng so với Mao Trạch Đông thì chú này cũng chẳng linh nghiệm được.

Ham muốn thứ tư là ăn uống. Lắm người tốn phí rất nhiều công phu nhằm để hưởng thụ cao lương mỹ vị hoặc thực phẩm béo bổ, dinh dưỡng. Như buổi tiệc thời Mãn Hán có cả 108 món, thật quá phí phạm của trời, quả là tổn phước, tổn thọ. Các vị nên cẩn thận và phải hiểu rằng: "Quân tử mưu đạo, bất mưu thực" nghĩa là người quân tử cầu Đạo, không mưu cầu ăn uống.

Ham muốn thứ năm là ngủ. Có số người không ham tài sắc danh lợi hay ăn uống, nhưng họ lại thích ngủ, ngủ bao nhiêu cũng chẳng thấy đủ.

Bởi vậy năm thứ ngũ dục này làm cho nhân tánh con người trở nên hồ đồ, linh hồn cũng như đã mất, rồi mê mê, mờ mờ mà chạy xuống địa ngục.

Giảng ngày 4 tháng 7 năm 1986

Ngậm Đắng Nuốt Cay - Sen Hồng Trong Lửa

Hỡi các vị Thiện tri thức, thậm thoát Vạn Phật Thánh Thành đã trải qua mười năm rồi. Trong thời gian mười năm đó, chúng ta đã từng đối diện với biết bao là gian nan khổ khổ, trùng trùng vô tận, nhưng tôi đã không đi các nơi để phan duyên hay cầu cạnh. Tôi cũng không tìm mọi thủ đoạn để kết giao với xã hội, hoặc xã giao với các nhà quan chức, hoặc lấy lòng những người quyền quý. Có người giới thiệu tôi tới diện kiến thống đốc tiểu bang California và Tổng Thống Hoa kỳ, nhưng tôi đều từ chối. Không biết quý vị còn nhớ chăng?

Vào năm 1979, lúc Vạn Phật Thánh Thành làm lễ khai mạc, có hơn mấy trăm người từ Mã Lai đến. Ngoài ra, lại còn có các vị thiện nam, tín nữ từ các nơi như: Hồng Kông, Đài Loan, San Francisco, Los Angeles cũng đến dự Pháp hội, tổng cộng cũng có tới vài ngàn người. Ngày hôm đó, câu gì mà tôi nói trước nhất với mọi người, tôi vẫn còn nhớ rất rõ. Tôi nói: "Cả đời tôi, tôi rất coi thường những người có tiền. Vì sao vậy? Bởi vì các vị có bao nhiêu tiền, thời các vị có bấy nhiêu nghiệp tội theo sau." Nghe tôi nói như thế, có hơn cả trăm người đến từ Mã Lai bèn muốn tranh cãi với tôi. Họ nói: "Chúng tôi đến đây để ủng hộ Thầy, vậy mà Thầy còn mắng chúng tôi nữa. Chúng tôi đều là người có tiền, nếu nói vậy là không đúng rồi!" Họ muốn nói đạo lý với tôi, nhưng lại không dám công khai. Họ bèn đi thỉnh giáo vị đoàn trưởng kiêm cố vấn của họ là Pháp Sư Đạt Ma Nan Đà. Pháp Sư Đạt Ma Nan Đà sau khi nghe chuyện, Pháp Sư bèn quả trách họ: "Quý vị đã sống đến bảy, tám mươi tuổi rồi, nhưng đối với sự việc như vậy mà cũng vẫn không phân biệt được đúng sai. Lúc bấy giờ tôi ngồi bên cạnh Pháp Sư Tuyên Hóa, tôi cũng đã nghe mỗi một câu ngài nói đều là chánh pháp. Nếu quý vị muốn tranh cãi với Pháp sư Tuyên Hóa, vậy tôi không thể ở chung trong nhóm quý vị nữa. Hoặc là quý vị đi, hoặc là tôi đi!" Thấy vị cố vấn của họ phản ứng như thế, họ mới không đến tranh cãi với tôi. Pháp sư Đạt Ma Nan Đà đến dự Pháp hội lần đó là để nhận bằng Tiến Sĩ Danh Dự của Đại Học Pháp Giới.

Phàm hễ ai đến Vạn Phật Thánh Thành, thì nên đem ra một phần công sức của mình để đảm nhận một số trách nhiệm. Tôi vốn hai bàn tay trắng, nghèo xác nghèo xơ. Tôi đã trải qua không biết bao nhiêu gian nan khổ khổ mới sáng lập được Vạn Phật Thánh Thành, nhưng tôi không bao giờ than khó khăn hoặc cầu xin người tiếp viện, mà cũng

không đi hóa duyên kêu gọi quyên góp. Bây giờ tôi đã thoái vị về hưu, thầy Phương Trương mới lên nhậm chức, về sau ông ta làm gì thì làm, tôi không quản đến, bởi vì “bất kỳ tại vị, bất mưu kỳ chánh,” không còn tại chức thì khỏi lo việc chánh quyền.

Các vị cư sĩ khi đã đến Vạn Phật Thành rồi, chớ nên tìm tiện nghi hay lợi dụng cảnh nhà chùa. Hoặc mình có lòng tham so ra còn nhiều hơn người xuất gia, cả ngày cứ niệm chú “tham” và chú “tranh,” rồi bảo là Vạn Phật Thành đối với quý vị không có từ bi. Quý vị đến Vạn Phật Thành mà để tham, để tranh, vậy là quý vị đã tìm lầm đối tượng rồi.

Phàm người nào quy y tôi, nên tự nghĩ rằng: “Vạn Phật Thành sẽ cho mình bao nhiêu? Còn mình sẽ cống hiến cho Vạn Phật Thành bao nhiêu?” Đừng đến đây để chỉ trích rằng Vạn Phật Thành đối xử tệ với quý vị. Vậy rốt cuộc là quý vị cống hiến cho Vạn Phật Thành được bao nhiêu rồi? Một khi quý vị hiểu rõ được điều này thì trong lòng quý vị mới được yên.

Giảng ngày 5 tháng 7 năm 1986

Muôn Chết, Ngàn Sống, Trăm Mài Luyện

“Vạn tử thiên sanh bách ma luyện” nghĩa là: Muôn chết ngàn sống trăm mài luyện, đây là câu đối liền nói về cuộc đời tôi. Tôi đã trải qua trăm ngàn cay đắng mới có được Vạn Phật Thành, cho nên quý vị đừng phá hủy nó.

Đến năm mười lăm tuổi tôi mới đi học, và học cách viết đối liền. Tôi rất ưa thích môn đối liền này. Ngay từ ban đầu tôi đã cảm thấy thân thiết với nó rồi. Lúc bấy giờ toàn ban trong lớp tôi có trên ba mươi học sinh. Khi họ làm câu đối không ra, họ đều tìm tôi giúp đỡ. Tôi bèn bắt chước theo nét chữ của họ mà làm câu đối dùm họ. Việc làm này không những đã huấn luyện lối suy nghĩ của tôi, mà tâm tư tôi cũng được mở rộng thêm ra. Tôi đi học được nửa năm lúc mười lăm tuổi, rồi đến mười sáu, mười bảy tuổi, tôi học được hai năm liền. Tôi học Tứ Thư, Ngũ Kinh tại trường tư thực. Năm mười tám tuổi là tôi bắt đầu dạy học. Một mình tôi dạy hơn 30 học sinh và tôi chia sẻ hết cho họ những gì tôi đã học. Học sinh đều là con em của những gia đình nghèo khó, cho nên tôi có nghĩa vụ dạy họ.

Một ngày kia, trong nhóm hơn ba mươi học sinh này, bỗng nhiên có khoảng hai mươi em phát bệnh dương mao đĩnh tức là mụn nhọt lông dê. Nói tới loại bệnh này là ai nấy cũng đều sợ khiếp vía. Vì nếu không trị bệnh kịp thời, nhất định trong ba ngày sẽ chết; còn nếu biết trị, bệnh sẽ khỏi ngay tức khắc. Bệnh này lúc vừa mới phát thì đầu đau rất khó chịu. Hồi đó tôi biết trị bệnh này. Tôi dùng một que diêm ấn ngay vào miệng của

mụn nhọt trên ngực, nếu nó lõm xuống mà không phình trở lại, thì biết đó là bệnh mụn lông dê. Và phải lập tức dùng dùi đâm vào thịt và khều ra phía trước, rồi dùng dao cắt bỏ miếng thịt đó. Chúng ta sẽ thấy trong miếng thịt đó có rất nhiều lông, còn chỗ bị mổ chỉ rỉ ra chút ít máu thôi. Nhất định là phải chữa trị theo phương pháp đó; mụn phía trước ngực thì khều ra bảy lần, mụn phía sau lưng thì khều ra tám lần. Quý vị sẽ hỏi là tại sao phải làm như thế? Đừng hỏi tôi. Tôi ham học, nhưng tôi không cầu hiểu sâu xa. Tôi cũng không biết vì duyên cớ gì, nhưng hễ khều ra như thế rồi thì bệnh sẽ lành hẳn.

Tôi có một chú học sinh rất dễ thương, chú chẳng những biết giữ đúng quy củ, mà còn chăm học, thông minh lại biết chuyện. Tôi chọn chú làm trưởng lớp và cũng lo nuôi dưỡng dạy dỗ nó. Chú bé cũng mắc bệnh lông dê này. Có câu nói rằng: "Quan tâm tắc loạn," khi lo lắng quá, ắt sanh rối loạn. Vì quá quan tâm cho tình trạng của nó mà tôi trở nên sốt ruột. Rồi chiều hôm đó, sau khi tan học, chính tôi cũng mắc bệnh này! Bệnh này cũng có quý, có vi trùng truyền nhiễm. Người ở vùng núi non mà mắc bệnh này thì chết rất mau.

Người khác bị bệnh thì tôi có thể mổ xẻ, nhưng tôi không thể tự cầm dao để cắt thịt mình. Tôi có thể tự mổ mụn nhọt phía trước, nhưng không thể làm được ở phía sau lưng mình. Bây giờ biết làm sao đây? Đầu tôi đau nhức như sắp nổ tung ra, tôi tự nghĩ: "Mình muốn hiến thân cho Phật Giáo, nhưng bây giờ lại mắc bệnh như thế này, nhất định là phải chết thôi." Bởi vậy tôi bắt đầu nói lời ma quỷ, mà cũng có thể nói những lời thần thánh hoặc lời Bồ Tát. Quý vị nghĩ sao thì nghĩ, vì cũng có thể là tôi nói lời hồ đồ hay lời đàm tiếu vậy. Tôi thầm nghĩ trong lòng: "Mình hiến thân cho Phật Giáo, nếu Phật không dùng thì mình chết đi cũng cam; còn nếu có thể dùng mình, thì dù cho mình không thể khều mụn nhọt ra được, nhưng bệnh này cũng sẽ lành lặn mà." Nghĩ thế rồi tôi miễn cưỡng ngủ thiếp đi. Ngủ một lúc, tôi giật mình tỉnh dậy vì như bị nghẹt thở. Tôi ngủ mà cảm thấy đầu óc mình to lớn ra, lại khó thở như có gì vướng vướng trong cuống họng. Tôi ráng sức ho và khạc ra một cục lông. Sau đó, bệnh mụn lông dê của tôi không cần mổ xẻ mà cũng khỏi. Đó là lần thập tử nhất sanh khiến tôi xém chết.

Hôm nay tôi nói với quý vị nghe về duyên khởi của câu đối liễn "muôn chết, ngàn sống, trăm mài luyện" như trên. Bây giờ tôi đã về hưu, nếu nhớ được chút nào thì tôi kể lại cho quý vị nghe chút này vậy.

Giảng ngày 6 tháng 7 năm 1986

Học Giới Luật Như Thế Nào?

Hỏi: Chúng con hy vọng Sư Phụ sẽ chỉ dạy chúng con làm thế nào để Chánh Pháp được trụ thế lâu dài.

Đáp: Nếu quý vị có thể không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ vậy là làm cho Chánh Pháp trụ thế đó.

Hỏi: Chúng con không biết phải học giới luật như thế nào?

Đáp: Lục Đại Tông Chỉ của Vạn Phật Thánh Thành là giới luật đấy. Tức là:

- **Không tranh** thì không phạm giới sát. Vì sao phải sát sanh? Bởi vì muốn tranh. Anh tranh tôi đoạt thì sanh ra hành vi giết người, phóng hỏa. Không tranh thì không sát, như vậy là giữ được giới không sát sanh.

- **Không tham** thì không phạm giới trộm cắp. Tại sao muốn trộm cắp? Thì đều bởi vì tham. Tham muốn vật của người làm của mình. Nếu không tham thì có thể giữ được giới không trộm cắp.

- **Không cầu** thì không phạm giới dâm. Người nam truy tìm người nữ, đó là cầu; người nữ truy tìm người nam cũng là cầu. Cầu không được thì thần hồn điên đảo, thậm chí trong giấc mộng vẫn còn truy cầu, thân tâm không yên.

- **Không ích kỷ tự tư** thì không phạm giới vọng ngữ. Tại sao phải vọng ngữ? Bởi vì muốn bảo vệ lợi ích riêng tư của mình, cho nên đi đến đâu thì gạt người và nói dối đến đó. Nếu mình không ích kỷ, dù ở đâu mình cũng có thể nói lời chân thật và không có chút hành vi lừa dối nào.

- **Không tự lợi** thì không phạm đến giới rượu. Người uống rượu cho rằng uống rượu có thể làm cho máu huyết lưu thông, có lợi cho thân thể, nhất định sẽ được mạnh khỏe. Như người say cảm thấy nhẹ nhàng lâng lâng như đã thành thần, thành tiên. Đó đều là vọng tưởng của người uống rượu. Họ đang bị sự tự lợi tác quái đấy.

- **Không vọng ngữ**, trong năm điều kể trên đã bao hàm luôn cả vọng ngữ rồi. Tuy nhiên, vì để mọi người đề cao cảnh giác, tôi đặc biệt nhấn mạnh đến chỗ xấu xa của vọng ngữ. Bởi vậy tôi mới nhắc nhở thêm mục này.

Nếu như ai nấy đều thật sự không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ, thì xã hội nhất định sẽ được an ninh, gia đình nhất định sẽ được hạnh phúc.

Nếu người người trên thế gian chịu nghiêm chỉnh giữ gìn năm giới, không có những hành vi như: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, và nghiện rượu thì họ sẽ không

có phiền não, không có lo nghĩ, ưu sầu. Cho nên nói Lục Đại Tông Chỉ này là pháp môn tối diệu, lại cũng có thể nói là:

**“Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp.
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ.
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì.
Nguyện giải tổ nhân chân thật nghĩa.”**

Tức là Pháp vi diệu rất sâu vô thượng. Trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp. Nay con thấy nghe được thọ trì. Nguyện hiểu chân nghĩa cách làm người.

Tôi xin nói thêm một câu nữa, như thân làm Phật tử, mức độ thấp nhất là phải nghiêm giữ năm đại giới cơ bản này và thực hành theo một cách triệt để, như vậy chúng ta mới được an lạc và tự tại. Giả như năm giới này mà không giữ được, thế thời 250 giới của Tỳ Kheo, 348 giới của Tỳ Kheo Ni lại càng khó giữ hơn. Cho nên tại rừng Ta-la song thọ, lúc Đức Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni sắp nhập Niết Bàn, Ngài đã nói với Tôn giả A Nan rằng: “Lấy giới luật làm thầy.” Do đó, chúng ta biết rằng giới luật thật là trọng yếu biết bao!

Giảng ngày 7 tháng 7 năm 1986

Vận Chuyển Càn Khôn - Thủ Trì Giới Luật

Dù hiện nay đang là thời kỳ Mạt pháp, nhưng các Phật tử nên phát khởi tinh thần và lập chí nguyện Kim Cang bất hoại của mình, ngõ hầu chuyển Mạt pháp thành Chánh pháp. Chúng ta nên làm một người Phật tử chân chánh. Nếu mọi người đều chân thật làm theo, tức sẽ chuyển được Mạt pháp thành Chánh pháp. Còn nếu tín đồ Phật Giáo không biết nhận thức, không thật tâm hành trì Phật Pháp, thế thì ngay cả Chánh pháp cũng sẽ chuyển thành Mạt pháp. Vì sao vậy? Vì hễ người chánh thì pháp sẽ chánh, người nghiêng lệch thì pháp cũng sẽ nghiêng lệch. Người nghiêng lệch là người không đi theo con đường chánh lộ. Họ không giữ giới luật, nhưng lại đi tìm chỗ sơ hở của giới luật. Cũng giống như pháp luật là để duy trì an ninh cho xã hội, nhưng có một số người chuyên tìm kẽ hở của luật pháp để làm những việc phạm pháp. Như vậy ngay cả pháp luật cũng không còn tồn tại, cho nên thế giới mới bị ảnh hưởng mà bại hoại.

Thân là Phật tử, nếu chúng ta không thật lòng vì Phật giáo mà nỗ lực công tác và hy sinh, thế thì Phật giáo làm sao phát dương quang đại cho được? Chúng ta muốn phát dương Phật giáo, chứ không phải muốn học mấy bài chú, học có được thần thông, học Mật Tông, hoặc học những thứ kỳ quái lạ lùng, hoặc học quý nhập thân, lên đồng, hoặc

học vẽ bùa, vẽ ngải. Cho nên điều trọng yếu nhất là phải học giới luật của Phật đã lưu lại. Nếu chúng ta có thể y theo giáo điều mà tu hành, vậy là Chánh pháp sẽ trụ thế. Nếu ai nấy cũng không giữ giới luật của Phật thì đó là Mạt pháp. Vì "Nhất thiết duy tâm tạo," tất cả đều do tâm tạo ra, cho nên pháp là ở ngay trong tâm con người. Tại sao con người lại đi đến thời kỳ Mạt pháp? Bởi vì nhiều người phạm giới, ít kẻ giữ giới; người biết giới luật thì nhiều, nhưng kẻ hiểu rõ giới luật thì ít, nên khiến người ta mơ hồ lẫn lộn. Quý vị bảo là người đó hiểu rõ, nhưng ông ta lại không hoàn toàn hiểu rõ. Nếu quý vị nói ông ta không hiểu rõ, nhưng ông lại biết chút ít ở bề ngoài, chỉ hiểu lơ mơ một phần nào đó thôi.

Giới luật là gì? Là "chỉ ác phòng phi," tức là dùng ác ngăn lỗi, là giúp chúng ta không làm mọi điều ác, và ngăn ngừa tất cả lỗi lầm. Cũng tức là "chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành," không làm các việc ác, mà làm tất cả việc lành.

Mọi người đều hiểu Năm giới của Phật dạy là trọng yếu. Và lại giới luật cũng có mối quan hệ thân thiết với mỗi cá nhân chúng ta. Nếu quý vị giữ quy củ, không phóng dật, buông lung tức là tự tánh của quý vị đang gia tăng thêm trí huệ. Giữ giới luật thì có thể phát sanh định, một khi sanh định tức là có trí huệ. Nếu không giữ giới thì không có định, mà hễ không định thì sẽ không có trí huệ. Giữ giới ví như bầu trời quang đãng, vạn dặm không gợn mây. Nếu không giữ giới: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu, làm bậy nói càn, đó cũng ví như trên không trung đang trong sáng lại xuất hiện đám mây đen. Hễ một khi mây đen xuất hiện thì nó sẽ che khuất mặt trời, vậy là quý vị sẽ không thấy được ánh sáng. Không thấy được ánh sáng quang minh, đó chính là đen tối hắc ám; mà hắc ám chính là ngu si vô minh. Đến nỗi mất cả thân người, rồi chui vào bụng heo làm heo, vào bụng trâu làm trâu, vào bụng ngựa làm ngựa. Đó đều là do những thành tựu khoa học, những thành quả của sự thí nghiệm trong công xưởng hóa học của tự tánh con người.

Người giữ giới là người thanh tịnh được tự tánh và quét sạch hết cái đen tối trong tự tánh. Người không giữ giới thì sẽ có trùng trùng vô tận những đám mây đen. Một ngày không giữ giới, là một ngày sanh thêm nhiều mây đen.

Người không giữ giới, bởi tự tánh của họ đang sanh mây đen ô nhiễm. Nếu quý vị không giữ giới luật thì đâu phải là người khác bị thương, mà chính tự tánh của quý vị bị thương tổn đấy. Cho nên quý vị nhất định phải nghiêm trì giới luật.

Quý vị có thể giữ giới được thì là Chánh pháp, còn không giữ giới tức là Mạt pháp.

Giảng ngày 9 tháng 7 năm 1986

Không Được Lấy Công Để Báo Thù Riêng

Trong giáo lý nhà Phật, đối với người hoặc đối với sự việc, chúng ta đều nên dựa vào Tứ Vô Lượng Tâm: Từ Bi Hỷ Xả để làm căn bản. Khi xử lý việc gì, chúng ta có thể dùng hai cách: chiết và nhiếp. Ví như một vị Tỳ Kheo có tánh xấu ác thì mọi người có thể mặc tẩn, bỏ mặc ông ta, chẳng màng để ý đến ông ta nữa. Đó là đối với vị Tỳ Kheo cực kỳ khó giáo hóa. Nếu có số Tỳ Kheo vì cố ý hay vô tâm phá giới và hủy hoại giáo pháp, lúc đó các vị Tỳ Kheo trì giới nên đem tấm lòng vô lượng từ, bi, hỷ, xả mà giúp đỡ họ. Nhưng có lúc lại dùng phương pháp "khu khiển" đuổi đi, như đổi chỗ cho người phạm tội ở riêng, hầu để sám hối, sửa lỗi thành người mới. Cũng có khi dùng pháp "ha trách," tức là la mắng, khiển trách một cách nghiêm khắc. Nhưng chúng ta không được lấy chuyện công để báo thù riêng. Chúng ta không thể vì có mối bất hòa với người, rồi bèn bới lông tìm vết, cố ý tìm lỗi họ. Chúng ta nhất định phải dùng lòng ngay thẳng, không ân oán, và cũng không đem tâm thiên lệch riêng tư để chủ trì, xử sự chuyện công. Nếu lấy chuyện công để báo thù riêng, ví như vừa thấy mặt ông ta là quý vị phản đối ngay, đó là một lỗi lầm lớn, hết sức sai trái. Tỷ dụ như quý vị thấy người nào đó không hợp nhãn, bèn chém hấn bên phải, búa hấn bên trái, thiếu chút nữa là bổ cho hấn chết, để trả thù rửa hận! Đó là đại sai lầm! Chúng ta nghiên cứu kinh Phật thì phải đại công vô tư. Chúng ta hoàn toàn vì giúp người, mà vận dụng hai phương cách "chiết, nhiếp," hoặc là nghiêm khắc la trách, hoặc dùng lời lẽ mềm dịu để khai đạo dẫn đường cho họ. Đó cũng đều là những phương pháp giúp người.

Nhất là khi đến đâu, chúng ta chớ nên nói người này làm như vậy không đúng, người kia làm như thế lại cũng không đúng, Nếu nói vậy là mình đã phạm lỗi nhân quả rồi. Chúng ta nên vận dụng lòng đại công vô tư, từ bi hỷ xả của mình. Nếu biết vận dụng hai cách chiết nhiếp thì ta là thiện tri thức. Nếu ai không biết dùng thì là ác tri thức.

Sai một ly thì trật đi ngàn dặm đấy! Không làm sai là hợp pháp, còn làm sai là bất hợp pháp rồi. Mà hễ bất hợp pháp, tức là tạo nghiệp tội, càng tạo tội thì nghiệp càng thâm sâu. Tội nghiệp càng thâm sâu, oán hận càng tăng gia. Đối với Phật Giáo, một khi đã kết oán thì tương lai sẽ không thoát khỏi. Tóm lại là bị nghiệp buộc chặt vào thân. Quý vị có muốn tu hành, nhưng ma chướng lại tìm đến. Vì sao? Bởi quý vị không công bằng. Nếu mình công bằng thời tất cả đều tốt lành, đều như ý. Nếu mình không công bằng thời phiền phức sẽ xuất hiện.

Giảng ngày 20 tháng 7 năm 1986

Lòng Ích Kỳ Là Tảng Đá Vướng Chân Người Tu Đạo

Người tu đạo như chúng ta dễ phát tâm dũng mãnh, nhưng khó mà lập chí cho vĩnh cửu lâu dài. Đó cũng là nói, phát tâm nhất thời, ai cũng có thể làm được đến nơi đến chốn. Nhưng nếu ngày ngày mà năng chiếu soi chí nguyện và tông chỉ của mình để làm theo, tức là điều không dễ làm.

Bởi vì con người không thể giữ tâm được thường hằng bất biến. Dẫu biết rõ tu hành vốn là việc tốt, nhưng sau một thời gian lâu thì chúng ta lại giải đãi lười biếng. Chúng ta quên mất tâm đạo, rồi để lòng tự tư ích kỷ của mình nắm hết quyền hành. Người tu đạo nếu dứt trừ được lòng ích kỷ, thì sẽ không có vấn đề gì và phiền phức gì cũng không còn. Nếu quý vị không có tâm ích kỷ, quý vị cũng sẽ không tranh, sẽ không tham, và sẽ không có mong cầu. Quý vị cũng sẽ không có cái ngã to lớn, cũng sẽ không nghĩ đến lợi lạc cho riêng mình và càng sẽ không vọng ngữ.

Vì sao chúng ta có quá nhiều tật xấu như thế? Là bởi cái tâm tự tư ích kỷ tác quái đó. Kẻ thù của người tu đạo là ai? Thật ra, kẻ thù thật sự không phải là Ma Vương, mà là tâm tự tư ích kỷ. Tâm ích kỷ của mình chính là ác tri thức của ta. Nó khiến cho chúng ta quên mất tâm đạo. Một khi lòng ích kỷ riêng tư nổi lên, nhất cử, nhất động, từng lời nói, từng việc làm của mình cũng đều là ích kỷ. Bởi vậy mình làm việc gì cũng không thành công, làm chuyện gì cũng bị hư hại. Mà nếu có thành công thì cũng là hư vọng, bởi sự thành công đó không phải là mình đạt được từ trí tuệ, công đức chân thật.

Con người vì sao không có trí tuệ chân chánh? Cũng bởi có lòng tự tư ích kỷ, cho nên từ thủy tới chung, người ta không thể đạt được trí tuệ chân chánh. Thời gian lâu dần, người tu hành bị thối lui tâm đạo, rồi quên mất chí nguyện phát tâm ban đầu của họ. Cho nên họ cứ trì kéo, dây dưa không dứt khoát hẳn hoi. Đó chính là đại chướng ngại của người tu đạo. Đại chướng ngại đó từ đâu mà sanh ra? Là từ lòng ích kỷ phát sanh. Nếu quý vị có thể giác ngộ được những câu nói trên và đuổi mấy con trùng lười biếng giải đãi chạy hết, như thế quý vị sẽ đạt được mỗi thu hoạch to lớn.

Giảng ngày 28 tháng 7 năm 1986

Bản Sắc Người Phật Tử - Cương Trực Không A Dua

Tại Vạn Phật Thánh Thành, ai ai cũng không được nịnh hót, nói những lời tăng bốc người khác. Trong quá khứ, tại sao có một số người đã hoàn tục? Bởi vì họ thích được nịnh hót cho "đội mũ cao" đến đây, đó là một hành vi xấu xa nhất. Tông chỉ của tôi vốn là không tán thán khen người, mà cũng không cố ý phỉ báng chê ai. Những lời tôi nói đều là sự thật, không thêm, cũng không bớt. Bởi vậy, tại Vạn Phật Thành đâu có ai

nói hai tiếng "cám ơn", gọi là "Trực tâm thị đạo tràng", tâm ngay thẳng chính là nhà chùa đó!

Tại Vạn Phật Thành, chúng ta không nói một chút nhân tình gì. Chúng ta hoàn toàn chỉ nói về Phật Pháp, chứ không đem Phật Pháp ra để tổng tặng theo lối thế thái nhân tình, tức là để lấy lòng người. Tôi cũng không cho phép đệ tử quy y tôi đến đâu là nịnh nọt, cho người "đội mũ cao". Lúc tôi mới mua Vạn Phật Thánh Thành, những đệ tử quy y tôi đều sợ đến gần tôi. Họ sợ tôi lôi thôi muốn quyên góp tiền của. Họ bảo là: "Chỗ đó sao mà lớn quá! Coi bộ trong vòng một năm, nhất định là ông sẽ đóng cửa phá sản cho coi!". Song, tôi vẫn một mực ấp ủ ba đại tông chỉ:

"Rét chết không phan duyên,
Đói chết không hóa duyên,
Nghèo chết không cầu duyên."

Tôi cũng không đê đầu, khúm núm với ai hết. Tôi nói với quý vị một cách thật thà rằng: Tôi chẳng những không đê đầu với người, mà khi đánh lễ Phật, Bồ Tát, tôi cũng không bao giờ nói: "Bồ Tát ơi! Xin Ngài giúp con! Lần này con không xong rồi..." Kể như là vừa khổ, lại vừa gian nan, nhưng tôi cũng tự mình gánh vác vượt qua, chứ không để người ta biết. Bộ tôi muốn xin sự thương hại của người ta à! --- người xuất gia gì mà như vậy ư! Bởi nhờ vào tinh thần này tôi mới dám nói: "Không cho phép San Francisco động đất."

Giảng ngày 29 tháng 7 năm 1986

Chủ Quan Trí Năng Thúc Đẩy Động Lực

Động lực thúc đẩy trí năng chủ quan, phương pháp giảng kinh này trước đây chưa hề có, nhưng không thể nói là sau này sẽ tuyệt hậu, không còn nữa. Theo phương pháp này, mỗi cá nhân đều có thể phát huy kiến giải của riêng mình, để nói ra tiếng nói của lòng mình và biểu hiện trí tuệ của chính mình. Tôi đã nghe quý vị nói pháp nhiều lắm rồi, tuy không thể nói là tôi gặt hái được nhiều điều hay, nhưng tôi được ích lợi cũng không phải nhỏ.

Hơn mười năm qua, mỗi ngày tôi đã làm thầy giảng kinh thuyết Pháp cho quý vị. Vậy bây giờ tôi là học sinh vỡ lòng theo quý vị học tập. Điều này thật là không thể nghĩ bàn! Làm thầy rồi lại làm trò. Nhưng nếu tôi đóng vai làm thầy giáo thì tôi sẽ không thể làm được vậy. Quý vị cần nên chú ý về điểm này!

Nếu quý vị không ra giảng Pháp, vậy tôi xin khấu đầu, đánh lễ quý vị. Còn nếu quý vị vẫn không chịu đi ra thì tôi quỳ. Bây giờ có nhiều người tranh nhau lên giảng kinh

trước. Công phu này không phải một sớm một chiều mà có được. Nghe quý vị giảng Pháp, tôi như được pháp vị cam lồ và pháp hỷ sung mãn. Những bài giảng của quý vị hôm nay, mỗi người đều có chỗ ưu điểm (sở trường) và khuyết điểm (sở đoản) của mình. Quý vị nên cùng nhau hỗ trợ nhau gỡ bỏ những chướng ngại, đem cái hay của người để bù đắp cho cái dở của mình, đó là dùng theo biện pháp "chiết trung." Nếu cảm thấy mình nói có đạo lý thì càng nên tự khích lệ mình thêm lên. Còn nếu mình giảng không bằng như người ta, vậy thì đừng ngại gì mà không lấy cái hay sở trường của người mà bổ túc cho cái dở sở đoản của mình. Đó là tinh thần học tập để mình ngày càng thêm phát triển.

Nhất là đừng tự mãn, tự khoe khoang, sanh tâm tự kiêu ngạo, bằng không thì đó sẽ trở thành những nhân duyên chướng đạo mình đấy. Cho nên mọi người càng nên tập trung, lấy trí huệ của mọi người làm trí huệ mình, lấy kiến giải của mọi người làm kiến giải mình. Mỗi cá nhân có thể nghe được nhiều người khác phát huy trí tuệ vốn có riêng biệt nhau. Phương pháp này xưa nay chưa có, nhưng tương lai về sau thì nào ai biết được.

Lại nữa, về cách thức thỉnh Pháp, trên căn bản, dù chúng ta giảng Pháp ở đâu thì cũng nên có người thỉnh Pháp. Nhưng hiện nay có một số người chỉ biết giảng Pháp, mà không biết xin thỉnh Pháp. Bây giờ Vạn Phật Thành dùng phương cách thỉnh Pháp này để trùng tân khiến hưng thịnh trở lại, ngõ hầu khôi phục lại những quy chế của Phật đã đặt ra.

Nghiên cứu Phật Pháp là chúng ta nên "tinh ích cầu tinh," đã tinh thông còn muốn tinh thông hơn, mỗi ngày nên cầu tiến bộ hơn. Đừng thấy khó rồi rút lui, vì nếu vậy chúng ta vĩnh viễn sẽ không thể nào hiểu rõ được Phật Pháp. Cho nên mỗi người đều có cơ hội để giảng kinh, mỗi người đều có dịp nói lên những lời công đạo hợp lý. Nói lời công đạo, tức là chúng ta không cần phải tăng bốc, thổi phồng nhau, hoặc đề cao, nịnh bợ lẫn nhau. Nếu không, chúng ta sẽ không thể nào hiểu rõ được ý nghĩa chân thật của Phật Pháp. Ở đây chúng ta nên thật thà, nên nói lời chân thật và nói về chân lý. Chúng ta nên nói tóm tắt, đừng nói vòng vo tam quốc, thêu hoa dệt lá. Chỉ cần chúng ta giảng giải chân nghĩa của kinh điển cho rõ ràng, vậy là được rồi.

Khi nghe người giảng kinh xong, thỉnh chúng nam nữ mỗi bên nên cử ra một người để tóm tắt phê bình. Phê bình đây không phải là với ác ý, mà là thiện ý và bình luận có tánh cách xây dựng. Nếu ai giảng không đúng, quý vị cũng có thể nêu ra để sửa đổi cho đúng. Đó là mài dũa, trau dồi, để cùng nhau sửa chữa những kiến giải không đúng. Bởi vì người trong cuộc thường mê muội, còn kẻ bàng quan thì thường tỉnh táo hơn. Nhưng không được nịnh hót, cho người ta "đội mũ cao".

Quý vị phải "đơn đao trực nhập," nói ra một cách thẳng thừng và "khai môn kiến sơn," đi ngay vào vấn đề. Nếu cảm thấy chỗ phê bình không hợp lý, quý vị cũng vẫn có thể nói lên. Đây không phải là biện luận, mà nên như "nhất châm kiến huyết" là nói ngắn gọn, đúng ngay điểm quan trọng để nêu ra chỗ không đúng. Thế mới có thể như là rèn

luyện trong lò lửa lớn để được vàng tinh chất. Cũng như tại chùa Thiếu Lâm, hành giả phải vượt qua đám người gỗ, nơi đám người gỗ này mà rèn luyện để được công phu chân thật. Nếu không thể vượt ra trận đánh, tức là họ phải luyện lại từ đầu. Nếu đánh thoát ra được, tức là họ có thể ở thế gian cuời mây đạp sóng để hoằng dương Phật Pháp. Đây là biện pháp tốt có thể phá trừ được tướng ngã. Đừng nên cho rằng vì người ta phê bình mình, rồi mình cảm thấy xấu hổ, hoặc là mình nêu ra khuyết điểm của người khác, nhưng lại sợ họ không chịu nổi. Đây là chân cũng lại là chân, thật cũng lại là thật, thật thật thà thà, không được có một chút tạo tác tạp nhạp, bất tịnh nào.

Tôi tin rằng từ cổ chí kim, chưa có ai giảng kinh theo cách thức như vậy. Nhưng tại Hoa Kỳ thì đặc biệt khai mở theo phong cách khuôn phạm này. Hoa Kỳ là một quốc gia dân chủ, cho nên mọi người nên nói lời chân thật với cả tấm lòng chân thành của mình. Chúng ta hoằng dương Phật Pháp tại Hoa Kỳ, đi đến đâu cũng nên nói lời chân thật, thành thử chúng ta vào nước không bị chìm, vào lửa không bị đốt và không bị đao thương xâm phạm. Đừng giảng lời hư ngụy giả dối, không nói tốt để lấy lòng người, để khiến người ta có thiện cảm với mình. Tôi nói lời chân thật, dù cho quý vị giết tôi cũng không sao, chẳng hề chi. Chúng ta nên có tinh thần như thế để nói lời chân thật, dù mình có chết cũng là chết có ý nghĩa. Chúng ta nên có tinh thần bình luận như thế, chớ có lo trước ngó sau, nhút nhát rụt rè. Nếu không, chúng ta chẳng thể nào hiểu được Phật Pháp.

**“Tồn pháp tài, diệt công đức,
Mạc bất do tư tâm ý thức.”
(Chứng Đạo Ca)**

*Làm hại Pháp, hủy diệt công đức,
Không đâu là không do tâm, ý, thức.*

Tức là do tâm, ý và thức của mình sẽ hại chết mình. “Thị dữ thiên môn liễu khước tâm,” qua pháp thiên mà từ bỏ tâm. Cho nên người tham thiên không dùng tâm, ý, thức. Cái gì họ cũng không nghĩ, cũng không suy tưởng tới, nhưng lại thường tham thiên với câu “Ai là người niệm Phật?” Đây là họ đi ngược dòng trở về nguồn cội, tìm cho ra bốn lai nguồn gốc, mình vốn là thế nào? Đây gọi là: “Chuyên nhất tắc linh,” chuyên nhất tới cực điểm thì hoá nhiên thông suốt, khai ngộ và đạt được đại trí tuệ. Hiện nay có một số người giả mạo khai ngộ, hoặc tìm người chứng minh rằng mình đã khai ngộ rồi. Đó là vì ai nấy đều cho rằng khai ngộ là việc tốt, và người tu hành thì vẫn chưa quên được cái danh từ tốt này. Nếu bảo rằng người khai ngộ sau này sẽ biến thành chó, chắc người ta sẽ không nói là mình khai ngộ đâu! Tự xưng mình đã khai ngộ, vậy cũng như là người vô tri đến cực điểm rồi. Vì sao lại muốn tự quảng cáo để nói cho người khác biết. Như thế là có ý gì? Đó cũng vẫn là để phan duyên, tự mình khua chiêng đánh trống. Nếu thật sự hiểu biết thì mình sẽ không tìm cầu danh lợi, mình cũng không ích kỷ, tự lợi đâu. Mỗi người nên làm việc với tinh thần vì Phật Giáo, chớ không phải cái này cũng sợ, cái kia cũng sợ, sợ luôn cả lá cây rơi xuống sẽ làm vỡ đầu, bể óc mình.

Người giảng kinh nên nói tóm tắt vào chỗ trọng yếu, đừng nhây nhưa, rắc rối. Những lời quý vị giảng thì nhất định phải có liên hệ đến ý kinh. Quý vị không được mang giấy ghi sẵn tài liệu lên bục giảng. Khi rút thăm (thẻ tre có ghi danh), rút đến tên ai thì người đó nhất định phải lên giảng. Quý vị không được thoái thác, vì như thế là trái với pháp lệnh, là không tôn trọng pháp. Đây là một thiên mệnh, rút đúng tên ai thời người đó phải lên giảng. Nếu không lên giảng tức vị đó đã làm trái với pháp công cộng. Dù là vị nào đi chăng nữa, cũng không được nói rằng:

- Hôm nay tôi không nói đâu.

Ai có hành vi như thế, dù có giảng hay bao nhiêu, người đó cũng không được điểm nào hết. Nếu như không có chuẩn bị, nhưng quý vị lại thường lên giảng thì mới tính. Còn như quý vị có chuẩn bị để lên giảng thì không tính. Nếu quý vị lên giảng mà mang theo giấy tờ cũng không được điểm nào. Tại sao? Vì không hợp quy củ! Cầm giấy lên đọc, đó là lừa dối mọi người, chỉ thêm sự quấy rầy thôi. Bởi quý vị không chú ý nghe giảng nên mới đem giấy tờ bài bản theo. Ở đây chúng ta không phải là "Open Book Test" thi được mở sách.

Khi thuyết giảng: Nếu biết thì nói chỗ mình biết, không biết thì không được nói mình biết, đừng giả bộ. Nếu vốn không biết câu chuyện là thế nào, vậy ta đàm huyền thuyết diệu để làm chi? Đó cũng như là nuốt trứng cả sách vở chớ mình có biết gì, vậy nói ra đâu có giá trị chân chánh gì? Cho nên muốn có cái trí chân thật và kiến giải rõ ràng, thời đừng vẽ rắn thêm chân, làm chuyện dư thừa.

Với phương pháp giảng kinh này, mỗi người sẽ tự phát huy trí huệ vốn có của mình. Lúc có người bên phía nam đang giảng trên bục, người kế tiếp nên ngồi dưới bục để chờ đến phiên mình. Bên phía nữ cũng vậy. Như vậy mọi người sẽ không vọng tưởng nghĩ ngợi rằng: "Kế tiếp sẽ đến phiên ai đây?" Nếu có người lên trước chờ thì sẽ khiến cho mọi người được yên tâm, còn tự người đó cũng có thể nhân cơ hội này mà an tĩnh chốc lát để chuẩn bị thuyết Pháp. Tuy nhiên, không phải ai ai cũng suy đoán: "Kế tiếp nữa sẽ đến phiên ai?" nhưng trong đại chúng cũng có người rất là sốt ruột, chẳng yên.

"Thiên hạ bốn vô sự, dung nhân tự nhiều chi." Thế gian vốn không có chuyện gì, nhưng người ngu lại muốn tìm chút chuyện để làm. Bởi vậy, gặp tình cảnh nào họ cũng đều chấp trước hết. Phương pháp giảng kinh này vốn rất tự nhiên, người trí thấy trí, người nhân từ thấy nhân từ, người sâu sắc sẽ thấy sâu sắc, người nông cạn thì thấy nông cạn. Mỗi mỗi đều có sở trường riêng, đạo lý giảng thuyết của mỗi người cũng không giống nhau. Nay chúng ta sẽ thâm lấy hết các thứ khác biệt đó, rồi bỏ chung vào một lò để cùng luyện đúc, hầu tập hợp trí tuệ của chúng sanh để kết tập thành những suy tư hữu ích và sâu rộng. Như thế thì người không có trí huệ cũng biến thành người có trí huệ. Tại sao? Bởi chúng ta có nhiều cơ hội học tập và trí huệ sẽ dần dần phát sanh. Đây là lúc mọi người lấy dài bù ngắn, căn cứ vào luận lý lôgic và chân lý, chúng ta sẽ rất mau thâm nhập được kinh tạng, trí huệ như hải. Một khi đã có trí huệ như hải, dù gặp chuyện gì đi chăng nữa, chúng ta cũng có thể giải quyết dễ dàng như chẻ tre.

Cũng như tấm gương chiếu rọi mọi vật, lúc việc đến thời đối ứng, việc qua rồi thời tĩnh lặng. Điều này đối với việc nghiên cứu Phật Pháp rất là trọng yếu vậy.

Còn một điểm nữa, lúc lên đài tập giảng, nếu quý vị có những lỗi nói theo kiểu quen miệng quen mồm, hoặc giả có chút cử chỉ gì không đàng hoàng thì cũng nên bỏ đi. Ở đây một mặt là học tập giảng kinh văn, một mặt là học tập cách diễn giảng trước đại chúng. Tôi thấy mọi người mỗi ngày một thêm tiến bộ, từ từ đi trên con đường chánh đáng. Lại nữa, người không biết tiếng Hoa, nhất định phải nói tiếng Hoa, và người không biết tiếng Anh, nhất định phải nói tiếng Anh.

Ở đây có rất nhiều người Tây phương, hồi trước họ cũng đâu có biết nói tiếng Hoa, nhưng vì bị bắt buộc học mà nay họ cũng biết được rồi. Tôi có một đệ tử rất thích ăn kẹo, nhưng cậu ta thà rằng không ăn kẹo chứ không muốn bỏ học nói tiếng Hoa. Bây giờ cậu ta đã nói được rồi đó. Ở đây người Tây phương nên nói tiếng Hoa, người Hoa thì nên nói tiếng Anh để cho ngôn ngữ đông tây cùng nhau giao lưu thành một khối. Mức độ tối thiểu là quý vị nên biết hai ngôn ngữ. Nếu quý vị có thể tiếp tục học thêm một chút nữa như tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý..., như vậy trong tương lai sẽ rất tiện lợi đối với việc đi ra ngoài hoằng dương Phật Pháp. Xin quý vị đừng bỏ sót điểm này.

Tôi rất là hổ thẹn vì tôi đã không biết các ngôn ngữ khác. Như mới gần đây, khi đi Indonesia, bởi không biết tiếng Nam Dương nên tôi như người điếc vậy. Quý vị là những người còn trẻ, bây giờ quý vị có cơ hội để luyện tập, tương lai quý vị sẽ làm trụ cột của Phật Giáo. Đó là kỳ vọng mà tôi đặt hết vào quý vị đấy.

Giảng ngày 6 tháng 8 năm 1986

Trì Giới Có Khả Năng Đào Luyện Tự Tánh

Khi thọ giới rồi thì chúng ta cần phải giữ giới. Giới tức là: Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, nghĩa là: Không làm các việc xấu và làm tất cả việc lành. Giới cũng là: Chỉ ác phòng phi, nghĩa là: đình chỉ, ngưng làm các việc ác và phòng tránh phạm lầm lỗi. Sau khi thọ giới rồi, chúng ta phải dựa trên căn bản: "Chỉ ác phòng phi, chư ác mạc tác và chúng thiện phụng hành" mà làm theo, đó chính là chúng ta đang giữ giới. Từ trong tư tưởng cho đến hành động, chúng ta đều nên cố gắng tận lực để ngưng làm các điều xấu ác, và cũng đem hết sức mình làm các việc tốt lành để giúp đỡ mọi người. Trong mỗi thời mỗi khắc, nên tự đề phòng những tư tưởng, hành vi không hợp lý, không hợp pháp của mình. Đó là ý nghĩa của giới đấy. Phật tử giữ giới hãy nên chú ý điểm này. Như vậy quý vị có thể làm theo được không?

Sau khi quy y Tam Bảo rồi, quý vị lúc nào cũng nên giữ lòng cung kính đối với Phật, Pháp, Tăng. Bởi vì tất cả do tâm tạo, nếu tâm thường cung kính Tam Bảo, lâu dần tự nhiên nó sẽ hợp nhất cùng Tam Bảo thành Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo và Giới Bảo. Quý vị đã quy y Phật, khi gặp tượng Phật thì đều nên cung kính, lễ bái. Kinh Phật cũng nên được để phía trên các sách vở thế tục và đặt ở nơi chốn tôn nghiêm. Tốt nhất là những kinh Phật nên được để ngay ngắn một cách tôn trọng, đừng bỏ trên cầu thang, nơi lối người qua lại, mà nên để ở chỗ sạch sẽ. Giờ khắc nào chúng ta cũng nên tôn kính Phật, Pháp, Tăng và Giới, nhất là trong tâm cũng không nên có chút khinh mạn, xem thường.

Trì giới tức là thanh tịnh tự tánh của mình, là quét sạch hết tất cả những đám mây đen hắc ám trong tự tánh đi; không giữ giới tức là mây đen trùng trùng vô tận. Nếu chúng ta càng không giữ giới, mây đen sẽ càng nhiều thêm, giống hệt như mây đen trên bầu trời vậy. Người không giữ giới, tức là trong tự tánh đang sanh sản đám mây đen ô nhiễm. Mình không giữ giới, thế thì không phải là người khác bị thương, mà chính là tự mình thọ thương, tự tánh của chính mình bị tổn thương thôi. Cho nên chúng ta cần phải nghiêm giữ giới luật. Trì giới là Chánh pháp, không trì giới là Mạt pháp.

Khi nghe giảng Phật Pháp, chúng ta không cần phải tham nghe cho nhiều. Điều trọng yếu chỉ là dừng việc ác, ngừa tội lỗi, năng biết và năng hành. "Không làm các việc ác, nên làm các điều lành," là đủ rồi.

Lúc đức Phật sắp nhập Niết Bàn, Tôn giả A Nan đã hỏi Phật bốn vấn đề. Trong đó có một việc mà ông đã hỏi như: Khi Phật còn tại thế thì chúng con lễ bái Phật làm thầy, nhưng Phật nhập Niết Bàn rồi, chúng con nên lấy ai làm thầy? Lúc bấy giờ, Phật đã nói một cách trịnh trọng với chúng đệ tử xuất gia và tại gia rằng: "Lấy giới luật làm thầy." Cho nên khi chúng ta niệm quy y, đó cũng là niệm quy y giới, tức là lấy giới làm thầy.

Quý vị muốn chân chánh học Phật Pháp thời phải lấy giới làm thầy, chứ không phải nói giới, giới, giới trên miệng lưỡi, mà giới phải ở ngay trong tâm. Người không phạm năm giới thì trong tâm sẽ quang minh xán lạn. Đối với người phạm giới, quý vị nghe họ nói chuyện là biết họ đang có quỷ ở bên trong, khiến họ không thể dương mặt dương mày để nói năng hùng hồn, đúng với lý lẽ. Sau lưng họ chắc có sợi dây để kéo, giống như quỷ đang giật đuôi họ, làm cho họ e sợ đấy thôi!

Bất luận tôi đi đến đâu, không hiểu tại sao, dù tôi không có đeo súng đạn hay vũ khí gì trên thân, vậy mà những người tà lý, tà khí hễ thấy tôi là họ sợ sệt. Thậm chí họ sợ đến nổi run rẩy, nơm nớp, ngay cả nói chuyện cũng không dám nói, nhìn cũng không dám nhìn mặt tôi. Hôm nay tôi nói cho quý vị biết là tại sao thế! Bởi vì họ không giữ giới, cả ngày cứ ở trong đám mây đen, ẩn trốn trong chỗ hắc ám tối đen, cho nên mới không thấy được ánh sáng. Không giữ giới là biểu hiện của Mạt pháp. Quý vị muốn hộ trì Chánh Pháp thì phải giữ giới. Giữ giới không phải là bảo người ta giữ, mà tự mình phải giữ. Không giữ giới thì tự tánh bị thương, mà hễ tự tánh bị thương tức là nhiễm ô, đen

tối, giống như tấm gương bị rất nhiều bụi bặm che phủ, cho nên nó không thể soi chiếu ai được.

Tự tánh của chúng ta giống như tấm gương trong sáng vậy. Bản nguyên của chúng ta đều có Đại Viên Kính Trí, Thành Sở Tác Trí, Diệu Quan Sát Trí và Bình Đẳng Tánh Trí. Tự tánh là quang minh vô lượng, sáng tỏ không lường, nhưng vì không giữ giới, thành thử ánh sáng quang minh không xuất hiện được. Cho nên ký ức của chúng ta cũng không tốt, cái gì cũng không tốt cả. Tại sao con người ngu si? Bởi vì không giữ giới. Hiện nay lại còn có những đứa bé tâm trí suy nhược, năng lực thấp kém, đó cũng bởi kiếp trước chúng không giữ giới cho nên mới ngu si như ngựa, như trâu, tuy có thân người nhưng không có trí người, chẳng những ngu si mà còn điên đảo nữa.

Cũng như hôm nay, có người đến hỏi tôi rằng: ông ta là Bồ Tát thuộc cấp địa thứ mấy? Vốn ngay đến bờ rìa của Bồ Tát, ông ta còn chưa rờ tới được, vậy mà lại còn hỏi mình là Bồ Tát cấp địa thứ mấy? Quý vị nói là có đáng thương hay không chớ? Loại người như vậy cũng đều là không giữ giới, cho nên thần kinh mới phát cuồng.

Phật là bậc đại trí tuệ, ai có đại trí tuệ thì sẽ giống y hệt như Phật. Nếu mình không thể thành Phật được tức là vì mình không giữ giới. Đời đời, kiếp kiếp Phật đều giữ giới, giới nhỏ như tơ hào Ngài cũng không phạm. Bởi vậy mà Ngài chứng đắc được thân Phật, có Ba Thân, Bốn Trí, Ngũ Nhãn, Lục Thông. Nếu mỗi người đều có thể “không làm các việc ác, vâng làm tất cả việc lành,” thời đó tức là giữ giới.

Giảng ngày 3 tháng 9 năm 1986

Nên Bình Luận Công Bình

“Trong các loại bố thí, bố thí Pháp là tốt nhất.” Đó là loại bố thí lớn nhất, vì nó có thể thành tựu được Pháp Thân Huệ Mạng cho con người, giống như thắp lên ngọn đèn sáng trước mặt người ta vậy. Do đó, đức Phật trong suốt cuộc đời, Ngài đã không làm việc gì khác, mà chỉ lo giảng Kinh, thuyết Pháp thôi. Chúng ta là đệ tử Phật, nếu không học giảng Kinh thuyết Pháp, không học nói lời chân thật, thế thì rốt cuộc chúng ta theo Phật để học cái gì?

Bây giờ mỗi buổi tối giảng kinh đều là do mọi người thay phiên nhau lên giảng, sau rốt lại còn có người bình luận tổng quát. Như vậy thì đây càng hơn là bố thí Pháp trong những cách bố thí Pháp. Những ai chưa đi vào con đường chánh lộ, quý vị cũng nên từ từ diu dắt, giúp họ trở lại con đường chánh. Bởi vậy, bình luận như thế này là quý vị đang thực hành một phần nào theo Bồ Tát đạo.

Quý vị chân chánh muốn giúp đỡ kẻ khác, chân chánh muốn cho người ta được thành tựu mà thực hành bổ thí Pháp thì đừng nên thờ ơ, chẳng chịu quan tâm đến ai; nếu không, thì không phải là người tu hành chân chánh. Nhớ lại lúc ban đầu, quý vị không ai muốn lên giảng, nhưng hiện nay thì biết nhận thức hết rồi. Khi quý vị lên giảng thì đừng sợ sệt, vì không có ai đánh hay giết hại quý vị đâu. Kể như đến lúc mình phê bình thì cũng là có thiện ý, chứ đâu phải có ác ý. Như: "Tôi cảm thấy người đó không đúng nên tôi phải áp đảo y." Ngược lại, mình nên nâng đỡ họ, bởi mình không nỡ để họ ngã quỵ xuống. Quý vị cũng đừng có giống như: anh nhìn tôi, tôi nhìn anh, để rồi ai cũng sợ đi lên bình luận, phê phán. Kể như là quý vị bình luận không đúng đi, nhưng mọi người vẫn có thể nghe thấy cách nhìn, và quan điểm của quý vị. Chúng ta nên "tinh ích cầu tinh," nghĩa là đã tinh thuần rồi mà vẫn muốn tinh thuần hơn nữa, để không còn một mảy cặn bã nào, giống như luyện vàng tinh trong lò lửa lớn, nó phải thuần nhất chứ không được lẫn lộn với các chất tạp nhạp khác.

Hiện nay quý vị cảm thấy việc này không trọng yếu, nhưng tương lai khi quý vị ra ngoài hoẵng Pháp, lúc đó quý vị mới biết tánh cách trọng yếu của nó. Quý vị giảng sai một chút là có thể khiến cho người ta thối thất tâm Bồ Đề rồi. Còn nếu giảng đúng, là quý vị làm cho người ta phát Bồ Đề tâm. Vì vậy, bây giờ chúng ta nên luyện tập một cách thật thà. Chúng ta không nên thêu dệt vòng vo, hoặc nói tràng giang đại hải như là viết văn chương, chỉ cần mình giảng ra được cái nghĩa lý trọng yếu của kinh văn là được rồi.

Giảng ngày 28 tháng 9 năm 1986

Rèn Luyện Trí Tuệ

Trong Pháp hội giảng kinh này đây, ai ai cũng đều có cơ hội lên thuyết giảng, cho nên trí tuệ của mỗi người cũng được xuất lộ ra, mà cái ngu si của mỗi người cũng bày lộ ra luôn. Người mà thật sự có trí tuệ, dù họ muốn giấu, giấu cũng không lâu đâu. Ban đầu họ có thể ẩn giấu khoảng năm ba ngày, song lâu dần thì họ cũng đâu có giấu được. Và ngược lại, người ngu si vốn muốn giả vờ rằng mình thông minh, rồi làm ra vẻ thông minh. Nhưng dù họ cố gắng học tới học lui gì thì cũng đâu có được tự nhiên. Đây mới là cuộc khảo sát thật sự! Bây giờ chúng ta lại tăng thêm mục bình luận sau chót nữa. Nếu quý vị nói hươu nói vượn gì thì vẫn còn có người phê bình quý vị. Nhưng người bình luận không được lời thô, nói dài hơn cả người giảng Pháp.

Chúng ta hãy nhìn xem, những bậc cổ nhân bình luận văn chương như là "họa long điểm tinh" tức vẽ rồng điểm mắt, họ chỉ dùng vài chữ đơn giản mà đầy đủ, bao la vạn hữu. Vậy thì chúng ta không cần phải "họa xà thêm túc" tức vẽ rắn thêm chân, hoặc giả "vẽ người còn vẽ cả ruột gan" nữa.

Mọi người hãy nên xem xét kỹ, rằng: người đó lên phê bình có chính xác không? Ý kiến của người đó là thật, hay là giả. Người đó có đúng như là người chỉ đường không? Mà y chỉ đúng hay là không đúng?

Chúng ta ngày ngày rèn luyện trong lò lửa hồng, thành thử một chút cặn bã, chút tư hào như bần gì cũng không còn. Nếu mình chuyên tâm học Phật, bất luận là người khác có nói đúng hay không đúng, mình cũng phải chăm chú lắng nghe. Người nào không chú ý tất sẽ ngủ gà ngủ gật. Đây là sự khảo nghiệm, thử thách, thật hay giả gì cũng đều rèn luyện cho tỏ lộ ra hết.

Giảng ngày 5 tháng 10 năm 1986

Thái Độ Người Học Phật

Đạo Phật là giáo pháp xuất thế, cho nên chúng ta không phê bình tốt xấu về chuyện chánh trị, hay đảng phái nầy nọ, bởi vì Pháp là như vậy, xu hướng của thế giới là như thế. Tất cả vạn sự, vạn vật đều là đang nói Pháp. Chúng ta có thể nói rằng: Tất cả đều là "tiền nhân hậu quả" đó thôi. Từ vô lượng kiếp đến nay, nhân nầy đã được gieo xuống rồi, cho nên phải kết cái quả đó, gọi là: "như thị nhân, nhân thị quả" tức gieo nhân nào sẽ gặt quả nấy là vậy, và không có một chút gì sai nhằm đâu. Nhưng theo kiến giải của phàm phu thì có cái phân biệt là đúng, hoặc là không đúng. Chúng ta đừng nên để ý đến chuyện "đúng hay không đúng," vì đó là do con người tự sanh ra sự phân biệt thôi. Do đó, chúng ta nghiên cứu Phật Pháp hoàn toàn là vì muốn nghiên cứu đạo lý của Khổng Tử, Lão Tử và Phật Giáo. Chúng ta không bàn luận về hành động của bất cứ một đảng phái chánh trị nào, bởi vì chúng ta đâu có làm chánh trị. Chúng ta cũng không mượn Phật Pháp để phát ra những cái bất bình của mình.

Học Phật Pháp, trước hết là chúng ta phải bình lặng những cái bất bình của mình. Chúng ta không thiên tả, mà cũng không thiên hữu. Đó là tông chỉ của chúng ta khi giảng Pháp đấy.

Còn nữa, tôi không thích được người bợ đỡ, cũng không muốn ai khen tặng tôi. Tôi rất vui khi người ta phỉ báng tôi, nhưng chán ngán nhất là khi có người tán thán khen tôi trước mặt. Tôi không muốn tự thần thánh hóa mình, tôi vốn như là hư không, không hình, không tướng, không tượng, không đông tây nam bắc, không nhân, không ngã, không chúng sanh, không thọ giả. Thế thời sao lại có cái "ngã"?

Nếu có cái "ngã" tôi sẽ không đến Hoa Kỳ. Tôi đến đây không phải là để đào vàng. Ở San Francisco tuy được gọi là Cựu Kim Sơn, (núi vàng cũ) nhưng ngay cả bột vàng tôi cũng chẳng muốn. Tôi lại không biết nói tiếng Anh, một chữ a, b, c cũng không hiểu. Thế thì tôi đến đây để làm gì? Bởi tôi muốn khai khẩn vùng đất mới ở đây, ngõ hầu đem Phật Giáo truyền bá đến toàn khắp thế giới. Đó là nguyện lực của tôi.

Dù bất cứ ở đâu, tôi không muốn tự đề cao địa vị mình, tôi cũng không muốn được nổi bật. Tôi không cảm thấy rằng mình cao hơn người, giỏi hơn người, có trí tuệ hơn người. Nếu tôi nghĩ như vậy, tức là tự mãn, coi như tôi đã tiêu rồi. Bởi người tự mãn, nhất định sẽ không thành tựu được cái gì. Con người nên giống như “có cũng như không, thật cũng như hư.” Người có đạo đức nhưng giống như người không có đạo đức, có trí tuệ nhưng tự như người không có trí tuệ, nhất là không nên tự mãn.

Một khi con người tự mãn thời sẽ tự đại, mà tự đại thì trở thành như chữ “xú” tức là hôi thúi (chữ “xú” là tiếng Hán gồm có chữ “tự” và chữ “đại” nghĩa là hôi thúi). Cho nên chúng ta ai nấy đều nên tận lực học Lục Đại Tông Chỉ: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Chúng ta phải hết sức mình làm theo sáu nguyên tắc này. Nếu không thể thực hành Lục Đại Tông Chỉ này, dù cho quý vị có tài hoa gì đi nữa, quý vị cũng chẳng có trí huệ chân thật. Thậm chí miệng lưỡi quý vị có lưu loát như nước chảy, biện tài vô ngại, tôi cũng không có hứng thú gì đâu. Tôi là kẻ chỉ biết người thật thà, chứ không biết đến kẻ xảo trá. Về sau, bất luận là người nào cũng đều phải thật thà, đừng nghĩ rằng mình có cái gì nổi bật. Hoặc kể như là quý vị phi thường, nổi bật đi, quý vị cũng đâu cần phải phô trương, lộ bày rằng mình là nhất hạng không ai sánh kịp. Loại người như thế sẽ không thể tồn tại trong Phật Giáo, sớm tối gì cũng bị thất bại thôi. Cho nên tôi thường nói với quý vị, trong Phật Giáo muốn tạo lập công đức, nhất định là phải học tập thái độ của các vị cổ nhân đức lớn xưa nay: không tranh, không cầu, không tham, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ, như thế mới đúng với tư cách của người chân chánh học tập Phật Pháp.

Nếu không, dù quý vị có giảng hay đến mấy đi nữa, cũng không được chút ích lợi nào. Quý vị dối người chỉ có thể dối được một lúc nào đó, chứ không thể dối gọt lâu dài được. Cho nên nói: Đường dài biết sức ngựa, lâu ngày biết lòng người. Tu đạo là tu cái gì? Thì là chú trọng về đức hạnh của chính mình đó.

Giảng ngày 18 tháng 10 năm 1986

Đệ Nhất Niệm Là Gì?

Đệ tử hỏi: - Thừa cái gì là niệm thứ nhất?

Hòa Thượng đáp: - Tức là một niệm bản lai, không cần suy nghĩ, không dùng đến tâm, ý, thức mà hiểu rõ ràng. Phàm những cái suy tưởng đều là của nhân tâm con người, chứ không phải là Đạo tâm. Đệ nhất niệm là đệ nhất nghĩa đế, chứ không rơi vào đệ nhị hay đệ tam.

Đệ tử hỏi: - Bình thường hễ chúng ta thấy món ăn ngon, niệm thứ nhất là nghĩ đến ăn nó; hoặc thấy đồ vật đẹp, chúng ta lập tức nghĩ đến muốn có nó. Chẳng lẽ đó cũng là đệ nhất nghĩa đế sao?

Hòa Thượng đáp: - Không phải! Quý vị chớ có sai lầm, gọi là Niệm thứ nhất vì đó là khai bốn kiến tri, là từ cái chân tâm của chúng ta bộc lộ ra, là Bốn Lai Diện Mục. Còn ý niệm tham ăn, ham đẹp thuộc về vọng tâm, tham tâm, chứ không phải là chân tâm. Ví như chúng ta ở đây nghiên cứu chân lý, phương diện đó thuộc về dương. Còn tâm tham ăn, ham đẹp là phương diện thuộc về âm, cho nên không thể xưng là đệ nhất nghĩa đế. Tâm cần phải theo chiều hướng chân lý, quang minh, vậy mới tính kể. Then chốt là ở chỗ thượng đạt thăng tiến hay hạ lưu suy đồi. Nên biết rằng con người đọa lạc xuống địa ngục cũng bởi cái niệm ban đầu trước nhất, nhưng niệm đó là thuộc về tà, thuộc về âm, thuộc về hạ lưu, do đó nó mới có thể dần dần đẩy ta từng bước xuống địa ngục. Bởi vậy chúng ta phải phân biệt rõ ràng về những vấn đề cơ bản, chớ đâu thế nào bàn luận một cách hỗn độn chung chung.

Đệ tử hỏi: - Đã có người hỏi rằng: "Đạo Phật bảo là: Thân người khó được, một khi mất thân người, muôn kiếp chẳng phục hồi." Vậy tại sao hiện nay nhân số trên thế giới lại gia tăng một cách mạnh mẽ? Rõ ràng là số người sinh ra nhiều hơn so với số người tử vong, vậy đạo Phật giải thích thế nào về điều này?

Hòa Thượng đáp: - Hiện nay tỷ lệ nhân khẩu sinh sôi nảy nở tuy cao, nhưng quý vị làm sao biết được số tử vong của chúng sanh là không nhiều hơn số người sanh tồn? Tổng số này không cách gì đếm chính xác cho được, mà cũng không thể lấy khoa học để chứng minh. Điều đó chỉ có thể lấy thí dụ mà nói thôi. Lúc Phật tại thế, có lần Ngài hốt nắm đất rồi nói: Được thân người như đất trong bàn tay, mất thân người như đất ở đại địa này. Số người sanh tồn trên thế gian này tựa hồ như vô lượng vô biên, nhưng quý vị làm sao biết được số mất thân người không vượt hơn gấp bội số được sanh ra.

Đệ tử hỏi: - Hiện nay, một quả bom nguyên tử bộc nổ là có thể làm chết hàng muôn vạn người. Vậy rốt cuộc thì có cách nào để thống kê được số người chết là bao nhiêu không?

Hòa Thượng đáp: - Trước đây số người tử vong cũng không nhiều như ngày nay. Bây giờ chết về tai nạn gió lửa, tai nạn xe cộ, phi cơ, chiến tranh và bom đạn cũng không cách gì thống kê cho được. Hơn nữa, những người chết đó, sau khi mất thân người rồi, rất có thể là họ sẽ không làm người trở lại. Hoặc giả là họ tái sanh làm kiến, muỗi, hay làm những con thú dữ. Số lượng này khoa học làm sao đưa ra để làm chứng cứ? Cha mẹ sanh con ra, nhưng bỗng nhiên sao đưa bé liền có tri giác? Đây là vấn đề tối căn bản, nhưng người phàm lại sơ ý bỏ qua, không hề nghiên cứu đến. Tuy nói rằng nhân số hiện nay gia tăng dữ dội, nhưng so ra số chúng sanh mất thân người thì nhiều hơn lúc trước. Ngày xưa đâu có nhiều kiến, muỗi và những loại trùng độc hại như vậy. Làm sao quý vị biết những chúng sanh thuộc loài thấp sanh, hóa sanh hoặc noãn sanh đã không phải là từ người mà biến dạng thành như thế?

Sau khi con người đã mất thân thì tánh linh sẽ tiêu tán. Linh hồn của một người có thể hóa thành biết bao loài động vật, thậm chí là hóa thành tám vạn bốn ngàn con muỗi. Bởi vì trí huệ của người đó đã bị phân tán đi, cho nên mới biến thành ngu si đần độn.

Nếu muốn khôi phục trở lại thân người, tức là chúng phải được hóa luyện lại trong "công xưởng hóa học," như vậy chắc có lẽ cần phải trải qua một thời gian dài đằng đẳng.

Lại còn một điểm nữa, người kết hôn nhiều lần, sau khi chết linh hồn họ bị phân cắt thành nhiều mảnh. Ví dụ như một người nữ kết hôn bao nhiêu lần với người nam, đến khi chết sẽ có cửa điện cắt linh hồn cô ấy thành bấy nhiêu mảnh, để chia cho bấy nhiêu người đàn ông đó. Một người con trai nếu kết hôn với nhiều cô gái, quả báo cũng giống như thế. Ngoài ra còn một vấn đề lớn nữa là phá thai. Phá thai là làm mất đi một thân người. Hiện nay số tử vong chết về phá thai so với người sống còn nhiều hơn. Còn như chúng sanh vô tình thì có thể khôi phục linh tánh được không? Có thể chứ! Nếu họ gặp người thuyết pháp cho họ một cách thích đáng như:

*"Sanh công thuyết pháp,
Ngoan thạch điểm đầu,"*

Nghĩa là Hòa Thượng Sanh thuyết pháp, sỏi đá cũng gặt đầu. Tức là họ cũng có thể hồi phục lại linh tánh, nhưng phải gặp được Thánh nhân hay La-hán mới có cơ duyên như thế.

Giảng ngày 10 tháng 11 năm 1986

Mục Đích Thành Lập Trường Học

Trường học tại Vạn Phật Thánh Thành có ba cấp là: Tiểu học Dục Lương, Trung học Bồ đề và Đại học Pháp giới.

Trường Tiểu Học Dục Lương: - Là giáo dục học sinh thành những nhân tài rường cột xuất thế của xã hội, thành những người dân lương thiện xuất thế của quốc gia, mà cũng là giáo dục các em trở thành bậc ưu tú xuất thế của nhân loại, cho nên gọi là "Dục Lương."

Trường Trung Học Bồ Đề Đức: - Bởi vì đức tánh bản lai của con người chúng ta không thể nói là chẳng có, nhưng không nhất định là chúng ta có nó đầy đủ. Cho nên chúng ta cần phải tu phước, tu huệ và bồi dưỡng đức hạnh. Như có câu nói: "Bách hạnh hiếu vi tiên," trong muôn hạnh, hạnh hiếu thảo là trên hết. Bởi vậy Tiểu học Dục Lương thì đề xướng hiếu thuận với cha mẹ, bậc Trung học thì đề cập đến tận trung với quốc gia. Chúng ta dạy các em trước tiên là phải hết lòng hiếu thảo đối với gia đình, tiến bộ thêm một bước nữa là nên quan tâm ái hộ, bảo vệ quốc gia, ngõ hầu các em biết chuẩn bị để phục vụ cho quốc gia sau này. Cho nên bây giờ các em cần phải tạo lập phẩm hạnh để trở thành con người có nhân cách tốt. Vì vậy mà gọi là Trung Học "Bồ Đề Đức."

Đại Học Phật Giáo Pháp Giới: - Khi đức hạnh đã được vun bồi đầy đủ rồi, sau đó học sinh mới vào đại học, và được giáo dục ở trường Đại Học Pháp Giới. Chỉ e rằng quý vị không có bản lãnh thôi. Như nếu có tài ba, có năng lực thời quý vị có thể hướng về toàn nhân loại trên thế giới mà dang tay cứu giúp và làm lợi ích cho cả nhân dân. Đó là tông chỉ thành lập trường học của chúng ta.

Giảng ngày 15 tháng 1 năm 1987

Cơ Sở Của Bậc Vĩ Nhân

Hỡi các vị thanh niên, hỡi những người bạn trẻ, các vị phải nên bắt chước theo những bậc thánh nhân; những bậc hiền triết đời trước, những bậc đại trượng phu đầu đội trời chân đạp đất; bắt chước những vị đại anh hùng xưa nay trong nước lẫn ngoài nước; những vị lãnh tụ vĩ đại nhất trên thế giới, ngõ hầu mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại. Cho nên lúc nói chuyện, các vị nên phấn khởi tinh thần lên, chứ đừng ủy mị chẳng có chút gì phấn chấn. Hào khí phải ngất trời, luôn luôn giữ mãi khí khái của bậc anh hùng vĩ đại.

Bây giờ là lúc các vị đặt nền móng, nên khởi sự kiến lập cơ sở nhân cách của các vị cho tốt, để tương lai, các vị phục vụ cho toàn nhân loại trên thế giới và đem lại lợi ích cho tất cả nhân dân.

Muốn lập định mục tiêu như thế, các vị không nên tự cam chịu - mình như đồ bỏ. Lúc đi lên thuyết giảng, các vị nên có thái độ hăng say tràn trề, đừng mặc cỡ, đừng nghĩ là mình nói hay hoặc không hay. Hay hoặc không hay thì cũng đâu có sao, chỉ là nói ra những lời trong tâm mình muốn nói, "trực tâm là đạo tràng," đó cũng tức là mình nói lời chân thật. Không nên nói lời giả dối, đừng nên nói những lời để làm người ta ưa thích. Các vị nên nói những lời mà các vị muốn nói, đừng nói những lời mình không muốn nói. Nên phải: "Phú quý bất năng dâm," giàu sang nhưng không ham mê. Dù trong tương lai, khi được giàu có mình cũng phải giữ quy củ, nề nếp, không dâm loạn. Và "Bần tiện bất năng di," nghĩa là dù trong hoàn cảnh nghèo hèn như thế nào, mình cũng không biến đổi chí khí, hoặc để tông chỉ cùng mục tiêu của mình bị dao động. "Uy vũ bất năng khuất," là không khuất phục bởi bất cứ quyền lực áp bức hoặc dụ dỗ nào. Nên giữ thái độ làm người với chí lớn kiên cường mạnh mẽ của mình.

Giờ đây các vị nên kiến lập cơ sở nhân cách của mình lên, để tương lai làm một vị đại nhân vật oanh oanh, liệt liệt trên thế giới. Bây giờ các vị thường nên tồn giữ cái chí nguyện này, tương lai nhất định các vị sẽ có một tiền đồ rộng lớn thênh thang, gọi là: "Bằng trình vạn lý," như chim Bằng bay vút muôn dặm xa!

Giảng ngày 16 tháng 1 năm 1987

Lập Chí Làm Việc Lớn

Thân tâm và việc làm của chúng ta cũng nên có mục tiêu chánh đáng. Mục tiêu chánh đáng là tương lai chúng ta có thể giúp gì cho nhân loại, hầu làm lợi ích cho nhân dân, chứ không phải là bảo người ta đến làm lợi ích cho mình. Nếu bảo người khác đến làm lợi ích cho mình, như vậy mình là đồ phế thải, là vật vô dụng, là kẻ không có chí khí, lưỡng lự trù trù ít quyết đoán, là con người ủy mỵ ử rử không phấn chấn. Đừng nên như thế, các em hãy nên lập mục tiêu về cách làm người cho mình.

Lúc trong lớp học, các em nên chuyên tâm nhất trí nghiên cứu học hỏi. Học Anh Văn thì phải hết sức nỗ lực, học tiếng Hoa thì cũng phải cố gắng dụng công, đừng để thời gian quý báu qua đi. Thiếu niên là thời đại hoàng kim, đây là lúc lập nên mục tiêu chánh đáng, tương lai nhất định sẽ thành người vĩ đại trên thế giới. Nếu các em lập mục tiêu hèn mọn hạ lưu, như lập chí muốn tương lai mình làm bác sĩ để kiếm được nhiều tiền hơn, để hưởng thụ, thì đó là quan niệm sai lầm. Hoặc như lập chí tương lai mình sẽ làm nhà khoa học, nghiên cứu ra một mớ quái vật để khống chế thế giới, đó cũng là tà tri tà kiến.

Tóm lại, bất luận các em học cái gì, như học bác sĩ hoặc giả học khoa học cũng có thể giúp ích cho người và cần phải dùng những cái mình đã học để làm lợi cho người. Bác sĩ nên lấy việc cứu trị bệnh tật cho người để làm tông chỉ, chứ đừng nghĩ việc kiếm tiền là trên hết. Những nhà khoa học nên nghiên cứu để phát minh ra những điều mới lạ, có lợi ích cho thế giới nhân dân mà không có hại. Các em chớ nên chỉ vì kiếm tiền, vì hưởng thụ cá nhân, bởi đó là những tư tưởng rất thấp hèn!

Con người nên có tư tưởng vĩ đại, lập chí nguyện vĩ đại, chứ không phải chỉ biết có việc kiếm tiền. Các em nên biết hai chữ "danh và lợi" đã hại chết biết bao nhiêu người trên thế giới rồi. Tại sao thế giới có chiến tranh? Cũng bởi vì cái lợi và cái danh này. Tại sao người giết tôi, tôi giết người? Cũng bởi vì cái danh, cái lợi này. Thật sự là hai chữ danh lợi đang chi phối con người đến nỗi hồ đồ, điên đảo. Cho nên trong lúc học tập, chúng ta phải chú trọng đến "minh lý" nghĩa là chúng ta phải minh bạch tất cả các đạo lý; như đạo lý xử thế và cách đối đãi với người, chúng ta cũng phải rõ ràng minh bạch. (chữ minh lý và danh lợi trong tiếng Hoa phát âm giống nhau.)

Người xưa đi học không vì danh lợi, mà ngày nay người ta đi học là vì lợi danh. Ta đã được bằng "bác sĩ", đó là một cái "danh"; ta có thể kiếm được nhiều tiền, đó là một cái "lợi"; Cũng đều là từ hai cái danh và lợi đó mà ra cả. Sở dĩ thế giới này bại hoại cũng

chỉ vì bại hoại trên hai chữ lợi danh. Người ta sống như say, chết như mộng là vì họ cầu danh cầu lợi. Cho nên cổ nhân nói: "Trên thế giới này chỉ có hai hạng người: một là cầu danh, hai là cầu lợi." Chúng ta nhớ đừng chạy theo hai loại người đó mà cầu danh, cầu lợi. Dù thế nào đi nữa, chúng ta cũng nhớ đến sự lợi ích của toàn nhân loại. Các em hiện nay hãy còn trẻ tuổi, nếu bảo tồn được tư tưởng không cầu danh lợi, như thế tương lai nhất định cả thế giới này đều sẽ có lợi ích.

Giảng ngày 16 tháng 1 năm 1987

Đạo Phước Đức Đoạn Tóc Phiền Nảo

*Phước đức đao thế phiền não phát,
Trí huệ kiếm trăm tình ái tì.
Tùng kim khiêu xuất luân hồi vĩnh,
Trực thú vô thượng đại Bồ Đề.*

Nghĩa là:

*Đạo phước đức cạo tóc phiền não
Gươm trí tuệ cắt tơ ái tình.
Từ nay vượt thoát lưới luân hồi.
Thẳng đến Đại Bồ Đề vô thượng.*

Hôm nay là ngày khánh chúc đức Phật Di Đà đản sanh. Chúng ta nên biết - Tại sao mình phải làm lễ khánh chúc?

Bởi đức Phật Di Đà có ân đức lớn với chúng sanh chúng ta. Ngài cứu chúng ta thoát khỏi biển khổ, Ngài tiếp dẫn chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đó là nơi "vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc," không có các khổ, chỉ hưởng toàn vui. Nếu chúng ta có thể mỗi ngày niệm được một trăm ngàn danh hiệu đức Phật, vậy là ngày nào chúng ta cũng đều mừng lễ khánh chúc đức Phật đản sanh. Đến khi lâm chung, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý bất điên đảo, như nhập thiền định, vãng sanh Cực Lạc.

Hôm nay có người xuất gia, cho nên tôi đọc bài kệ trên để khích lệ các vị. Bây giờ tôi xin giải thích sơ qua về ý nghĩa bài kệ cho quý vị nghe.

Đạo phước đức cạo tóc phiền não: Đạo này có thể cạo đi mái tóc của người sẽ xuất gia, nhất định là phải có phước. Vì người xuất gia cũng cần phải có đầy đủ đức hạnh, mới

có thể xuống tóc được. Do đó, người thì có đức hạnh, mà dao cũng có phước. Cho nên từ nay về sau, dao này sẽ được về hưu. Chúng ta không còn dùng nó để làm việc khác, mà hãy nên cất kỹ nó đi. Tương lai khi lập bảo tháp, thời có thể đem những dao này vào trong tháp mà cúng dường, xem chúng y như là Pháp bảo vậy. Vì sao quý vị có phiền não? Có người nói: "Tôi đâu có phiền não!" Thế trừ phi đầu quý vị không còn tóc, bằng không thì quý vị sẽ chẳng dứt nổi phiền não đâu. Nếu quý vị có thể xuống tóc sớm một chút, phiền não cũng sẽ từ từ bị đoạn trừ. Đương nhiên là không thể dứt đoạn ngay tức khắc. Nếu nói đoạn được nó ngay tức khắc, đó là lừa gạt người. Phiền não là phải từ từ mà dứt đoạn.

Gươm trí tuệ cắt tơ tình ái: Phải dùng gươm trí tuệ để cắt dây tơ tình ái. Tình ái là gì? Tức là nhớ cha mẹ, nhớ anh chị em, nhớ con cái, nhớ đồng, nhớ tây, nhớ nam, nhớ bắc, tất cả đều là tình ái đang tác quái đấy. Nếu đoạn được tình ái, chúng ta sẽ vô quái ngại, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng. Ngay cả mộng mơ cũng không có, thành thử thần khí của chúng ta sẽ trong sáng. Nhưng phàm phu thì như rễ ngó sen vậy, tuy dứt rễ mà dây nợ vẫn còn vương vẫn không rời. Tình ái cũng như thế đó! Ví như người con gái khi kết hôn rồi, cô ta sẽ không buông xả được ông chồng. Nhưng sau khi sanh con đẻ cái, cô lại bỏ không nổi con cái, mà ngược lại có khi quên cả chồng, thậm chí cô cũng không cần đến ông chồng nữa. Như thế cũng đều là phiền não thôi. Nếu chúng ta không ái tình, không thân sơ, xa gần, như vậy thế giới sẽ liên kết thành một khối đại đồng.

Từ nay vượt thoát lưới luân hồi: Từ nay chúng ta phải vượt ra khỏi sáu nẻo luân hồi, và không bị trôi buộc nữa.

Thăng đến đại Bồ Đề Vô thượng: Đại Bồ Đề tức là quả vị Phật.

Ý nghĩa bốn câu kệ này, không phải chỉ để nói với những vị vừa mới xuất gia hôm nay. Vì nếu quý vị có thể phản tỉnh, xét lại ý nghĩa này, quý vị cũng sẽ có chỗ dùng.

Giảng ngày 18 tháng 1 năm 1987

Chớ Đi Vào Tử Lộ

Hôm nay tôi sẽ nói với quý vị vài lời ngắn gọn, nhưng lại bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Chúng ta đều biết rằng, con người sanh ra là bị cha mẹ bắt buộc sanh, con người chết đi cũng là bị cha mẹ buộc chết. Tôi tin rằng khi nghe những lời này, mọi người ai nấy cũng đều sẽ kinh hoàng. Đúng vậy, con người là do cha mẹ sanh, nhưng chết là do bị già, bị bệnh mà chết. Thế thì tại sao Sư Phụ nói là do cha mẹ bắt buộc chết?

Đúng! Cha mẹ sanh ra quý vị, nhưng ngày ngày họ hối thúc quý vị kết hôn. Họ bảo là: "Trai lớn cưới vợ, gái lớn gả chồng," vậy tức là họ cưỡng bức quý vị đi vào con đường chết chớ còn gì nữa. Cha mẹ đã tự đi vào con đường chết, nay cũng lại muốn con cái đi vào con đường chết giống như mình. Cha mẹ trước là tự muốn có con, để rồi cũng sẽ nói với con cái rằng: "không con nối dòng là có lỗi lớn." Họ muốn con mình cũng sanh con đẻ cái, đời này nối đời sau, liên tiếp không dứt đoạn. Sanh con ra rồi lại cũng bảo con cái đi chết -- bởi vì hễ có sanh tức phải có tử. Nhưng mục đích tối hậu của việc học Phật là để thoát khỏi sanh tử.

Tôi có cô đệ tử bị cha mẹ suốt ngày cứ hối thúc cô ta lấy chồng, nhưng cô ấy không chịu để bị mắc lừa. Tôi nói cái đạo lý này, chắc quý vị cũng chưa từng nghe, chưa từng thấy qua. Cha mẹ thường bảo con cái: "Chuyện đại sự của cuộc đời con chưa có xong đâu." Cái gì gọi là chuyện đại sự của cuộc đời? Thì là bảo quý vị đi vào đường chết. Cha mẹ tự mình đi vào đường tử lộ này, rồi cũng muốn bức bách con cái đi theo vết bánh xe của mình. Bởi nguyên nhân này mà trời nghiêng đất lở, thế giới đại loạn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu hành ba đại a tăng kỳ kiếp, cuối cùng Ngài đã hiểu được sự việc là như thế nào rồi. Tức "Sanh" không phải là điều tốt, "Tử" cũng không phải là điều hay. Nhân đó mà Phật muốn không sanh, không tử. Nhưng thân phụ Ngài là vua Tịnh Phạn, là lão hồ đồ, kiên quyết muốn Phật kết hôn. Tuy lúc Phật làm Thái tử có vợ, nhưng Ngài không động phòng. Có người hỏi: Vậy sao Ngài lại có con? Lý lẽ này tôi không có cách gì để nói cho quý vị nghe được.

Thái tử Tất Đạt Đa chán ngán cảnh sống ở hoàng cung, cho nên vào một đêm, Ngài cưỡi ngựa bỏ trốn. Bốn vị Thiên Vương, mỗi vị bèn nâng móng chân ngựa của Thái Tử để Ngài cưỡi bay cao trên không trung. Đến Tuyết Sơn, đức Phật tu khổ hạnh sáu năm ở đấy. Tại Tuyết Sơn thì rất lạnh, cũng chẳng có lò sưởi hoặc nước nóng. Nơi đó đâu có thoải mái giống như chúng ta bây giờ, ngày ngày đều có thể tắm gội. Ở Tuyết Sơn, đức Phật mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, một hạt lúa mạch và nhất tâm tu hành. Và như vậy mà Ngài chuyên cần khổ hạnh sáu năm. Sau đó Ngài đến cội Bồ-đề tĩnh tọa bốn mươi chín ngày. Vào một đêm nọ, Ngài thấy sao sáng mà ngộ Đạo.

Chỗ ngộ Đạo của Phật là Ngài không muốn chết một cách hồ đồ. Thế là Ngài để lại con đường đạo này và cho phép con người đi xuất gia, để không đến nỗi bị cha mẹ bức bách đi vào con đường chết. Bởi vậy người đi xuất gia là học đi theo con đường thành công mà Phật đã đi.

Hôm nay là ngày mùng 8 tháng 12, thông thường chúng ta có phong tục ăn "Lạp bát chúc," tức cháo sữa. Bởi chính ngày này, Phật cũng bắt đầu uống cháo sữa. Song, theo như phong tục của các chùa tùng lâm ở Trung Hoa, là ngày mà họ ăn "cháo bát bửu" đấy. Tôi không biết họ dùng bao nhiêu vật liệu để nấu món này. Bởi không đủ phước đức, cho nên tôi chưa có ăn qua. Quý vị theo tôi cũng không được ăn luôn. Chẳng qua ăn cháo hay không ăn cháo, đâu phải là vấn đề lớn, mà chủ yếu là tông chỉ của Phật. Con người thời tham, Phật không tham, con người thích đồ đẹp, Phật không thích đồ

đẹp. Phật là người lằm đường biết quay trở lại, buông xả tất cả, bỏ hết cái cuồng vọng và giữ lại cái chân thật. Cho nên Ngài ngộ đạo, hiểu rõ tất cả sự tướng xuất thế, pháp là như vậy đó. Hôm nay những ai đến mừng ngày Phật thành Đạo, nên lấy chí nguyện của Phật để làm chí nguyện cho mình. Chúng ta hãy tìm đường thoát khỏi sanh tử, chứ đừng đi vào con đường tử vong.

Giảng ngày 7 tháng 2 năm 1987

Giảng Kinh Và Bình Luận - Đừng Nói Về Nhân Tình Thể Diện

Ở đây giảng kinh thuyết pháp đều là do rút thăm bằng thẻ tre đã có ghi tên sẵn. Rút đến tên ai thì người đó nên mau mắn lên đài trước để chuẩn bị sẵn sàng. Đừng chờ người trước giảng xong rồi mình mới đi lên, bởi như vậy sẽ mất hết thời gian. Dù không biết giảng, quý vị cũng cứ lên nói nhanh mấy câu, rồi mau mau đi xuống để đổi phiên người khác lên giảng. Quý vị có thể học tập theo từng chút, từng chút như vậy.

Nếu ai giảng sai, mọi người nên sửa chữa lại cho đúng. Đừng nghĩ rằng: - Tôi ngại nói lỗi của người vì sợ họ không vui.

Ở đây ai giảng sai mà được người khác nêu ra sửa chữa cho mình thì cũng nên vui vẻ chấp nhận. Mọi người nên khuyến khích lẫn nhau, giúp đỡ cho nhau. Ở đây chúng ta không nói đến chuyện nhân tình thể diện, và cũng không nói đến cảm tình hay nể mặt ai, dù ai nói sai, mọi người cũng có thể đi lên để sửa cho đúng, đừng có quá câu chấp về chuyện mặt mũi. Chúng ta nên giúp nhau nói lên những lời chân thật. Đừng giống như ở mấy nơi khác là anh tâng bốc tôi, tôi tâng bốc anh, mà dối trá lẫn nhau.

Đến lúc phê bình, quý vị nên nói thật, không nên vì muốn thuận tai mọi người mà nói tốt. Bất luận ai, hễ chỉ thích nghe những lời nói tốt thì người ấy kể như là xong rồi. Vì y sẽ không có tiến bộ, mà cũng không thể học được gì nữa, và mằm bồ đề cũng khô héo luôn. Bởi vậy chúng ta nên tiếp nhận những lời phê bình của người khác, như thế chúng ta mới mỗi ngày mỗi tiến bộ hơn.

Giảng ngày 30 tháng 3 năm 1987

Thanh Niên Nên Phát Tâm Cứu Thế

Hòa Thượng khai thị tại ban nghiên cứu Trường Đại Học Oregon.

Hỡi các vị Thiện tri thức, các vị giáo sư và các vị sinh viên: Hôm nay mọi người có duyên lành mới cùng tụ hội về chung một giảng đường đây để thảo luận về đề tài "Nhu yếu cần thiết của đời sống con người là gì?" Chúng ta vì sao lại đến thế giới này? Có phải chúng ta đến thế giới này chỉ đơn giản là vì ăn, vì mặc, vì ngủ hay là vì hưởng thụ mà đến? Mấy vấn đề này nếu không chú ý, xem ra thì đơn giản lắm, nhưng nếu chúng ta nghiên cứu một cách cẩn thận, thì nó không có đơn giản như thế đâu. Vậy công tác cứu cánh của chúng ta đến thế giới này là gì? Có trách nhiệm gì? Mỗi người cũng nên nghiêm chỉnh thảo luận cho rõ ràng. Nếu không nhận thức rõ, vậy thì đời người này không có ý nghĩa và giá trị gì đâu. Cho nên chúng ta cần phải biết rõ như thế nào là làm tròn trách nhiệm, làm thế nào để hoàn thành nhiệm vụ của mình cho tốt.

Trước tiên, chúng ta phải học tập cách thức làm tròn thiên chức bẩm sinh và nhiệm vụ của con người. Những đứa bé mới sinh ra đời thì chỉ biết khóc, biết ăn. Chúng vốn chẳng biết nhiệm vụ trong tương lai của chúng nó là gì. Rồi theo thời gian, ngày ngày trôi qua mà chúng trưởng thành. Cha mẹ đưa chúng đến trường để học tập về trách nhiệm làm người, ngõ hầu chuẩn bị trong tương lai chúng sẽ làm tròn nhiệm vụ một cách tận lực.

Về học tập, mỗi người lại có biết bao chí nguyện. Có người học vì "minh lý" để hiểu rõ đạo lý; có người học vì "danh lợi", để tương lai có thể trở thành được danh tiếng tốt (minh lý và danh lợi phát âm theo tiếng Hoa giống nhau, đều là "ming li", nhưng chữ viết thì khác nhau); có người học để tương lai có thể phát tài, thu được nhiều lợi lớn. Họ vốn chẳng màng gì đến chuyện hiểu hay không hiểu đạo lý, hợp hay không hợp pháp. Họ bất chấp thủ đoạn, miễn sao được phát tài, và tranh giữ được quyền lực. Lại có người muốn làm lãnh tụ, muốn làm người lãnh đạo nữa đây. Nhưng trước tiên là quý vị phải biết cách làm người như thế nào. Hãy tự hỏi rằng, mình có đủ tư cách để làm người hay không? Như quả mình đã biết rõ cách làm người như thế nào rồi, tức là mình có thể làm người mô phạm gương mẫu cho người khác, thế thời làm lãnh tụ sẽ không hổ thẹn với lòng mình. Nếu quý vị còn có tâm tranh, tham, cầu, ích kỷ, tự lợi, vọng ngữ, luôn hướng ngoại truy cầu, muốn làm lãnh tụ là chỉ vì lo mưu cầu phước lợi cho mình, mà không thể vì hạnh phúc cho người khác, như thế là quý vị đi lầm đường rồi. Làm người lãnh tụ, nhất định là phải "khuất kỷ đãi nhân," hạ mình để tiếp đãi người, hay "bạc kỳ hậu nhân," nghĩa là coi thường mình, nhưng hậu đãi người, và vì lợi ích của toàn nhân loại.

Trách nhiệm làm người là gì? Là mình nên có sự cống hiến, giúp đỡ cho toàn thế giới và làm lợi ích cho tất cả mọi người trên thế giới. Đó là trách nhiệm làm người chân chánh của mỗi chúng ta. Chứ chúng ta không phải chỉ vì ăn ngon, mặc đẹp, hoặc ở nhà hào hoa tráng lệ.

Trong khắp thiên hạ, nếu có kẻ không có cơm ăn, không có áo mặc, thế là mình có lỗi với người đó, bởi vì mình đã không tận tâm, tận lực giúp đỡ người. Trách nhiệm chân chánh làm người là phải thật sự vì lợi ích của kẻ khác.

Muốn có công với đời, có lợi cho dân, ta nên gánh vác trách nhiệm và không được xô đẩy cho kẻ khác. Nếu mọi người đều có tâm như thế, nhất định thế giới sẽ hòa bình và không có chiến tranh. Trước hết là chúng ta nên làm người mô phạm, gương mẫu tốt và không tranh giành với người. Tại sao thế giới này hư hoại? Bởi vì con người tranh quyền, tranh lợi, tranh danh.

Ta nên đem những cái tốt cho người khác, và nên tiếp nhận những thứ người ta không muốn, với ai mình cũng không tranh giành. Nếu ai nấy đều không tranh, nhất định thế giới sẽ hòa bình. Kẻ phạm thường thì tham, nhưng chúng ta không tham. Đừng chạy theo phong trào điên cuồng của thế gian. Hãy làm ngọn đuốc mạnh trong cơn gió lớn. Hãy nên như khối vàng nguyên chất trong lò lửa bỏng. Tùy duyên nhưng không thay đổi; không thay đổi nhưng tùy duyên; giữ vững tông chỉ của mình, ngấm ngấm thay đổi hầu ảnh hưởng mọi người tuân giữ không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Nếu quý vị làm được như vậy, thế giới nhất định sẽ hòa bình.

Khởi đầu là mình tự tu thân. Khi trong nội tâm mình cũng không tranh với chính mình, vậy thì tất cả những vọng tưởng điên cuồng cũng không dậy khởi. Bình bình, tĩnh tĩnh thì đó là khoái lạc chân chánh. Tự quý vị mà bình tĩnh và vui vẻ, quý vị có thể ảnh hưởng đến người chung quanh cũng được bình tĩnh và vui vẻ theo. Khi mọi người cùng sống hòa bình với nhau, thế giới sẽ không còn chiến tranh. Vì sao thế giới có chiến tranh? Bởi vì trong tâm con người có sự tranh đấu. Tâm người mà hòa bình thì thế giới hòa bình. Tâm người mà bất bình thời thế giới sẽ không hòa bình. Chúng ta, kẻ trẻ, người già, sau khi biết được đạo lý này, chúng ta sẽ không cờ bạc, nghiện ngập, phóng hỏa, cướp đoạt, cưỡng dâm. Muốn thế giới tốt lành thì tự cá nhân mình phải bắt đầu trước. Nếu mình không tốt, thế giới làm sao tốt cho được? Chúng ta không nên chuyên môn chỉ tay đến người khác, nói: Tại sao họ không giữ quy củ, nề nếp? Chúng ta nên tự hỏi mình trước, rằng: "Mình có giữ quy củ không?" Người thanh niên nên gánh lấy trách nhiệm này. Nếu thanh niên không làm tốt, thế giới làm sao tốt cho được?

Thanh niên học từ sự dạy dỗ của các vị giáo sư, thầy giáo để đi vào con đường chân chánh. Nhưng nếu họ gặp phải ông thầy không tốt, chỉ dạy bọn trẻ những điều tà tri, tà kiến, như vậy bọn thanh niên cũng sẽ học xấu theo. Như câu nói: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng", cho nên lựa bạn, tìm thầy là vấn đề quan trọng vô cùng. Những thanh niên có khả năng, thành tích nên nhận thức rõ ràng về trách nhiệm của mình, chứ đừng làm một người ích kỷ, chỉ biết lo cho mình. Trách nhiệm làm người là phải có công cho đời, có ích cho dân, có lợi cho toàn nhân loại. Tôi vốn muốn gánh vác trách nhiệm cứu đời, hầu giúp cho toàn nhân loại trên thế giới được thành tựu, nhưng tôi đã già rồi, đâu còn đủ sức lực. Cho nên tôi gởi kỳ vọng này vào các vị thanh niên có khả năng, các vị hãy nên phát tâm cứu đời, và mưu cầu hạnh phúc cho toàn nhân loại.

Hỡi các bạn trẻ có năng lực! Hãy nên chân thành phát đại nguyện, đại lực để giúp cho toàn nhân loại được hạnh phúc. Cứu giúp những kẻ đang trong cảnh nước ngập, lửa đốt để họ lìa khổ, được vui. Trước là tự mình nên học: không hút thuốc, không uống rượu, không nổi giận, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không ăn thịt, không đánh bạc, không hút ma túy. Quý vị nên học làm những việc chánh đáng. Nếu quý vị có thể làm như vậy, tức là nhân loại toàn thế giới sẽ được cứu vớt.

Tôi đi đến đâu là tôi kêu gọi, hô hào, hy vọng những người thanh niên sẽ giác ngộ, mà phát tâm đại tử, đại bi, đại hỷ, đại xả và bắt chước theo cái hoài bão cứu thế như của đức Chúa Giê-Su, đức Phật Thích Ca Mâu Ni và tất cả các vị Thánh nhân. Được vậy thì thế giới dù không hòa bình cũng sẽ phải hòa bình thôi.

Các vị có thể nghiên cứu về những lời tôi nói hôm nay. Nói đúng hay không, tôi cũng không biết. Song tôi là một người hết sức khao khát, mong mỏi cho thế giới hòa bình, và hy vọng nhân loại trên thế giới sẽ không đau khổ. Nhưng muốn hoàn thành lý tưởng này, nhất định mình phải có trí huệ mới có thể làm được.

Giảng ngày 4 tháng 4 năm 1987

Nhân Quả Báo Ứng - Tư Hào Không Sai

Hòa Thượng Tuyên Hóa khai thị tại trường Đại Học Oregon

Nam Mô tận hư không biến pháp giới thập phương tam thế thường trụ vô lượng vô tận nhất thiết chư Phật.

Nam Mô tận hư không biến pháp giới thập phương tam thế thường trụ vô lượng vô tận nhất thiết tôn Pháp.

Nam Mô tận hư không biến pháp giới thập phương tam thế thường trụ vô lượng vô tận nhất thiết Hiền Thánh Tăng.

Nam Mô tận hư không biến pháp giới thập phương tam thế thường trụ vô lượng vô tận nhất thiết Ba La Đề Mộc Xoa.

Nam Mô Như Lai: Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Đạo Phật chú trọng về nhân quả, vì sự báo ứng tuần hoàn không hề sai lệch một tơ hào. Gieo nhân nào thì gặt quả đó. Trồng nhân lành thì kết quả lành, trồng nhân ác thì kết quả dữ. Nếu mình gieo nhân mắng chửi người, tức mình sẽ bị kẻ khác đánh đập. Nếu mình gieo nhân đánh người, tương lai sẽ gặt quả báo bị người giết. Cổ nhân nói: "Giết cha người, người sẽ giết cha mình; giết anh người, người sẽ giết anh mình" là vậy. Nhân nào, quả nấy. Chúng sanh như chúng ta đều là sợ quả chứ không sợ nhân. Lúc gieo nhân, chúng ta không chịu cẩn thận, đến khi kết thành quả rồi thì mới lo lắng bồn chồn. Ngược lại, Bồ Tát thời sợ nhân chứ không sợ quả. Bồ Tát rất cẩn thận khi gieo nhân, cho nên khi quả báo đến thì Bồ Tát tình nguyện tiếp nhận quả báo đó, chứ không trốn tránh. Tư tưởng của chúng sanh và Bồ Tát khác nhau là ở chỗ này.

Lòng người đại lượng thì phước báo quảng đại, còn nếu tâm lượng hẹp hòi thì phước báo nhỏ nhoi. Lòng đại lượng tức là hạt nhân to lớn, tương lai kết quả sẽ lớn. Chúng ta nên biết rằng: "Tất cả đều do tâm tạo." Người xưa nói chữ "Tâm" đó như sau:

"Tam điểm như tinh bố,

Loan câu tự nguyệt nha,

Phi mao tùng thử khởi,

Tác Phật dã do tha,"

tức là:

Ba điểm chấm như một chùm sao,

Lưỡi câu cong như trăng lưỡi liềm,

Đội khoác da lông là từ đây,

Làm Phật được cũng do nó đấy.

Bởi vậy chúng ta đừng nên làm các điều ác, mà hãy làm tất cả việc lành. Thành Phật cũng là do từ một niệm trong tâm. Song, con người không thể quản chế được tự tâm. Mặc dù tâm là ở trong, nhưng nó thường hay chạy ra ngoài. Vọng tưởng có thể đưa chúng ta đi xa đến thiên đường hay địa ngục, hoặc gần thì đến New York hay San Francisco. Chung quy là chúng ta không thể tự quản chế được tâm mình. Tu đạo là tu một niệm ở tự tâm. Nếu chúng ta có thể đem một niệm tâm kiểm chế vào một chỗ và chuyên nhất, vậy tức là vô sự, và khỏi phải bàn gì nữa.

Giảng ngày 3 tháng 5 năm 1987

Đạo Phát Tài

Con người ở đời đều tìm cái giả, mà không tìm cái thật. Họ đều muốn bị người dối gạt. Nếu quý vị muốn nói chuyện thật, người ta lại không tin. Ví dụ như, có người chuyên nói về đạo phát tài, họ rêu rao rằng ai đến nghe pháp phát tài đó thì sẽ phát tài. Thế là người đến nghe không biết là bao nhiêu. Nhưng nếu quý vị nói pháp chân thật thì chẳng có ai đến nghe, bởi vì nghe mà không thể phát tài được. Còn như nói lời giả dối gạt người thì là phát tài. Vậy phát tài như thế nào?

Đơn giản thôi, dù tôi có nói ra cũng không thể diễn tả được cái diệu kỳ này. Như tất cả những ai đến nghe pháp phát tài, trước hết là mỗi người lấy ra một trăm đô, sau đó họ quán tưởng một trăm này biến thành một trăm vạn, ngàn vạn, vạn vạn -- càng nhiều càng tốt -- cho đến khi một trăm đô này phóng ra hào quang thì họ phát tài. Người học pháp này, trước hết là phải giao ra một trăm đô.

Quý vị nghĩ xem, kết quả là ai sẽ phát tài hả? Đương nhiên là người giảng pháp sẽ phát tài đó. Có một ngàn người đến nghe pháp, tức là họ sẽ thu vào một trăm ngàn Mỹ kim. Nhưng rốt cuộc không phải là quý vị phát tài, mà là kẻ gạt người được phát tài. Thế mới khổ chứ! Đó gọi là nhận cái giả, mà không nhận cái thật. Quý vị thử nghĩ, rốt cuộc thì ai phát tài đây?

Quý vị cứ xem ở thế giới này, tuy số người đến làm lễ trong các giáo đường không phải là ít, nhưng so ra thì không bằng như ở các rạp chiếu bóng, các vũ trường và các nơi cờ bạc, số người đến đó luôn luôn đông hơn. Quý vị nghĩ xem, vậy là đạo lý gì? Đó là vì người ta nhận giả mà không nhận thật. Họ xem chuyện giả như là việc quan trọng, ngược lại, đối với chuyện chân thật thì họ không thèm chú ý đến. Đó cũng là do lòng tham, lòng tranh, trong tâm có chỗ mong cầu, ích kỷ, tự lợi, cái tâm thích nói dối nó đang tác quái đấy. Thế là họ cứ mon men đi theo những con đường không chánh đáng đó.

Giảng ngày 5 tháng 5 năm 198

Người Người Vốn Có Trí Huệ

Người có trí huệ mới có sự khoái lạc chân chánh. Người không có trí huệ thì không đạt được sự vui sướng chân thật. Người có trí huệ thì có thể phân biệt được rõ ràng phải-trái, và sẽ không điên đảo giữa trắng-đen. Có trí huệ thì sẽ không ngu si. Nếu biết dụng công, mình có thể chuyển ngu si thành trí huệ; nếu không biết, mình sẽ đem trí huệ chuyển thành ngu si. Đó là lý lẽ rất đơn giản, dễ như trở bàn tay. Nếu quý vị nhận ra được ba cái khổ, biết được tám cái khổ và vô lượng cái khổ, vậy là quý vị sẽ sanh trí

huệ và không bị cái khổ vây quanh. Tất cả các tôn giáo đều dạy chúng ta phải phá bỏ chấp trước để phát sanh trí huệ.

Quan niệm của các tôn giáo chân chánh và các nhân sĩ là không kết bè phái, chủng tộc, quốc gia, đen trắng, phải trái. Họ là những người xuất chúng, nổi bật với các đại nguyện, đại hạnh, đại trí, đại bi, đại hỷ và đại xả. Bởi vậy khí khái của họ mới có thể cao vút tận hư không, biến khắp pháp giới. Đức Phật Thích Ca nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật." Tất cả chúng sanh đều có trí huệ, đều có thể thành tựu được cái trí huệ vốn có của mình, là đều có trí huệ to lớn, sâu rộng vô cùng vô tận, vô lượng vô biên giống y như Phật. Phật không bao giờ nói, chỉ có Ngài mới có thể thành Phật, chỉ có mình Ngài mới có trí huệ. Ngược lại, Ngài bảo rằng, nếu quý vị là một chúng sanh thì quý vị có tư cách để thành Phật.

Chúng sanh không phải chỉ đơn giản nói là nhân loại, mà còn bao gồm tất cả thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, kể cả các loài động vật biết bay, biết lặn, biết đi và có khí huyết, hết thảy đều có thể thành Phật. Có người nói: "Tôi không muốn thành Phật đâu." Song, đến lúc quý vị thành Phật, quý vị cũng phải thành, trừ phi quý vị không phải là chúng sanh thôi. Đạo Phật thì cực kỳ rộng lớn và hết sức tinh vi, không có ta, không có người, không có chúng sanh, không có thọ giả, cũng không có quan niệm về quốc tịch, tôn giáo hay phe phái. Mà cũng không phải nói rằng, nếu anh không tin Phật thì anh không thể thành Phật được.

Không cần biết là quý vị tin hay không tin, quý vị cũng đều có thể thành Phật. Chỉ cần quý vị tu hành, không làm việc gì ác, làm tất cả việc lành, trở về với bản gốc, thời quý vị sẽ trở thành người đại trí đại huệ. Nói đến đây thì tôi có một bài kệ rất đơn giản, nay xin đọc quý vị nghe:

*Pháp giới vi thể hữu hà ngoại,
Hư không thị dụng vô bất dung,
Vạn vật bình đẳng ly phân biệt,
Nhất niệm bất sanh tuyệt ngôn tông.*

Nghĩa là:

*Pháp giới là thể, còn gì ngoài,
Hư không chẳng gì là không dung.
Vạn vật bình đẳng không phân biệt,
Một niệm không sanh, bật ngôn từ.*

Pháp giới vi thể hữu hà ngoại: Pháp giới thì có mười, gồm Tứ Thánh là: Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn và Lục Phạm là: Trời, Người, A Tu La, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh. Mười pháp giới này bao gồm cả hữu tình, vô tình và đều đồng có chủng trí tròn đầy, đều cùng có thể thành Phật. Lấy Pháp Giới làm bản thể, vậy còn có gì ở ngoài Pháp Giới? Cho nên nói: "hữu hà ngoại" tức còn có gì ở ngoài nữa?

Hư không thị dụng vô bất dụng: Nghĩa là hư không là đại dụng, quý vị đừng tưởng rằng hư không là vô dụng. Tất cả núi sông, đất đai, nhà cửa, phòng xá, hoa cỏ, cây lá, rừng rậm vạn vật cũng đều ở trong hư không mà sanh tồn. Nếu chẳng có hư không, vậy thì sẽ thành khoảng chân không, không người, không chúng sanh -- tất cả đều không hết. Sở dĩ con người được tồn tại là vì có hư không. Hư không là bổ phẩm tốt nhất của chúng ta, nó cung cấp chất dinh dưỡng và xúc tiến để chúng ta sanh trưởng, không có một chúng sanh nào là sống ngoài hư không.

Vạn vật bình đẳng ly phân biệt: Vạn vật vốn là bình đẳng. Ai làm việc thiện có công đức thời đi lên, làm nghiệp ác tất đi xuống, điều này rất là công bằng. Cho nên chúng ta chớ dùng cái tâm vọng tưởng của mình để phân biệt. Nếu không có trí tuệ chân chánh, mình sẽ không phân biệt được rõ ràng khi đối diện với sự việc. Ví như học ngôn ngữ nước ngoài, nếu mình không có trí tuệ thì học đây nhưng lại quên kia. Nhưng, phải chăng vì thế mà mình không chịu học nữa? Không phải vậy, mình nên học làm sao để trừ được vọng tưởng, phải dùng cái chân tâm mà học; chớ lấy vọng để tìm vọng. Chúng ta phải nhận cho rõ chân lý, như thế mới có giá trị, đừng để cuộc đời mình trôi qua một cách hồ đồ.

Nhất niệm bất sanh tuyệt ngôn tông: Khi quý vị có thể không sanh một niệm nào thì chân tâm của quý vị sẽ hiện tiền ngay, và tuyệt đối không thể dùng tâm, ngôn ngữ văn tự để miêu tả được đâu. Cũng như: "Miệng muốn nói mà lời tiêu tan, tâm muốn duyên mà tướng mất biệt."

Giảng ngày 8 tháng 5 năm 1987

Làm Sao Để Được Tự Do Sanh Tử?

Chúng ta sanh ra ở thế gian này, đa số là không biết làm gì; chúng ta hồ đồ sanh ra, rồi lại hồ đồ chết đi. Trong khoảng thời gian sanh tử, chúng ta vì danh mà điên đảo, vì lợi mà đảo điên, vì sắc mà nghiêng ngã, vì muốn ăn ngon mà ngả nghiêng, vì hưởng thụ mà điên điên, đảo đảo. Vì sao chúng ta điên đảo? Bởi chúng ta không nhận thức được cái bổn phận làm người, cho nên bồng chốc thì sanh thiên, hốt nhiên lại xuống địa ngục. Từ khi sanh cho đến lúc chết, chúng ta không bao giờ nghĩ đến chuyện cầu mong để biết rõ về sự chân chánh, hiểu cho rõ cái ý nghĩa căn bản của sự làm người là gì. Mà chúng ta lại chạy theo thanh, đuổi theo sắc, rồi mặc sức quay chuyển trong thanh, sắc, danh, lợi.

Chúng ta chỉ biết ngày ngày đi kiếm tiền để duy trì sự sống, nhưng chúng ta đâu có hiểu một cách rất ráo là mình sống vì cái gì. Nếu chỉ đơn thuần là vì ăn, mặc, ngủ nghỉ

như thế thì mình sống có giá trị gì? Bởi ai nấy cũng không đem vấn đề này ra để làm cho rõ ràng, cho nên sống hồ đồ, rồi lại chết hồ đồ. Đến lúc chết mà người ta vẫn còn vướng mắc cái này thứ nọ, nào là con trai, con gái, tài sản lại bỏ không đành. Nhưng, dù không thể buông bỏ, họ cũng chẳng làm gì được. Đến lúc chết thì cũng phải chết!

Học Phật là để hiểu rõ về tiến trình sanh tử, rồi sau đó chúng ta tu hành hầu giải thoát sanh tử. Chuyện sống chết nếu chưa hiểu rõ thì chúng ta làm việc gì cũng đâu có ý nghĩa. Cho nên quý vị là người học Phật, trước hết nên nhận rõ về vấn đề căn bản này. Quý vị phải hiểu rõ sống như thế nào, chết như thế nào, nên hiểu rõ nhiệm vụ làm người như thế nào. Nếu quý vị hiểu rõ những nhiệm vụ này rồi, tức là quý vị sẽ không hồ đồ. Người xưa nói:

*Lai thời hoan hỷ khứ thời bi,
Không tại nhân gian tẩu nhất hồi,
Bất như bất lai diệc bất khứ,
Diệc vô hoan hỷ diệc vô bi.*

Nghĩa là:

*Đến thì vui vẻ, đi thì buồn,
Đạo một vòng đời rồi cũng không,
Chi bằng không đến cũng không đi,
Để không vui vẻ, cũng chẳng buồn.*

Lai thời hoan hỷ: Khi sanh con, trong bất cứ gia đình nào, mọi người cũng đều rất vui mừng. Khứ thời bi: Lúc có người chết, ai nấy trong gia đình đều rất bi ai, khóc lóc kêu vang. Khi đến thời cười, khi ra đi thời khóc. Nhưng lúc đưa nhỏ ra đời thì nó khóc, đến lúc ra đi nó cũng không quên khóc. Chúng ta vui khi thấy trẻ con chào đời, đến khi thấy người ta chết thì mình khóc, đứa bé chết mình cũng khóc, người già chết mình cũng khóc, người trung niên chết mình cũng khóc. Vợ chết thì chồng khóc, chồng chết thì vợ khóc. Xét cho cùng thì khóc có dụng ý gì? Đó gọi là hồ đồ.

Không tại nhân gian tẩu nhất hồi: Trong cuộc đời này, chuyện gì chúng ta cũng không hiểu rõ. Khi đến thì không, khi đi cũng không, chúng ta cũng chẳng được lời thêm hoặc là bị lỗ vốn một chút nào. Mà lỗ vốn gì đây? Người sống ở đời mà làm công đức tốt thời được thăng lên, nếu tạo ác nghiệp thì sẽ bị hạ xuống. Người không làm việc thiện công đức, hoặc cũng không gây nghiệp ác thì họ sẽ không đi lên, cũng không đi xuống. Họ sẽ không lên thiên đường, mà cũng không xuống địa ngục, nhưng họ vẫn còn tiếp tục xoay chuyển ở trong công xưởng hóa học của cõi nhân gian. Con người chúng ta là một công xưởng hóa học nhỏ. Khi mình bỏ thêm một chút gì trong tư tưởng thì một chút đó sẽ biến thành tư liệu. Nếu mình gia tăng công đức thiện, mình sẽ thăng lên cao, lên tới trời để làm người trời, hoặc làm người ở cõi nhân gian, hay là trở thành A Tu La. Nếu mình gây nghiệp ác, mình phải đọa vào địa ngục làm ngựa quỷ hoặc làm súc sanh. Nếu mình không lên trời mà cũng không xuống địa ngục, thì mình sẽ ở nhân gian mà sống

một cuộc đời bình thường. Trong cuộc đời này, chúng ta ăn cũng không ít, mặc cũng không ít, ngủ cũng không ít, vậy cuối cùng rồi mình được cái gì? Thì cũng vẫn là tay không mà đến, tay không mà đi. Cho nên câu kệ nói: Đạo một vòng đời rồi cũng không.

Bất như bất lai diệc bất khứ: Đối với cuộc đời như thế, rốt cuộc rồi chúng ta sống có ý nghĩa gì? Chẳng có nghĩa lý gì cả. Bởi vậy: "Chi bằng không đến cũng không đi."

Diệc vô hoan hỷ diệc vô bi: Nếu chúng ta không đến thì sẽ không có cái hoan hỷ, cũng không có cái bi ai. Như vậy không phải là bình yên quá lắm hay sao? Nhưng con người đâu có cam chịu cảnh vắng lặng. Không có chuyện, người ta cũng ráng kiếm chút chuyện để làm. Cho nên ai nấy cứ ở trong sáu nẻo luân hồi, chuyển tới chuyển lui, sanh rồi lại tử, tử rồi lại sanh, và cứ ở đây mà làm người hồ đồ. Quý vị nói là họ đã hiểu rồi. Nhưng mà họ hiểu cái gì? Tôi không tin là họ đã hiểu. Họ chỉ hiểu cái tướng hư vọng vô thường của thế gian, cho nên tâm họ thường có phiền muộn, thường thường không an vui. Quý vị thử nói đi, người sống như thế rốt cuộc có mục đích gì? Nếu chúng ta có thể hiểu rằng làm người không có ý nghĩa, vậy chúng ta nên tìm cho ra cái ý nghĩa chân chánh về cách làm người là gì.

Riêng bản thân tôi cảm thấy: "Mạng người vô thường như trong khoảng thở ra hít vào." Ngày xưa có ba ông lão. Một vị chín mươi tuổi, một vị tám mươi tuổi và một vị bảy mươi tuổi. Ba ông lão cùng hợp mặt chung vui trong bữa tiệc liên hoan. Vị bảy mươi tuổi nói: "Năm nay hội đủ trước bàn tiệc, không biết sang năm sẽ thiếu ai?" Ông bảo là năm nay ba người chúng ta vui vẻ cùng nhau ăn cơm, uống rượu, nhưng không biết sang năm, trong ba chúng ta sẽ vắng ai. Vị tám mươi bèn nói: "Ông nói chi quá xa vời vậy! Hôm nay cởi được giầy và vớ, chẳng biết ngày mai có mang vào nổi không?" Nghĩa là tối nay tôi cởi giầy vớ ra rồi, nhưng không chắc rằng ngày mai tôi vẫn có thể được mang nó. Ông lão chín mươi tuổi bảo: "Ông cũng nói chuyện quá xa xôi đi. Hơi thở tôi vừa thở ra, nó có trở lại hay không, tôi cũng chẳng biết!" Nói được thế, bởi vì ông này đã chín mươi tuổi rồi. Chúng ta mỗi người hãy nên suy gẫm về những lời bàn luận của ba ông lão này. Chúng ta có chắc chắn được rằng, mình sẽ chẳng chết hay không?

Có một người trung niên sau khi chết, anh chàng bèn đến gặp Diêm Vương và nói rằng: "Tôi còn trẻ, sức khỏe lại cường tráng, vậy Ngài gọi tôi xuống đây để làm gì? Tôi vẫn còn làm được nhiều việc lắm đó. Tại sao Ngài gọi tôi xuống đây mà cũng không thông báo trước cho tôi một tiếng nào? Hoặc là Ngài đánh điện tín hay viết thư cho tôi, để tôi chuẩn bị chớ. Bây giờ Ngài bắt tôi đến đây, thật là vô lý!" Diêm Vương bèn nói: "Ta đã gửi thư cho người mấy lần rồi, mà người lại lơ đãng đâu thèm để ý đến."

Người trung niên thưa: "Ngài gửi thư cho tôi hồi nào?"

Diêm Vương đáp: "Ta gửi cho người lá thư thứ nhất là lúc người hàng xóm của người mới sanh con, nhưng qua hai hôm sau thì đứa bé chết. Người có nghĩ là người cũng sẽ chết hay không?"

Anh trung niên thưa: "A! Lá thư đó là gửi cho tôi sao? Tôi không nhận ra những chữ như thế, mà tôi cũng không biết đọc thơ. Thế còn lá thư thứ hai?"

Diêm Vương nói: "Người đã thấy nhiều người ở lứa tuổi người cũng chết mà, đó là thơ thứ hai đấy."

"Nhưng tôi không hề nghĩ là tôi cũng sẽ chết. Còn lá thư thứ ba?"

Diêm Vương tiếp: "Người đã nhìn thấy người già, tai thì điếc, răng thì rụng, vậy sao người không cẩn thận một chút. Người có nghĩ rằng, tương lai cũng sẽ tới phiên mình hay không?"

Người trung niên nghe xong thì cúi đầu ủ rũ, không nói một lời nào.

Mỗi người chúng ta rồi cũng sẽ nhận được những lá thư này, nhưng mọi người đều không chú ý đến. Nếu chú ý đến thì có lợi ích gì? Chúng ta có phương pháp gì không? Chúng ta nên cố gắng học Phật, học liễu thoát sanh tử. Đối với sanh tử, chúng ta phải nắm chắc là mình sẽ được tự do sống chết. Có nhiều người nói đến tự do, nhưng đó là tự do giả tạo thôi. Còn sanh tử tự do, tức là mình muốn sống thì sống đến bao lâu cũng được; nếu mình muốn chết thì chết lúc nào cũng xong. Nói đến thì đến, nói đi thì đi. Mình từ đâu đến, mình cũng biết; mình đi về nơi nào, mình cũng hay. Chúng ta học Phật Pháp là vì muốn được tự do đi lại - sanh tử do mình quyết định, Diêm Vương cũng không quản chế nổi. Dù ông có gửi bao nhiêu điện tín, bao nhiêu lá thư, mình cũng không cần màng tới. Muốn được tự do sanh tử, chúng ta phải bắt đầu từ đâu? Chuyện này rất đơn giản, chứ đâu có gì là huyền diệu. Chúng ta cũng không cần mỗi ngày phải đọc bao nhiêu bài chú để gửi cho Diêm Vương. Ở đây tôi có Lục Đại Tông Chỉ. Nếu quý vị lấy sáu đại tông chỉ này làm cơ sở, và rèn luyện thân tâm, tức quý vị sẽ được tự do sanh tử.

Lục Đại Tông Chỉ là:

1 - Không tranh: Không tranh là kể cả không nổi nóng. Một chút nóng giận cũng không được. Với ai mình cũng không phát cáu. Không nổi nóng thì phiền muộn vô minh cũng sẽ giảm bớt đi. Phiền não dứt rồi thì trí huệ sẽ phát sanh, và chúng ta cư xử với mọi người bằng tấm lòng từ bi.

2 - Không tham: Không tham tài cũng không tham sắc; không tham danh cũng không tham lợi, cái gì mình cũng không tham muốn. Mà hãy nên: Anh cần cái gì thì tôi sẽ cho anh cái ấy.

3 - Không cầu: Không truy cầu bên ngoài, những thứ không nên có thì mình tuyệt đối không cần đến.

4 - Không ích kỷ: Nguyên nhân chúng ta không thể thành Phật và bị đọa xuống tam ác đạo cũng là vì tự tư ích kỷ. Nếu chúng ta không có lòng ích kỷ, thời bất kỳ tội nghiệp gì cũng không có.

5 - Không tự lợi: Chúng ta không nên vì lợi ích cá nhân mà bất chấp thủ đoạn để làm lắm chuyện phi pháp, hoặc làm những việc tổn hại đến kẻ khác.

6 - Không vọng ngữ: Tức là nói thật. Chúng ta tuyệt không dối gạt kẻ khác, hay nói những lời nghe như thiệt nhưng lại là giả.

Tôi cũng vì hai thầy Tam Bộ Nhất Bái, đi ba bước lạy một lạy mà nói Lục Đại Tông Chỉ của Vạn Phật Thành. Nhưng cho đến hôm nay, dù họ đã ngừng Tam Bộ Nhất Bái rồi mà họ vẫn chưa thực hành được bao nhiêu. Tại Vạn Phật Thành, tất cả mọi người đều nói về Lục Đại Tông Chỉ này. Ai có thể thực hành theo một cách đầy đủ thì người đó sẽ ra khỏi tam giới, sẽ thành Phật. Nếu tự mình không thể thực hành theo, mình cũng không nên oán trách người khác đã không giúp đỡ mình. Chỗ hiểu biết của tôi là ở Lục Đại Tông Chỉ này. Bất luận làm việc gì, nếu quý vị có thể giữ đúng theo Lục Đại Tông Chỉ thì quý vị sẽ không tạo nghiệp đâu. Đó là điều kiện tối cơ bản để thành Phật. Nếu chúng ta có thể làm được thì thế giới sẽ được thái bình. Khi người và người không có sự tranh giành với nhau, thế giới này làm sao mà không hòa bình cho được. Giữa người và người không có sự tham lam, như tôi không muốn những gì của quý vị, cũng chẳng tham các tài vật không chánh đáng, tức lúc đó mọi người sẽ cùng nhau chung sống trong hòa bình. Một khi mọi người đều không tham, không cầu, không tranh, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ, thì thế giới tự nhiên sẽ hòa bình và vĩnh viễn sẽ không có sự phân tranh. Quý vị là những người học Phật, trước tiên hãy nên nhận thức rõ ràng về những điều kiện cơ bản này. Như vậy đối với việc học Phật, quý vị mới được nhiều lợi ích lớn lao.

Giảng ngày 13 tháng 6 năm 1987

Ông Sư Trong Mộ

Có một số người muốn biết về cuộc đời quá khứ của tôi, cho nên bây giờ tôi sẽ sơ lược vài điểm để quý vị rõ. Tôi sanh trưởng ở vùng Đông Bắc và xuất gia từ nơi đó. Sau đó tôi bị gió nghiệp thổi đến Thiên Tân, rồi thổi tiếp đến Võ Hán, Hồ Bắc, Phổ Đà Sơn, Tô Châu Linh Nham Sơn. Sau đó nó lại thổi tôi đến Quảng Đông ở chùa Nam Hoa, và được thân cận với Lão Hòa Thượng Hư Vân. Đến năm 1950, tôi lại đến Hồng Kông. Và tại Hồng Kông tôi đã có một khoảng nhân duyên không lớn cũng không nhỏ. Trong thời

gian tôi ẩn cư tại đó, tôi rất ít tiếp xúc với người ngoài. Năm 1962, tôi lại đơn độc một mình đến nước Hoa Kỳ.

Lúc tôi mới đến San Francisco, Hoa Kỳ, cuộc sống ở đây rất là khổ. Tôi sống trong căn phòng dưới hầm (basement). Trong căn hầm này có cửa, nhưng không có cửa sổ, vì vậy ánh sáng mặt trời không soi thấu vào được. Và lại nơi đó rất ẩm thấp, giống hệt như một ngôi mộ phần. Do đó tôi đặt tên riêng cho mình là "Mộ Trung Tăng," tức là Ông Sư Trong Mộ. Tuy vẫn còn sống, nhưng tôi giống như người đã chết, có nghĩa là tôi không tranh chấp với bất cứ người nào. Chuyện gì người ta thích làm, tôi sẽ không tranh mà cứ để cho họ làm. Những gì người ta không thích, hoặc những thứ không tốt lành thì tôi thâu thập lại, giống như là đi nhặt rác rến vậy đó. Tôi ở trong "phần mộ" như thế được sáu năm. Đến mùa hè năm 1968, nhân duyên thành tựu là từ vùng Seattle, có ba, bốn mươi sinh viên với đủ cả các văn bằng: tiến sĩ, thạc sĩ, học sĩ, mời tôi giảng kinh Lăng Nghiêm. Thế là tôi chui ra khỏi ngôi mộ để bắt đầu hoằng dương Phật Pháp tại Tây phương.

Tôi cũng xin nói thêm về chí nguyện và sự thực hiện việc phiên dịch kinh điển của tôi. Tôi là một người tài mọn ít học, cả đời chỉ được học tại trường hai năm rưỡi thôi. Tôi nhập học lúc mười lăm tuổi, nhưng đến mười bảy tuổi lại thôi học. Đến năm mười lăm tuổi tôi mới bắt đầu đi học. Lúc mười sáu, mười bảy tuổi thì tôi tham gia vào Hội Đạo Đức. Mười sáu tuổi, tôi đã giảng thuyết Lục Tổ Đàn Kinh. Một người bất học vô thuật như tôi mà biết giảng kinh, quý vị nói là có tức cười hay không!

Khi ở Đông Bắc, tôi thường quan sát cách thức truyền bá giáo lý của các tôn giáo khác. Chẳng hạn như đạo Thiên Chúa và đạo Tin Lành, tôi thấy giáo nghĩa của họ được phổ biến một cách sâu rộng và có rất đông giáo đồ. Nguyên nhân chủ yếu là vì họ đã phiên dịch Thánh Kinh thành ra nhiều thứ tiếng trên thế giới và phổ biến một cách rộng rãi. Lời lẽ văn tự và giáo lý trong Kinh Thánh thì ngắn gọn, rõ ràng và dễ hiểu. Và lại, nguyên toàn bộ giáo lý của họ đã được cô đọng, thâu gọn vào trong một bộ Kinh Thánh, không có rườm rà nên khiến cho nhiều người dễ dàng tiếp nhận. Đó là một nhân tố lớn khiến cho đạo Thiên Chúa và Tin Lành rất thịnh hành. Còn một nhân tố lớn khác cũng giúp cho họ được thành công, đó là họ đề xướng về ngành giáo dục. Họ thành lập rất nhiều trường học để truyền bá giáo lý, cho nên điều đó đã có sự ảnh hưởng rộng rãi vô cùng.

Qua sự xem xét này, tôi bèn quyết định rằng: Nếu muốn trùng hưng Phật Pháp, chúng ta phải bắt đầu từ hai phương diện như: tự lưu truyền quảng bá kinh điển và đề xướng việc giáo dục. Bởi nhân đó mà tôi sớm phát nguyện, muốn phiên dịch Tam Tạng Kinh Điển thành ra các thứ tiếng ngoại quốc, ngõ hầu truyền bá đến toàn thế giới.

Phiên dịch Tam Tạng Kinh Điển là nhiệm vụ rất khó khăn. Ngày xưa, việc này đều do sự ủng hộ tận tâm của nhà Vua và các quan đại thần, chớ đâu phải do năng lực của một số dân chúng bá tánh mà làm được. Tôi là người không tự lượng sức mình. Tự bản thân tôi, một chữ ngoại ngữ cũng không thông, thế mà lại muốn gánh lấy trách nhiệm

vĩ đại này. Đã không hiểu ngoại ngữ, vậy tôi làm sao phiên dịch đây? Tôi bèn tìm đến các vị học giả hiểu biết tiếng ngoại ngữ, để mà cúi đầu hoặc thăm hỏi. Thấy tôi trịnh trọng như thế, họ đều lấy làm vinh dự. Bởi vậy, tuy phiên dịch kinh điển là công việc rất khó khăn, song họ cũng dốc lòng làm.

Từ năm 1968 đến nay, bốn hội chúng ta xuất bản có hơn trăm bộ kinh điển đã được dịch sang các ngôn ngữ Tây phương. Những kinh sách đó đã được lưu hành khắp các nước, và được nhân sĩ các nước xem rất trọng. Mặc dù công việc phiên dịch chưa thể nói là hoàn hảo lắm, nhưng đúng thật là nó đã thức tỉnh được rất nhiều người đang mê mộng, khiến họ sanh lòng chánh tín đối với Phật Pháp. Và lại, qua cách thử nghiệm này cũng có tác dụng giống như chúng ta ném bỏ hòn đá để lấy vào viên ngọc quý.

Chúng ta hy vọng trong tương lai, người ta sẽ làm công tác phiên dịch càng tinh thâm hơn, và càng đạt tới chỗ viên mãn hơn.

Mãi đến hôm nay, tôi vẫn còn đeo mang canh cánh trong lòng mỗi hoài bão phiên dịch kinh điển và tổ chức giáo dục. Nếu tôi không thực hiện được, thời chết sẽ không nhắm mắt.

Giảng ngày 15 tháng 6 năm 1987

Học Tập Phật Pháp - Chú Trọng Thực Hành

Khi nghiên cứu Phật Pháp, chúng ta nên chú trọng về việc thực hành. Nếu chỉ nói suông mà không thực hành theo, dù ta có nói hay đến nỗi mọc cành, mọc lá, đơm hoa kết trái thì đó cũng vẫn thuộc về hư vọng. Vậy cũng giống như chỉ nói về thức ăn mà không được ăn, như đếm của báu cho người, tự mình chẳng có lợi lộc gì, là tự dối mình và dối người. Chúng ta nên tự hỏi rằng: "Mình nên làm người xuất gia như thế nào? Làm người tại gia ra sao? Là người Phật tử thì nên như thế nào?" Chớ đừng chỉ lo giặt đồ cho người khác, đến nỗi tự bản thân lao nhọc xuất mồ hôi, và quần áo mình vẫn còn dơ bẩn.

Khi nghiên cứu kinh văn, chúng ta nên đem kinh văn hòa hợp vào thân, tâm, tánh mạng của chính mình và tự hỏi: "Ta có thể làm theo Đạo lý này không? Ta có thể tu hành bằng cái tâm ngay thẳng và cái tâm chân thật không? Phải chăng, ta chỉ là người buông thả, lãng phí thời gian trong giáo lý nhà Phật? Có phải ta là người đầu cứng như đá, là người hay nói mà chẳng bao giờ chịu làm?" Chúng ta nên hồi quang phản chiếu, xem xét lại bản thân và tự hỏi: "Rốt cuộc rồi mình muốn làm một người Phật tử như thế nào đây?" Làm người Phật tử chân chánh thì sẽ không sợ bất cứ ai nói về lỗi của mình. Khi mình có lỗi mà có ai nêu ra, chúng ta cũng nên chấp nhận. Bất kể rằng người phê phán đó có trí thức nhiều hơn hay kém hơn mình, lớn tuổi hơn hoặc nhỏ tuổi hơn mình, là nam hay nữ, chúng ta nhất nhất đều nên chấp nhận, chứ không nên cãi lý hoặc biện luận cho mình.

Biết mình sai quấy mà không chịu sửa thì đó là lầm lỗi rồi. Cho nên nói: "Có lỗi biết sửa, xem như không, nếu che giấu, tội càng tăng." Nếu cứ biện hộ để giấu lỗi mình, như vậy chỉ làm tăng thêm nghiệp tội của mình thôi. Khi thấy người phá giới hoặc phạm pháp, các thầy Tỳ Kheo giữ giới có thể đuổi hoặc khiển trách người đó. Nhưng nếu người không có lỗi, mà quý vị cứ nói là người đó phạm lỗi, như thế cũng không đúng đâu. Hoặc ai đó vô tình phạm lỗi, quý vị cũng không nên bươi ra tật xấu của người ta. Quý vị cũng không nên trước mặt thì nói phải, nhưng sau lưng lại nói quấy; hoặc đối diện người thì nói chẳng có vấn đề gì, nhưng sau lưng họ thì tào lao nhiều chuyện. Lại có một số người không tự biết mình, cứ tưởng mình là hay lắm. Họ lại thích trở tài để tạo danh kiếm lợi, kết bè kết đảng, giao du thân thiết với mọi người. Những hạng người như vậy sẽ không được phép ở trong Phật Giáo.

Người tu đạo cần phải ngày ngày giữ gìn tâm đạo và tâm thực hành. Nếu lừa người, dối mình thì mình có lỗi với người, mà cũng có lỗi với chính mình và là người tạo nghiệp tội trong Phật giáo.

Giảng ngày 16 tháng 6 năm 1987

Bồ Đề Tâm Là Chân Tâm

Bồ Đề tâm là gì? Bồ Đề là danh từ tiếng Phạn, dịch là "Giác Đạo," nghĩa là con đường giác ngộ. Bồ Đề tâm là chân tâm căn bản, cũng tức là cái tâm không hồ đồ. Tâm hồ đồ

là tâm tạo nghiệp, tâm không giác đạo. Do đó, chúng ta phải biết cho rõ con đường này là dễ đi hay khó đi. Biết rõ lộ trình rồi chúng ta mới có thể đạt đến mục đích. Lại nữa, Bồ Đề tâm tức là lúc đi đứng nằm ngồi, chúng ta đều tôn thủ đúng pháp luật, mà pháp luật đó chính là giới. Nói đơn giản là: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành.”

Chư ác mạc tác tức là giới. Có năm Giới: Sát, Đạo, Dâm, Vọng, Tửu (rượu). Chúng thiện phụng hành tức là hành thập thiện. Thân, khẩu, ý của chúng ta tổng cộng có mười điều ác. Thân thì phạm sát, đạo, dâm; khẩu thì phạm: ý ngữ, vọng ngữ, ác ngữ, lưỡng thiệt; ý thì phạm: tham, sân, si. Nếu không làm mười điều ác này, vậy là chúng ta đã thực hành thập thiện rồi. Tôi nay xin giải thích một cách sơ lược như sau:

Thân có ba điều ác là: Sát, đạo, dâm. Thật ra, có rất nhiều người không phải là không biết thiện ác, nhưng họ biết mà vẫn cứ cố phạm. Lấy việc sát sanh ra mà nói, người ta đa số biết rằng, sát hại sanh linh là không đúng, nhưng họ vẫn cứ phạm giới sát. Trộm cắp tức là của không cho mà lấy, biết rõ trộm cắp là không tốt, thế nhưng họ vẫn cứ trộm cắp. Tà dâm là ham thích nhục thể, nó là thứ khoái lạc hư vọng chứ đâu phải thật. Bởi vì thứ khoái lạc này là giả, cho nên con người rất dễ đắm mê mà quên mất sự khoái lạc chân thật. Đây là căn bệnh thông thường của người đời. Thật thì không ai nhận ra, nhưng cái giả thì mọi người lại ùa chạy theo.

Cho nên nói: “Nhất thiên năng mại thập đả giả, thập thiên nan mại nhất đản chân,” tức là một ngày có thể bán được một ngàn gánh giả, nhưng khó bán được một gánh thật trong mười ngày. Người đời kỳ quái như thế đấy!

Ý nghiệp của chúng ta phạm ba điều ác như: Tham, sân và si. Tham là lòng tham lam không biết chán. Có người trong lòng cứ nghĩ rằng: “Nếu có được một triệu thì mình đã thỏa mãn lắm rồi.” Nhưng khi có được một triệu, hẳn lại nghĩ đến mười triệu, thậm chí đến cả mười tỷ luôn. Bao nhiêu cũng không thỏa mãn được lòng tham đó.

Có bài kệ như sau:

*Chung nhật mang mang chỉ vị cơ,
Đắc liễu bảo phạm hữu tư y,
Y thực lưỡng ban câu phong túc
Tiền tướng cao lâu dữ mỹ thể,
Thú hạ kiều thể tịnh mỹ thiếp,
Xuất nhập vô thuyền thiếu phi cơ,
Luân thuyền phi cơ cụ kỷ bị,
Hữu vô quan chức bị nhân khi,
Ngũ phẩm Tứ phẩm hiềm quan tiểu,
Tam phẩm Nhị phẩm dã hiềm đê,
Nhất phẩm đương triều tát Tể tướng,
Cánh tướng diện nam khứ đặng cơ,*

*Nhất nhật đăng cơ tọa liểu điện,
Hựu tướng thành Tiên hạ cuộc kỳ.*

Nghĩa là:

*Cả ngày bận rộn chỉ vì đời,
Được no cơm lại nghĩ áo quần,
Khi cơm áo hai thứ đầy đủ,
Bèn tưởng muốn nhà cao vợ đẹp,
Cưới vợ đẹp, thiếp hầu xinh xắn,
Đạo đi còn thiếu tàu máy bay,
Khi sắm đủ tàu thuyền phi cơ,
Lại chưa chức phận bị người khinh,
Ngũ phẩm Tứ phẩm chê là nhỏ,
Tam phẩm Nhị phẩm vẫn còn thấp,
Được chức Tể Tướng đệ nhất triều,
Kế muốn đội mão lên ngôi Đế,
Một ngày chễm chệ trên ngai điện,
Lại muốn cùng Tiên hạp đánh cờ.*

Con người suốt ngày bận rộn chỉ vì lo cho no bụng. Khi bụng no rồi, người ta lại nghĩ đến quần áo đẹp, chưng diện đồ tây thẳng cón và thích kết giao với các quan chức thượng lưu trong xã hội. Đến khi chuyện ăn no, mặc đẹp đã đầy đủ, người ta lại nghĩ đến chuyện cưới vợ đẹp, hoặc lấy được ông chồng tuấn tú đẹp trai. Khi được vợ đẹp, thiếp hầu xinh xắn, hoặc chồng khôi ngô tuấn tú, họ lại nghĩ đến kiệu xe, mua một cỗ xe có tiếng, thậm chí còn muốn có phi cơ để đi đó, đi đây. Khi trong tay có đủ máy bay, xe hơi, họ lại nghĩ nếu chẳng có chức vị quan tước, mình sẽ bị người ta coi thường. Thế là họ lại lân la đến quan trường. Làm quan Ngũ phẩm Tứ phẩm, cho đến Tam phẩm, Nhị phẩm mà họ vẫn chê là nhỏ. Cuối cùng họ làm tới chức Nhất phẩm, tức đại Tể Tướng hay Quốc vụ khanh. Nhưng vẫn chưa cho là đủ, họ lại còn muốn làm Tổng Thống, hay làm Hoàng Đế. Một khi được đăng triều lên bảo điện làm Hoàng Đế, họ lại muốn thành Tiên, trường sanh bất tử và được đánh cờ với các vị Tiên nhân.

Đó là hình dung về cái lòng tham không đáy của con người chúng ta. Dù đã có được gia tài ngàn vạn, nhưng lại muốn nắm trọn quyền kinh tế quốc gia. Khi nắm được nền kinh tế toàn quốc rồi, thậm chí còn muốn nắm luôn cả mạch mạng kinh tế của toàn thế giới. Nói tóm lại, trên thế gian có hai hạng người, một loại là tham danh, một loại là tham lợi. Kẻ tham danh thì cố dùng trăm phương ngàn kế để làm cho tiếng tăm mình được to lớn thêm. Người tham lợi thì dốc lòng tìm mọi mưu kế để càng kiếm được nhiều tiền hơn. Tất cả đều là do lòng tham sai khiến mà ra.

Trong tâm lại còn có độc sân. Sân tức là tâm sân hận, nổi nóng bưng bưng, gọi là: "Khuyết đức đời mao yên" tức là thiếu đức như đầu đội khói. Người có tánh nóng dữ

dội thì giống như suốt ngày đầu bị dội khói, có khí nóng cuộn cuộn xông lên. Đó là dấu hiệu của sự thiếu đức.

Người cao quý thật sự thì không nổi nóng. Nếu có tánh nóng, nhất định là họ cũng phải tự kiềm chế, hàng phục, điều hòa cho thân tâm được bình tĩnh và biết biến độc sân thành ra hiền hòa, biến dao mác thành ra ngọc lụa. Ba độc tham, sân, si có mối liên hệ với nhau. Tất cả phiền muộn của con người đều là do từ tham dục mà ra. Khi có lòng ham muốn, chúng ta bèn hướng ra bên ngoài để tìm cầu. Thấy đồ tốt đẹp là chúng ta muốn chiếm làm của riêng. Nếu chiếm không được thì chúng ta nổi sân. Một khi đã nổi sân, đầu óc chúng ta trở nên tối tăm mê muội, rồi biến thành ngu si. Cái độc si này, không phải là chỉ đến cái ngu si của loài bạch tượng, mà nói về người không biết lý lẽ, mê muội về luật nhân quả, bởi năng khiếu nhận thức của tâm đã bị che khuất rồi. Ba thứ độc này là căn nguyên của tất cả các phiền não. Muốn trừ phiền não, trước hết là chúng ta phải chặt đứt cái gốc của ba độc tham, sân, si.

Khẩu nghiệp của chúng ta rất dễ phạm đến bốn lỗi như: ý ngữ, vọng ngữ, ác khẩu và lưỡng thiệt. Ý ngữ là nói lời thêu dệt bâng quơ, không thật, hoặc nói những lời không đàng hoàng, khiến người nghe khởi vọng tưởng bất tịnh. Vọng ngữ là lời nói không chân thật, dối trá. Ác khẩu là dùng lời nói ác độc mắng nhiếc người, khiến cho người nghe không thể nào chịu nổi. Lưỡng thiệt là nói thị phi phải trái, xúi giục làm cho hai bên ly gián, như răn hai đầu.

Trên đây là phần giải thích sơ lược về thập ác của thân khẩu ý. Nếu chúng ta có thể chuyển thập ác thành thập thiện, cẩn thận giữ gìn để không vi phạm, tức là giữ giới luật. Tâm Bồ Đề là một biệt danh của giới luật. Giới luật là dạy mình giác ngộ. Tâm Bồ Đề là chủng tử thiện vốn có trong tâm mọi người. Nếu chúng ta không quên tâm Bồ Đề thì thiện căn của chúng ta sẽ không đứt đoạn. Không hồ đồ tức là tâm Bồ Đề. Chúng ta hãy cố gắng vun bồi cho hạt giống Bồ Đề tăng trưởng, và hướng thẳng đi trên con đường thành Phật.

Giảng ngày 18 tháng 6 năm 1987

Lạy Phật Nhiều - Thường Gặp Điều Lành

Mỗi năm tại Vạn Phật Thành, lễ Tắm Phật đều được cử hành ở ngoài trời. Hôm nay trời quá nóng, có số người đứng đợi ở bên ngoài hơi lâu, bị phơi nắng đến toát cả mồ hôi. Thật ra, nắng mặt trời cũng là cái thử thách xem quý vị có thành tâm đến đây tắm Phật hay không đó thôi. Giả như quý vị có lòng thành, bị nắng chiếu chút chút, quý vị cũng không cảm thấy khổ. Còn nếu không thành tâm, quý vị sẽ không chịu nổi. Tuy nhiên, đã có một số người chịu không nổi rồi. Vậy sau này chúng ta có thể sẽ thay đổi phương thức tắm Phật cho tốt hơn. Từ chánh điện đi ra, đại chúng có thể đi xa thêm một chút, rồi dạo vòng lại để tắm Phật và đi trở về chánh điện. Như vậy mọi người sẽ miễn phải chờ lâu ở ngoài trời.

Phương thức tắm Phật ở đây gọi là "nhị long thổ thủy," tức như hai con rồng phun nước. Người ta đi ra từ hai bên chánh điện, trông giống như hai con rồng cùng đến để tắm Phật.

Trong số người đến dự hội hôm nay, có người bị bệnh hoặc có người gặp những chuyện khổ. Tình hình hoàn cảnh của mỗi người thì không giống nhau. Nhưng bởi vì mọi người đều quá thành tâm, tôi tin rằng chư Phật và Bồ Tát sẽ rất hoan hỷ mà nói: "Hỡi thiện nam tử, thiện nữ nhân! Các con nhẫn chịu được sự nóng bức như vậy để đến Vạn Phật Thành dự lễ Tắm Phật. Vậy tất cả những điều mà các con mong muốn, các con đều sẽ được mãn nguyện, toại lòng như ý!" Thế là người có tật bệnh sẽ thuyên giảm, người có chuyện nguy khốn sẽ chuyển thành kiết tường, tất cả tai nạn vô hình trung đều tiêu diệt hết.

Quý vị chân thành phát tâm Bồ Đề để tin Phật, điều này dù có dùng tiền cũng không mua được. Cho nên hôm nay, tôi xin chú nguyện đến mọi người. Mong cho quý vị mọi việc đều được như ý nguyện, và luôn tinh tấn đi trên đường Bồ Đề, sớm thành Phật đạo.

Khi đến Vạn Phật Thành, quý vị có để ý coi nơi đây có gì khác biệt so với những chỗ khác không? Tôi nói cho quý vị nghe là ở đây lúc ăn cơm, chúng ta không nói chuyện, đó là chỗ không giống với các nơi khác. Nếu chúng ta không nói chuyện, thức ăn sẽ tiêu hóa dễ dàng hơn. Chúng ta mà nói nhiều quá thì khó tiêu hóa, và sẽ sanh ra biết bao chứng bệnh kỳ quái. Vạn Phật Thành vì muốn cứu vãn cho toàn nhân loại, cho nên trước hết chúng ta phải giúp cho mọi người được khỏe mạnh. Nếu thân thể mình không mạnh khỏe, mình làm sao cứu giúp được người khác đây? Do vậy, sở học của chúng ta là trí huệ, điểm chú ý của chúng ta là thân thể khỏe mạnh.

Trong lúc ăn cơm, chúng ta nên chuyên tâm mà ăn, chứ đừng lựa chọn. Dù thức ăn không ngon, mình cũng nên ăn một chút. Nếu chúng ta xua đuổi bọn quỷ tham ăn, quỷ lười biếng, quỷ ngủ gục chạy hết, như vậy mọi chuyện đều sẽ tốt lành. Cái triết lý này

hàm chứa sự thật rất phong phú. Chỉ cần quý vị hiểu được, ăn như thế nào, mặc như thế nào, ngủ như thế nào, nhất định quý vị sẽ phát tài. Tại sao người ta không phát tài? Bởi vì họ lười biếng quá đi thôi!

Cho nên nói: “Cần kiệm trị gia, gia nghiệp phú; thư hương giáo tử, tử tôn hiền.” Vậy chúng ta đâu cần phải mua cổ phần, cổ phiếu gì để cầu phát tài. Nếu muốn kiếm thêm tiền, quý vị chỉ cần lạy Phật nhiều thêm.

Có người nói: “Tôi suốt ngày lo mua cổ phiếu, tại sao thầy nói những lời không kết tường như thế? Vậy là tôi nhất định sẽ không kiếm được tiền rồi.” Quý vị muốn kiếm tiền à thì lạy Phật nhiều thêm một chút. Lạy Phật so với mua cổ phiếu còn tốt hơn đó.

Sau này, nếu các vị có bạn bè đến tham gia lễ Phật Đản, các vị nên báo trước cho họ biết là ở đây không ăn thịt, không uống rượu, không hút cần sa ma túy, cũng không nháy đăm. Chỗ này không phải là khu vực để ngắm cảnh giải trí, cũng không giống như trung tâm cờ bạc ở Reno. Quý vị nên nói với người ta rằng, ở đây chúng ta chỉ chú trọng đến việc thân thể khỏe mạnh và việc bồi dưỡng trí tuệ. Bởi vậy chúng ta không nên tham hưởng thụ, như tham xe sang, quần áo đẹp, vì đó là tiêu phí tiền bạc. Tiền tài như phân như đất, chỉ xem quý vị có biết dùng nó hay không. Như phân thì có thể dùng làm phân bón cho lúa mạ, chớ đâu có ăn được. Đồng với lý trên, tiền cũng phải biết cách dùng thì mới đúng với ý nghĩa của nó.

Giảng ngày 23 tháng 6 năm 1987

Ngũ Quý Phá Nhà

“Quý vô thường” không phải chỉ vồn vẹn có một loại, mà có ít nhất đến năm loại là: Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen (Thanh, Hoàng, Hồng, Bạch, Hắc). Căn cứ theo lý luận đông y: ngũ hành phối hợp với ngũ tạng trong thân thể con người và cũng tương ứng với ngũ sắc năm màu, ngũ quý năm mùa và ngũ phương năm hướng. Dưới đây là phần sơ lược, nếu giảng giải tỉ mỉ về lý lẽ của nó thì vô cùng vô tận.

- 1) - Can - mộc - đông - xuân - thanh.
- 2) - Tâm - hỏa - nam - hạ - xích.
- 3) - Phế - kim - tây - thu - bạch.
- 4) - Tỳ - thổ - trung - trường hạ - hoàng.
- 5) - Thận - thủy - bắc - đông - hắc.

Ngũ hành có cái lý lẽ là “tương sanh tương khắc.” Mà năm loại quý vô thường cũng dựa theo cái lý ngũ hành tương khắc, và có thể làm cho ngũ tạng của chúng ta phát sanh nhiều thứ tật bệnh liên quan với nhau.

1) - Hắc Quý vô thường - Ví như người có bệnh thận. Và thận thuộc thủy có sắc đen. Bởi thủy khắc hỏa cho nên nó ảnh hưởng cả tim cũng sanh bệnh.

2) - Hoàng Quý vô thường - Tỳ thuộc thổ, sắc vàng. Tỳ có bệnh do thổ khắc thủy, do đó nó lần lượt ảnh hưởng đến thận.

3) - Thanh Quý vô thường - Can (gan) thuộc mộc, sắc xanh. Gan có bệnh do mộc khắc thổ, tiếp đến là nó sẽ làm ảnh hưởng khiến cho tỳ cũng bị bệnh.

4) - Bạch Quý vô thường - Phế (phổi) thuộc kim, sắc trắng. Kim khắc mộc nên phổi bị bệnh, khiến ảnh hưởng đến gan cũng có bệnh.

5) - Hồng Quý vô thường - Tim thuộc hỏa, sắc đỏ. Tim có bệnh do hỏa khắc kim. Cho nên khi tim có bệnh, nó cũng có thể ảnh hưởng đến công năng của phổi.

Như vậy, ngũ hành tương khắc, mà các chứng bệnh của ngũ tạng cũng là tùy theo ác tách tuần hoàn của quy luật nhất định mà sanh ra.

Một con quý vô thường có thể chiêu tập lại thành năm con quý vô thường. Như vậy cũng đủ thấy mạng người là vô thường, chỉ trong khoảng thở ra hít vào. Con người có thể chết đi, con người cũng có thể sống trở lại. Năm tên quý vô thường này có ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với sinh lý và tâm lý của con người. Nhưng bọn chúng không phải tự nhiên mà đến. Không phải là chuyện một sớm một chiều. Mà do trong khoảng thời gian con người từ nhỏ cho đến lúc trưởng thành, họ đã tích lũy từng chút từng chút một, đến nỗi cuối cùng gây ra tình trạng không thể nào tháo gỡ được nữa. Nghiên cứu về căn nguyên, tất cả các thứ bệnh tật quý quái, cho đến cả sanh tử cũng đều là từ "vô minh" mà ra.

Nếu phá trừ được vô minh, thời tất cả các bệnh, tất cả các quý vô thường cũng sẽ không còn. Vô minh chính là cội gốc của tất cả tội ác, phiền não, bệnh khổ cho đến cả sanh tử. Con người nên học cách mở mang trí huệ. Khi có trí huệ rồi, chúng ta sẽ vận chuyển được ngũ hành, đem các đạo lý "tương khắc" biến thành "tương sanh," như có thể làm cho: kim sanh thủy, thủy sanh mộc, mộc sanh hỏa, hỏa sanh thổ, thổ sanh kim. "Tương sanh" tức là cùng giúp đỡ dẫn dắt lẫn nhau, có thể biến hóa dao mác thành ra ngọc lụa.

Bởi vậy, chúng ta nhất định phải phá trừ vô minh để sanh trí huệ. Có trí huệ tức là chúng ta sẽ phá trừ được tất cả các chấp trước. Vì sao con người có chấp trước? Bởi vì vô minh tác quái đấy. Vô minh là đầu mối của tội ác và tai họa. Cho nên, người tu hành nhất định phải phá trừ vô minh. Một khi vấn đề căn bản đã bị diệt trừ, các vấn đề khác sẽ nhân đó mà được giải quyết một cách dễ dàng.

Cho nên nói:

*Đã đặc bốn, mạc sâu mặt,
Như tịnh lưu ly hàm bảo nguyệt,
Ký năng giải thử như ý châu,
Tự lợi lợi tha chung bất kiệt.*

Nghĩa là:

*Chỉ lấy gốc, chớ lo ngọn,
Như gương trong sạch chứa bảo trắng,
Đã hiểu được ngọc như ý này,
Lợi mình, lợi người mãi không hết.*

Bệnh hoạn là do nghiệp chướng và quý thần đang tác quái. Chúng ta cũng không thể dùng con mắt nhục nhãn để quan sát các hiện tượng bệnh tật một cách đơn giản như thế. Do bởi bản thân của bệnh nhân có nghiệp chướng, cho nên mới có nhiều loài quý quái đi theo đòi nợ và gây rắc rối cho người bệnh. Do đó, tùy theo tình hình của chứng bệnh, nếu đơn thuần chỉ trông cậy vào thuốc men để trị liệu thì chưa đủ đâu. Mà người bệnh còn phải hiểu rõ về cái nhân duyên nghiệp chướng của bản thân mình. Thêm vào những bài linh chú Phật Pháp, như vậy trị bệnh sẽ được hiệu quả hơn, cho nên “thuốc đến là bệnh trừ,” có linh nghiệm liền. Bởi vậy, thời xưa có những vị thầy thuốc được danh dự là “thần y” như Hoa Đà đời Đông Hán, Tôn Tư Mạc đời Đường. Về đức độ trị bệnh của họ thì không thể nghĩ bàn. Những vị đó đều tin Phật, chẳng qua trên y án trị liệu không có ghi chép lại mà thôi.

Có số bệnh nhân được bác sĩ trị liệu có kết quả. Song, cũng có bệnh nhân được bác sĩ chữa lành bệnh này rồi, nhưng bệnh khác lại phát ra. Vừa trị hết bệnh này thì lại xuất hiện bệnh mới khác. Có khi họ liên tiếp bị hai ba thứ bệnh như vậy, cũng bởi vì nghiệp chướng cứ mãi quấy rầy ở phía sau. Như Bác sĩ đã đánh lui được con quý gây bệnh, nhưng con quý này sẽ đi tìm con quý khác đến giúp đỡ, rồi chúng trở lại tấn công vào hang huyết khác của người bệnh. Bọn quý cũng thường có hành động tập thể theo từng đoàn, từng đám với nhau.

Trung Hoa có câu thành ngữ: “Bệnh nhập cao hoang,” bệnh đã vào tim, cho biết là bịnh tình trầm trọng, không thể cứu chữa được.

Trong Tả Truyện Thành Công Thập Niên có ghi chép như sau:

Tấn Cảnh Công bị bệnh, Tần Bá mời Cao Hoãn chữa trị. Trong lúc Cao Hoãn chưa kịp đến, Tấn Cảnh Công nằm mộng thấy có hai đứa tiểu nhân. Một đứa nói: “A! Lương y giỏi vậy, e rằng hấn sẽ làm tổn thương đến mình. Mình phải làm sao đây?” Đứa kia nói: Chúng ta cư ngụ trên là hoang, dưới là cao thì làm gì được ta chớ! (Chỗ dưới quả tim gọi là Cao, Hoang là chỗ dưới tim trên hoành cách mô). Sau đó bác sĩ đến bảo: Bệnh này không thể làm gì được, trên Hoang, dưới Cao, công không được, mà thông cũng không tới. Thuốc không thấm đến, không trị được đâu.

Tấn Cảnh Công nói: Lương y! Hoang là hoành cách mô, Cao là tung cách chướng đó.

Tấn Cảnh Công nhờ nằm mộng mà biết được vị trí hai đũa tiểu quý đã chui vào ở trong thân thể ông. Sau đó, tuy mời được thái y nước Tần là Cao Hoãn đến chữa trị. Cao Hoãn vốn là học trò giỏi của lương y Biển Thước, là vị nổi tiếng đương thời, nhưng ông cũng không có cách nào cứu vãn được bệnh tình của Tấn Cảnh Công. Bởi vì bộ phận trên hoang, dưới cao, châm cứu trị liệu gì cũng không thông được. Do đó người đời sau nhân câu chuyện này, lập nên thành ngữ "Bệnh Nhập Cao Hoang" để hình dung về chứng bệnh nan y, không thể nào cứu chữa được.

Ở trên thế gian, có cả trăm ngàn bệnh tật kỳ quái, cái gì cũng có hết, gọi là: "Nghĩ nan tạp chứng," những chứng bệnh nan y khó trị đã khiến cho cả đám bác sĩ cũng phải bó tay. Nhưng những chứng bệnh cổ quái linh tinh đó, ngay cả trong sách vở về y dược cũng không có ghi chép lại.

Khi tôi vừa mới xuất gia, tôi vẫn thường hay trị bệnh cho người ta. Nhưng tôi không có viết toa thuốc cho bệnh nhân, tôi cũng không có dùng thủ thuật mổ xẻ hoặc châm cứu gì cả. Tôi chỉ dựa vào tấm lòng chân thành của tôi để niệm những bài linh chú Phật giáo mà thôi. Tâm chí chân thành đó là cứu người. Lúc bấy giờ, tôi đã không biết gì đến chuyện phải cứu quý, cứu ma. Trong tâm tôi chỉ có tư tưởng cứu người, vì thế tôi đã làm bọn quý không vui lòng. Bởi vì khi quý vị chữa bệnh cho người, bọn ma quý nghĩ rằng quý vị muốn chống đối chúng, thế là chúng giận lây đến người chữa trị.

Khi tôi còn ở Đông Bắc, có vô số loài sơn yêu thủy quái kéo đến từ bốn phương tám hướng, ngày đêm sáu thời chúng đều theo dõi tôi và chờ cơ hội để báo thù. Nếu có chút sơ hở là chúng thừa cơ xông vào. Quả thật là tôi không thể nào đề phòng được, cho nên thường bị thiệt hại. Hoặc chỉ mình tôi bị thua thiệt, hoặc là khiến cho những người chung quanh tôi cũng bị thiệt thòi lây. Đa số người ở đó hoàn toàn đâu biết gì về tình cảnh bên trong. Có lần nước phát dâng ngập ở làng Đông Tỉnh, chỉ vùn vện trong bốn giờ đồng hồ mà đã chìm chết ba mươi người, và cuốn trôi hơn tám trăm nóc nhà. Trận hồng thủy đó kéo đến rất nhanh, người đứng trên giường lò (chỗ ngủ phía trên nắp lò sưởi) cũng bị chết chìm. Số nạn nhân bị thiệt thòi đó cũng là tại tôi. Bọn yêu ma quý quái muốn dâng nước cho ngập lụt vốn để chìm chết tôi, nhưng rốt cuộc tôi không bị chết chìm, mà làm liên lụy đến rất nhiều người. Cho mãi đến ngày nay, đối với sự việc đó, tôi vẫn cứ khắc khoải trong lòng và cảm thấy rất có lỗi với những người đã mất.

Giảng ngày 26 tháng 7 năm 1987

Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa

宣化上人簡傳

Hòa Thượng Tuyên Hóa họ Bạch, tên thật là An Từ, tự Độ Luân. Ngài quê ở huyện Song Thành, tỉnh Tùng Giang thuộc Đông Bắc, Trung Hoa, tức là Mãn Châu. Phụ thân Ngài tên Phú Hải, chuyên làm nghề nông. Mẹ họ Hồ, sinh được tất cả tám người con, năm trai ba gái và Ngài là út. Hồ thái phu nhân thọ chay trường, niệm Phật chẳng hề gián đoạn. Một đêm nọ phu nhân nằm mộng thấy Đức Phật A Di Đà hiện thân phóng đại quang minh chiếu triệt thế giới, chấn động thiên địa. Giật mình tỉnh giấc, phu nhân ngửi thấy mùi hương kỳ diệu khắp phòng, rồi sau đó hạ sanh ra Ngài. Vừa ra đời, Ngài liền thanh khóc suốt ba ngày đêm không dứt. Chính là vì đau xót cho nỗi khổ của thế giới Ta Bà này vậy.

Ngài cư ngụ tại một thôn quê nhỏ bé, thừa thớt nhà cửa. Thế nên, đến năm mười một tuổi Ngài chưa hề thấy qua người chết. Một hôm, Ngài thấy một em bé, miệng ngậm, mắt nhắm, nằm bó trong đám rơm bên lề. Ngài gọi mà đứa bé chẳng đáp, rờ thì chẳng có hơi thở. Ngài lấy làm khó hiểu vô cùng nên hỏi nhóm bạn. Có kẻ hiểu biết liền nói: “Đứa bé đã chết rồi!” Song Ngài vô cùng ngạc nhiên, không hiểu thế nào là chết. Về nhà, Ngài liền hỏi mẹ, bà dạy: “Phàm là người, ai cũng phải chết. Có kẻ chết già, có kẻ chết vì bệnh, cũng có kẻ chết vì tai nạn. Bất luận là giàu sang hay nghèo khó, bất luận là sĩ, nông, công, thương, hay quan lại, ai ai rốt cuộc rồi cũng phải chết.” Ngài lại hỏi: “Nếu thật như vậy, có cách gì thoát được chết không?” Bấy giờ trong nhà có vị khách là người tu hành.

Vị này đỡ lời đáp rằng: “Chỉ có cách tu Đạo, minh ngộ tự tâm, triệt kiến bốn tánh thì mới liễu đoạn sanh tử, siêu thoát luân hồi, thành Chánh Giác, chứng Vô Sanh.”

Tuy lúc đó Ngài còn nhỏ tuổi, song đối với lời vị khách nói, Ngài tỉnh ngộ sâu xa, do đó Ngài quyết chí xuất gia tu Đạo.

Khi Ngài bàn chuyện xuất gia với mẹ, bà dạy: “Xuất gia là chuyện rất tốt, nhưng cũng không phải là chuyện dễ làm. Cần có thiện căn, có đại nguyện lực, và cần phải phát đại Bồ Đề tâm thì mới có thể thành tựu Vô Thượng Đạo. Nay con đã phát tâm, ta hết sức đồng ý, cũng thật là phù hợp với giấc mộng xưa kia vậy. Nhưng nay ta đã già, ngày tháng chẳng còn bao lâu, các anh chị con đều đã tự lập. Con nên ở lại để phụng dưỡng cha mẹ; khi ta mất rồi, con xuất gia tu hành, lúc đó cũng chẳng muộn.” Ngài vâng lời cha mẹ, rồi sau đó hằng ngày thường theo mẹ lạy Phật. Lạy Phật xong, Ngài lạy cha mẹ. Ngày qua ngày, đông tàn xuân đến, Ngài cung kính phụng dưỡng song thân như đối với Phật vậy. Chẳng bao lâu tiếng đồn về sự hiếu thảo của Ngài vang khắp bốn phương. Khi đó mọi người đều gọi Ngài là Bạch Hiếu Tử (người con chí hiếu họ Bạch).

Năm Ngài 19 tuổi thì mẹ Ngài qua đời; bấy giờ Ngài từ giã họ hàng lên chùa Bái Hòa Thượng Thường Trí làm Thầy và quy y, chính thức xuất gia, thọ giới. Sau đó, Ngài về lại nơi mộ phần thân mẫu để thủ hiếu trong ba năm. Suốt thời gian ấy, Ngài sống trong một túp lều tranh nhỏ, ngày ngày tọa Thiền, đọc tụng kinh điển Đại Thừa và niệm Phật A Di Đà. Rất nhiều lần Ngài ngồi Thiền rồi nhập Định, liên tiếp trong nhiều tuần lễ chẳng rời thiền sàng.

Một đêm nọ, dân trong thôn gần đó hốt hoảng thấy túp lều tranh của Ngài hừng hực lửa đỏ. Ánh lửa hồng phừng thẳng lên giữa không trung và túp lều tranh thì sáng rực như ban ngày. Nhiều người chạy đến mộ, hô hoán: “Nhà Hiếu Tử bị cháy rồi!” Cả trăm người trong làng hè nhau xách gáo, đem xô tới để chữa cháy. Song, khi tới nơi họ chỉ thấy túp lều tranh bình lặng, lửa chẳng cháy và Ngài thì vẫn an nhiên, tĩnh mặc trong Thiền Định!

Có lần Ngài đang tọa Thiền thì chợt có vị khách đến viếng. Vị khách ấy, ngạc nhiên thay, chính là Lục Tổ Huệ Năng! Đức Tổ Sư dạy Ngài rằng trong tương lai Ngài sẽ tới Hoa Kỳ để độ sinh, rằng ở Tây phương Ngài sẽ gặp nhiều kẻ hữu duyên có thể hoằng dương Phật Pháp và Ngài sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Mãi đến lúc Đức Tổ Sư từ biệt quay đi rồi, Ngài mới choàng tỉnh, nhớ lại rằng Ngài Huệ Năng vốn là người đời Đường khoảng 1.200 năm về trước.

Sau Đệ Nhị Thế Chiến, Ngài vân du khắp nơi. Cuối cùng, trải qua hơn ba ngàn dặm, Ngài tới chùa Nam Hoa, Bái kiến vị Đại Thiên Tri Thức của thời bấy giờ là Lão Hòa Thượng Hư Vân. Lão Hòa Thượng lúc ấy đã 109 tuổi. Vừa nhìn thấy Ngài, Lão Hòa Thượng liền nhận ra ngay sự chứng ngộ của Ngài. Khi đó, Lão Hòa Thượng nói: “Như thị, như thị!” và Ngài cũng đáp lại: “Như thị, như thị!” Bấy giờ, Lão Hòa Thượng Hư Vân ấn chứng sở đắc của Ngài và Ngài chính thức trở thành vị Tổ thứ chín của dòng pháp Quy Ngưỡng.

Sau đó, Lão Hòa Thượng dạy Ngài ở lại chùa đảm nhận chức Viện Trưởng Viện Giới Luật của Chùa Nam Hoa.

Năm 1950, Ngài từ giã chùa, lên đường sang Hương Cảng. Ở đây, Ngài sống tại một sơn động biệt lập, chẳng lai vãng gì đến bụi trần, tục lụy. Chẳng bao lâu, có vô số Tăng-lữ Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa từ Trung Hoa, Đại Lục qua Hương Cảng tỵ nạn và họ cần sự giúp đỡ của Ngài. Cuối cùng, ứng với nhân duyên, Ngài rời sơn động, lập ra giảng đường và hai ngôi chùa, cùng trợ giúp xây dựng nhiều đạo tràng khác.

Trong suốt mười hai năm ở Hương Cảng, Ngài là tấm gương sáng, tinh tấn tu hành khổ hạnh, quên mình vì Phật Pháp. Ngài đã ảnh hưởng vô số thiện nam tín nữ, khiến họ phát tâm Bồ Đề, quy y Tam Bảo, ủng hộ Phật Pháp.

Năm 1962, Ngài đến San Francisco, Hoa Kỳ. Tại đây, nơi một nhà kho nhỏ, Ngài kiên trì tu hành trong im lặng, chờ đợi cho cơ duyên hoằng dương Đạo Pháp chín muồi. Lúc ấy,

Ngài tự gọi mình là “Mộ Trung Tăng” (nhà Sư trong phần mộ), hay là Hoạt Tử Nhân (người đã chết nhưng còn sống). Những Phật tử hiểu biết sự tu hành chân chính của Ngài đều rất cảm động và cung kính ủng hộ, cúng dường Ngài.

Năm 1968, Ngài biết cơ duyên đã đến, Ngài nói: “Một đóa hoa sẽ nở ra năm cánh.” Mùa hè năm đó, Ngài chủ trì Pháp Hội giảng Kinh Lăng Nghiêm trong 96 ngày. Khi Pháp Hội kết thúc, quả nhiên có năm người Mỹ đầu tiên xin xuất gia với Ngài.

Từ đó, Ngài tiếp tục chủ trì nhiều Pháp Hội cùng giảng giải các bộ kinh như: Tâm Kinh, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Bảo Đàn v..v... Năm 1971, Ngài giảng bộ kinh tối cao của Đại Thừa, đó là Kinh Hoa Nghiêm.

Song song với việc giảng Kinh, thuyết Pháp, Ngài còn làm vô số công đức độ sinh khác. Năm 1976, Ngài thành lập Vạn Phật Thánh Thành là nền tảng căn cứ địa để hoằng dương Phật Pháp ở Hoa Kỳ. Tại Vạn Phật Thánh Thành, Ngài xây dựng chế độ Tùng-lâm, đào tạo Tăng, Ni, học chúng, tạo nhân duyên thù thắng cho sự chân chính tu hành.

Kệ Hồi Hương

Nguyện đem công đức này, Trang nghiêm cõi Tịnh Độ
Trên báo bốn trọng ân, Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe, Đều phát Bồ Đề tâm
Đến khi mạng này hết, Đồng sanh Cực Lạc quốc.